|  |  |
| --- | --- |
| Logo of HCVC | ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH  **TRƯỜNG CAO ĐẲNG NGHỂ TP.HCM**  **Địa chỉ**: 235 Hoàng Sa (38 Trần Khánh Dư), Phường Tân Định, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.  **Website**:  [www.caodangnghehcm.edu.vn](http://www.dongan.edu.vn/) |

**BÁO CÁO**

**KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG**

**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

**NGHỀ ĐIỆN CÔNG NGHIỆP**

**TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG**

**NĂM 2021**

***TP. Hồ Chí Minh, tháng 10 năm 2021***

**MỤC LỤC**

# MỤC LỤC

[MỤC LỤC i](#_Toc116315957)

[DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT iii](#_Toc116315958)

[PHẦN A: GIỚI THIỆU TRƯỜNG CAO ĐẲNG NGHỀ TP.HCM 1](#_Toc116315959)

[I. THÔNG TIN CHUNG 1](#_Toc116315960)

[II. THÔNG TIN KHÁI QUÁT VỀ LỊCH SỬ PHÁT TRIỂN VÀ THÀNH TÍCH NỔI BẬT CỦA TRƯỜNG 1](#_Toc116315961)

[III. GIỚI THIỆU VỀ KHOA ĐIỆN - ĐIỆN LẠNH 5](#_Toc116315962)

[1. Thông tin khái quát và các thành tích đạt được 5](#_Toc116315963)

[2. Cơ cấu tổ chức 8](#_Toc116315964)

[3. Các chương trình đào tạo Khoa được giao phụ trách 8](#_Toc116315965)

[4. Mục tiêu của chương trình đào tạo nghề Điện công nghiệp 8](#_Toc116315966)

[5. Phương thức đào tạo 11](#_Toc116315967)

[6. Tóm tắt nội dung chương trình đào tạo nghề Điện công nghiệp trình độ Cao đẳng 11](#_Toc116315968)

[7. Địa điểm đào tạo, quy mô tuyển sinh theo giấy đăng ký hoạt động dạy nghề, kế hoạch, số lượng tuyển sinh, tỷ lệ tốt nghiệp 13](#_Toc116315969)

[8. Đội ngũ nhà giáo 13](#_Toc116315970)

[9. Cơ sở vật chất phục vụ chương trình đào tạo 14](#_Toc116315971)

[PHẦN B: KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO 15](#_Toc116315972)

[I. TỔNG QUAN CHUNG 15](#_Toc116315973)

[1.1. Căn cứ tự đánh giá 15](#_Toc116315974)

[1.2. Mục đích tự đánh giá 16](#_Toc116315975)

[1.3. Yêu cầu tự đánh giá 16](#_Toc116315976)

[1.4. Phương pháp tự đánh giá 17](#_Toc116315977)

[1.5. Các bước tiến hành tự đánh giá 17](#_Toc116315978)

[II. TỰ ĐÁNH GIÁ 17](#_Toc116315979)

[2.1. Tổng hợp kết quả tự đánh giá: 17](#_Toc116315980)

[2.2. Tự đánh giá theo từng tiêu chí, tiêu chuẩn 25](#_Toc116315981)

[2.2.1. Tiêu chí 1 - Mục tiêu, quản lý và tài chính 25](#_Toc116315982)

[2.2.2. Tiêu chí 2 - Hoạt động đào tạo 33](#_Toc116315983)

[2.2.3. Tiêu chí 3 - Nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động 44](#_Toc116315984)

[2.2.4. Tiêu chí 4 - Chương trình, giáo trình. 62](#_Toc116315985)

[2.2.5. Tiêu chí 5 - Cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo và thư viện 81](#_Toc116315986)

[2.2.6. Tiêu chí 6 - Dịch vụ người học 97](#_Toc116315987)

[2.2.7. Tiêu chí 7 - Giám sát, đánh giá chất lượng 107](#_Toc116315988)

[PHẦN C: TỔNG HỢP KẾ HOẠCH NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO 119](#_Toc116315989)

[PHẦN D: ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ 119](#_Toc116315990)

[I. ĐỀ XUẤT 119](#_Toc116315991)

[II. KIẾN NGHỊ 120](#_Toc116315992)

[PHỤ LỤC 121](#_Toc116315993)

[Phụ lục 3. Bảng mã minh chứng 131](#_Toc116315994)

# DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **TT** | **Từ viết tắt** | **Nội dung** |
|  | BGH | Ban giám hiệu |
|  | Bộ LĐTBXH | Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội |
|  | GDNN | Giáo dục nghề nghiệp |
|  | CB, VC, GV, NV | Cán bộ, Viên chức, Giảng viên, Nhân viên |
|  | HSSV | Học sinh, Sinh viên |
|  | Khoa CNTT | Khoa Công nghệ thông tin |
|  | Khoa CNTP | Khoa Công nghệ thực phẩm |
|  | Khoa Đ-ĐL | Khoa Điện - Điện lạnh |
|  | Khoa KHCB | Khoa khoa học cơ bản |
|  | Khoa SPGDNN | Khoa Sư phạm Giáo dục nghề nghiệp |
|  | HCMCVC | Tên viết tắt tiếng Anh của trường |
|  | Tp.HCM | Thành phố Hồ Chí Minh |
|  | P.ĐBCL&KT | Phòng Đảm bảo chất lượng và Khảo thí |
|  | TT BDKNN&QHDN | Trung tâm bồi dưỡng kỹ năng nghề và Quan hệ doanh nghiệp |
|  | TT TS&HTVL | Trung tâm tuyển sinh và hỗ trợ việc làm |
|  | P.HTQT&QLKH | Phòng Hợp tác quốc tế và Quản lý khoa học |
|  | P.ĐT | Phòng Đào tạo |
|  | P.QTTB | Phòng Quản trị thiết bị |
|  | P.TC-KT | Phòng Tài chính -Kế toán |
|  | P.HC-TC | Phòng Hành chính -Tổ chức |

# 

# 

# PHẦN A: GIỚI THIỆU TRƯỜNG CAO ĐẲNG NGHỀ TP.HCM

## THÔNG TIN CHUNG

Tên trường: **TRƯỜNG CAO ĐẲNG NGHỀ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Tên tiếng Anh: HO CHI MINH CITY VOCATIONAL COLLEGE

Cơ quan chủ quản: UBND THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH - Sở Lao động - Thương binh và Xã hội Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ trường:

* Cơ sở 1: 235 Hoàng Sa (38 Trần Khánh Dư), Phường Tân Định, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh.
* Cơ sở 2: 01 Đường 17 (48/43 Chương Dương), Phường Linh Chiểu, Quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.

Số điện thoại : (028) 38438720 - (028) 38483265

Số Fax : (028) 3843.5537

Email : cdntphcm@vnn.vn

Website : [www.caodangnghehcm.edu.vn](http://www.dongan.edu.vn)

Năm thành lập trường:

- Năm thành lập đầu tiên: 1999 - Trường Công nhân Kỹ thuật Tp. Hồ Chí Minh.

- Năm 2007 nâng cấp thành Trường Cao đẳng nghề Tp. Hồ Chí Minh.

Loại hình trường: Công lập

## THÔNG TIN KHÁI QUÁT VỀ LỊCH SỬ PHÁT TRIỂN VÀ THÀNH TÍCH NỔI BẬT CỦA TRƯỜNG

Tháng 10 năm 1999 Uỷ Ban Nhân Dân TP. Hồ Chí Minh đã ra quyết định thành lập Trường Công Nhân Kỹ Thuật Thành phố Hồ Chí Minh với nhiệm vụ chính của trường là đào tạo đội ngũ lao động kỹ thuật lành nghề, cung cấp nguồn nhân lực có chất lượng cho nhu cầu phát triển Kinh tế - Xã hội tại Thành phố Hồ Chí Minh nói riêng và các khu vực lân cận nói chung.

Ngày 31 tháng 01 năm 2007 Bộ trưởng Bộ Lao động -Thương binh và Xã hội đã ký quyết định số 196/QĐ-BLĐ-TB&XH nâng cấp Trường Công nhân Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh thành Trường CĐN TPHCM. Tháng 2/2009 trường được Bộ Lao động Thương binh và Xã hội công nhận đạt tiêu chuẩn Kiểm định chất lượng dạy nghề thời hạn 5 năm và chọn là trường đầu tư tập trung trọng điểm từ vốn Chương trình mục tiêu đến năm 2020. Trường cũng được Uỷ ban Nhân Dân TP. Hồ Chí Minh xây dựng kế họach đầu tư nâng cấp thành trường đạt chuẩn chất lượng cao ngang tầm khu vực giai đoạn 2010 - 2020.

Trong những năm qua Trường Cao đẳng nghề Thành phố Hồ Chí Minh không ngừng phát triển về cơ sở vật chất, quy mô đào tạo, ngành nghề đào tạo và chất lượng đào tạo. Những năm đầu chỉ đào tạo có 4 nghề, cơ sở vật chất còn thiếu, đội ngũ giảng viên và cán bộ, công nhân viên chỉ hơn 40 người, trình độ đào tạo chủ yếu là công nhân kỹ thuật 3/7. Đến nay cơ sở hạ tầng, trang thiết bị dạy nghề đảm bảo đủ cho 14 nghề mà trường đang đào tạo, trình độ đào tạo trung cấp và cao đẳng nghề.

Với tiêu chí **“*Chất lượng đào tạo là mục tiêu hàng đầu”***, để góp phần cung cấp nguồn nhân lực có kiến thức và có kỹ năng cao phục vụ cho sự nghiệp Công nghiệp hóa - Hiện đại hóa Đất nước, hội nhập Quốc tế, nhà trường tiếp tục gắn kết nhiều chương trình hợp tác, liên kết đào tạo với nước ngoài như: Tỉnh Kawasaki, Nhật Bản về tổ chức bồi dưỡng tay nghề cho giảng viên, sinh viên nghề ĐCN và nâng cao tay nghề cho giảng viên nghề Hàn; APEPE (Vương Quốc Bỉ) về “xây dựng các chỉ số theo dõi triển khai chương trình tiếp cận theo năng lực”, “Xây dựng các Bộ chuẩn 3 nghề Ô tô”; Tổ chức JICA, Nhật Bản về “Tăng cường lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp tại Việt Nam”; Hợp tác với Hội đồng Anh và trường West college Scotland về xây dựng và phát triển hệ thống đảm bảo chất lượng, phát triển kỹ năng thiết yếu trong chương trình giảng dạy chuyên môn. Tham gia chương trình “Học Bổng Nữ Sinh Kỹ Thuật” thuộc dự án “Liên Minh Hợp Tác Giáo Dục Đại Học Ngành Kỹ Thuật” do Intel, Cơ Quan Phát Triển Quốc Tế Hoa Kỳ - USAID, Đại Học Bang Arizona Hoa kỳ, Tập đoàn Siemens, Danaher, Cadence, National Instrument, Pearson đồng tài trợ; Triển khai hoạt động lồng ghép giới (bình đẳng giới) thuộc Dự án do Tây Ban Nha tài trợ nhằm lồng ghép bình đẳng giới trong các quy định đối với cán bộ, giảng viên trường nghề (theo công văn 276/CKĐCL-KĐ của Cục kiểm định chất lượng dạy nghề- TCDN). Thực hiên dự án “Hợp tác chiến lược ngành Đan Mạch - Việt Nam về đào tạo nghề” với nghề thiết kế đồ họa từ 2016-2020.

Trường Trường Cao đẳng nghề Thành phố Hồ Chí Minh được Bộ Lao động -Thương binh và Xã hội chọn thí điểm đào tạo Cao đẳng nghề đạt chuẩn trình độ cấp độ Quốc tế theo chương trình đào tạo nghề được chuyển giao từ Úc với 3 nghề: Nghề Công nghệ thông tin (Ứng dụng phần mềm), nghề Điện tử công nghiệp và nghề Kỹ thuật lắp đặt điện và điều khiển trong công nghiệp tại Quyết định 760/QĐ-LĐTBXH ngày 19.6.2012 của Bộ trưởng Bộ Lao động -Thương binh và Xã hội. Với chương trình đào tạo này, người học sau khi tốt nghiệp được cấp 2 bằng: 1 bằng Cao đẳng nghề của Việt Nam và 1 bằng Cao đẳng nghề Quốc tế do học viện Chisholm, Bang Victoria Úc cấp.

Trường là một trong các trường được đầu tư trong Dự án phát triển thành trường nghề chất lượng cao theo quyết định số 761/QĐ-TTg ngày 23 tháng 5 năm 2014 của Thủ tướng chính phủ. Bộ Lao động -Thương binh và Xã hội lựa chọn và phê duyệt trở thành 1 trong 40 trường nghề chất lượng cao của Việt Nam đến năm 2020 theo Quyết định số 1477/QĐ-LĐTBXH ngày 22.10.2012, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội phê duyệt nghề trọng điểm và trường được lựa chọn và theo Quyết định số 854/QĐ-LĐTBXH ngày 6.6.2013 nghề trọng điểm quốc gia, khu vực và quốc tế. Trường được phê duyệt 6 nghề trọng điểm (03 nghề cấp độ Quốc tế: Công nghệ thông tin (ứng dụng phần mềm), Điện tử công nghiệp, Kỹ thuật lắp đặt điện và điều khiển trong công nghiệp; 02 nghề cấp độ khu vực: Điện công nghiệp, Cắt gọt kim loại; 01 nghề cấp độ quốc gia: Điện công nghiệp) giai đoạn 2016-2020 và định hướng đến năm 2025 theo quyết định số 1836/QĐ-LĐTBXH ngày 27/11/2017 của Bộ Lao động -Thương binh và Xã Hội.

Qua 20 năm hoạt động và phát triển đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao và đạt được nhiều kết quả nhất định, dưới đây là những kết quả nổi bật nhất của trường:

Từ năm 1999 đến 2012 Trường đã nhận được nhiều Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ và Bằng khen của Bộ Lao động -Thương binh và Xã hội. Cùng nhiều Cờ thi đua của UBND TP. HCM, Cờ thi đua của Tổng LĐLĐ Việt Nam.

Được Chủ tịch nước trao tặng Huân chương Lao động hạng 3 theo quyết định số 1408/QĐ-CTN ngày 25/09/2009.

Năm 2012 Trường cử GV tham gia hội giảng Giảng viên dạy nghề toàn quốc đạt 1 đạt giải nhất và 1 đạt giải ba

Về phía Đảng bộ cơ sở: đạt danh hiệu trong sạch vững mạnh tiêu biểu 5 năm liền (2007-2011) theo quyết định số 1435-QĐ/TU ngày 09/10/2012.

Từ năm 2013 đến nay Trường được Uỷ ban Nhân dân thành phố HCM công nhận “Tập thể lao động xuất sắc năm 2012”, Bằng khen Ủy ban nhân dân Thành phố “Đã có thành tích xuất sắc trong công tác dạy nghề và đào tạo nghề cho thanh niên giai đoạn 2012-2015” ngày 19/3/2015 theo QĐ số 1158/QĐUB ngày 19/3/2015. Theo đó cũng có nhiều bằng khen cho các cá nhân như:

+ 3 Chiến sĩ thi đua cấp thành phố.

+ 3 Bằng khen do Bộ Lao động Thương binh & Xã hội cấp theo QĐ số 45/QĐ-LĐTBXH ngày 8/1/2013 cho 3 cá nhân đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ năm 2012.

+ Bằng khen cấp thành phố cho 05 giảng viên tham gia hội giảng giảng viên dạy nghề toàn quốc 2015.

Được UBND thành phố HCM công nhận “Tập thể lao động xuất sắc nhiệm vụ năm học 2013 góp phần tích cực trong phong trào thi đua của thành phố” theo quyết định số 678/QĐ-UBND ngày 17/2/2014.

Công đoàn và Đoàn Thanh niên được đạt danh hiệu vững mạnh, xuất sắc 3 năm liền, nhận bằng khen của Tổng LĐLĐ Việt Nam và Trung ương Đoàn TNCS Hồ Chí Minh.

+ Đoàn trường Đạt danh hiệu “Đoàn cơ sở xuất sắc”.

+ Công đoàn trường Đạt danh hiệu “Công đoàn vững mạnh xuất sắc”.

Năm 2015, hội thi giảng viên dạy giỏi nghề cấp Thành phố đạt: 05 giải nhất và 01 giải 3. Hội thi giảng viên dạy giỏi nghề cấp Toàn quốc đạt thành tích 01 giải nhì; 02 giải ba; 02 giải khuyến khích; 02 giải giảng viên tham gia trẻ nhất và 01 giải giảng viên sử dụng thiết bị dạy nghề tự làm trong bài giảng đạt hiệu quả cao.

Hội thi tay nghề trẻ cấp thành phố năm 2016 do Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tổ chức với kết quả: gồm 04 giải nhất (nghề Điện tử công nghiệp, Thiết kế kỹ thuật CAD đạt 03 giải nhất); 03 giải nhì gồm (nghề tự động hóa công nghiệp, công nghệ ô tô, giải pháp phần mềm công nghệ thông tin); 02 giải ba gồm (nghề Điện tử công nghiệp, Lắp đặt điện và Điều khiển trong công nghiệp); 03 giải khuyến khích gồm (nghề Điện tử công nghiệp, giải pháp phần mềm công nghệ thông tin, Điện công nghiệp) và giải ba tập thể Trường CĐN TPHCM.

Trường được UBND thành phố HCM công nhận “Tập thể lao động xuất sắc nhiệm vụ năm học 2015-2016 góp phần tích cực trong phong trào thi đua của thành phố” theo quyết định số 5092/QĐ-UBND ngày 28/9/2016.

Trường đạt giải 3 toàn Đoàn tại hội diễn Văn nghệ HSSV các cơ sở dạy nghề toàn quốc năm 2016, theo Quyết định số 1267/QĐ-LĐTBXH.

Bằng khen do Bộ Lao động -Thương binh và Xã hội tặng: “Đã có thành tích xuất sắc năm 2016” theo QĐ số 859/QĐ-LĐTBXH ngày 13/6/2017.

Bằng khen của Bảo hiểm xã hội thành phố: “Trường CĐN TPHCM đã có thành tích xuất sắc trong công tác tuyên truyền phối hợp, thực hiện tốt chính sách BHYT HSSV năm 2016-2017” theo quyết định số 33/QĐ-BHXH ngày 08/8/2017.

Năm 2018, Trường tham gia Hội giảng giảng viên dạy giỏi nghề cấp Thành phố đạt: 02 giải nhất, 01 giải 3 và 01 giải khuyến khích. Hội giảng giảng viên dạy giỏi nghề cấp Toàn quốc đạt thành tích 02 giải nhất; 01 giải ba.

Hội thi tay nghề trẻ cấp quốc gia năm 2018 do Tổng cục giáo dục nghề nghiệp tổ chức với kết quả: gồm 01 giải nhất (nghề Điện lạnh) và 02 giải khuyến khích (nghề Điện lạnh và Điện tử công nghiệp).

Được UBND Thành phố Hồ Chí Minh công nhận danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cấp thành phố cho các cá nhân thuộc Sở Lao động – Thương binh và Xã hội đã có thành tích hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ liên tục nhiều năm (từ năm 2013 đến năm 2015)” theo quyết định số 74/QĐ-UBND ngày 09/019/2018.

Giấy khen do Sở Lao động -Thương binh và Xã hội tặng cho: “các tập thể hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ năm 2018” theo QĐ số 6599/QĐ-SLĐTBXH ngày 22/3/2018.

Năm 2018, Trường có 25 “chiến sĩ thi đua cơ sở năm 2017” theo quyết định 24994/QĐ-SLĐTBXH ngày 19/9/2018.

Năm 2019, khen thưởng cá nhân, tập thể tham gia Hội thi thiết bị đào tạo tự làm toàn quốc lần thứ VI năm 2019 cấp thành phố: đạt 01 giải nhất và 01 giải nhì; cấp toàn quốc đạt 01 giải nhì và 01 giải khuyến khích.

Được Sở Lao động Thương binh và Xã hội Thành phố Hồ Chí Minh công nận danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở” năm học 2018-2019 theo Quyết định số: 28803/QĐ-SLĐTBXH ngày 30/08/2019 và tặng Giấy khen cho tập thể, cá nhân đã có thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua năm học 2018-2019 theo Quyết định số 28802/QĐ-SLĐTBXH ngày 30/08/2019.

Để nâng cao chất lượng dạy và học đạt chuẩn trình độ quốc gia và tiến tới chuẩn khu vực ASEAN và quốc tế nhằm đáp ứng mục tiêu hội nhập khu vực và thế giới về chất lượng nguồn nhân lực, trong Đề án phát triển Trường cao đẳng chất lượng cao đến năm 2025 đã xác định xây dựng trường trở thành cơ sở dạy nghề chất lượng cao, các nghề đào tạo của trường đạt trình độ quốc gia, ASEAN và quốc tế.

## GIỚI THIỆU VỀ KHOA ĐIỆN - ĐIỆN LẠNH

### Thông tin khái quát và các thành tích đạt được

Tên khoa: Khoa Điện - Điện lạnh

Tên Tiếng Anh: Faculty of industrial Electricity – Refrigeration

Email: khoadien.cdntphcm@gmail.com

Khoa được thành lập năm 2008 với tên gọi Khoa Điện - Điện lạnh theo quyết định số số 107*/QĐ*-CĐN ngày 19 tháng 9 năm 2008 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng nghề TP.HCM, với chức năng và nhiệm vụ chính là thực hiện đào tạo các nghề trong danh mục nghề đào tạo theo quy đinh taị Thông tư số 06/2019/TT-BLĐTBXH ngày 28 tháng 01 năm 2019 của Bộ Trưởng Bộ Lao Động Thương Binh và Xã Hội.

Hiện tại Khoa đang đào tạo 03 nghề ở 03 cấp trình độ: Trình độ cao đẳng Nghề Điện công nghiệp, Điện công nghiệp, Kỹ thuật lắp đặt điện và điều khiển trong công nghiệp; trình độ trung cấp Nghề Điện công nghiệp và điện công nghiệp. Ở trình độ sơ cấp nghề, khoa tham gia đào tạo những lĩnh vực: Lắp đặt và bảo dưỡng máy lạnh, Điện dân dụng, Thi công tủ điện, ...

Phối hợp với Phòng Đảm bảo chất lượng và Khảo thí, Phòng Đào tạo tổ chức giám sát công tác kiểm tra kết thúc mô đun môn học theo quy định. Biên soạn, cung cấp đề kiểm tra kết thúc mô đun, môn học.

Thực hiện đúng tiến độ đào tạo, chế độ kiểm tra, thi, quản lý hồ sơ học sinh, sinh viên theo Quy chế đào tạo của Trường Cao đẳng nghề TP.HCM, chịu trách nhiệm về chất lượng giảng dạy cho học sinh, sinh viên. Quản lý sĩ số và duy trì số lượng học sinh – sinh viên, chịu trách nhiệm về giáo dục nhân cách và chuyên cần của học sinh - sinh viên.

Hằng năm, theo thông báo của nhà Trường, Khoa tiến hành bổ sung đề nghị điều chỉnh chương trình đào tạo, giáo trình giảng dạy cho phù hợp với từng trình độ và nhu cầu xã hội.

Thường xuyên đổi mới và đưa ra phương pháp giảng dạy cho phù hợp với từng lớp học nhằm đạt hiệu quả cao trong công tác đào tạo nghề. Thực hiện tự kiểm định, đánh giá chất lượng đào tạo, tự kiểm định chương trình đào tạo, quy trình bảo đảm chất lượng theo quy định của Trường.

Thành tích của Khoa Điện - Điện lạnh qua các năm:

| **Năm** | **Hình thức khen thưởng** | **Số, ngày, tháng, năm của quyết định khen thưởng; cơ quan ban hành quyết định** |
| --- | --- | --- |
| 2020 | Giấy khen | Giấy khen cho các tập thể, cá nhân đã có thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua NH 2019 - 2020, số 27206/QĐ-SLĐTBXH ngày 18/09/2020 |
| 2021 | Giấy khen | Giấy khen cho các tập thể, cá nhân đã có thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua NH 2020 - 2021, số 35977/QĐ-SLĐTBXH ngày 08/11/2021 |

### Cơ cấu tổ chức



### Các chương trình đào tạo Khoa được giao phụ trách

Chương trình đào tạo Khoa được giao phụ trách các nghề: Điện công nghiệp; Kỹ thuật lắp đặt điện và Điều khiển trong công nghiệp; Điện công nghiệp.

### Mục tiêu của chương trình đào tạo nghề Điện công nghiệp

Chương trình đào tạo nghề Điện công nghiệp được đào tạo bao gồm các mục tiêu về kiến thức và kỹ năng như sau:

* ***Kiến thức:***
* Trình bày được những tiêu chuẩn đảm bảo an toàn lao động, an toàn điện cho người và thiết bị;
* Trình bày được cấu tạo, nguyên lý hoạt động, tính chất, ứng dụng của các thiết bị điện, khí cụ điện và vật liệu điện;
* Trình bày được các phương pháp đo các thông số và các đại lượng cơ bản của mạch điện;
* Nêu các khái niệm, định luật, định lý cơ bản trong mạch điện một chiều, xoay chiều, xoay chiều ba pha;
* Phân tích được các ký hiệu quy ước trên bản vẽ điện;
* Mô tả được cấu tạo, nguyên lý làm việc của máy điện;
* Trình bày được các tiêu chuẩn kỹ thuật của các nhóm vật liệu điện thông dụng theo tiêu chuẩn Việt Nam và tiêu chuẩn IEC;
* Trình bày được các khái niệm về các tiêu chuẩn ISO 9001:2015;
* Trình bày được phương pháp tính toán các thông số, quấn dây hoàn thành máy biến áp công suất nhỏ theo đúng yêu cầu;
* Phân tích được sơ đồ nguyên lý hệ thống điện của các máy công cụ như máy tiện, máy phay, máy khoan, máy bào và các máy sản xuất như băng tải, cầu trục, thang máy, lò điện...;
* Phân tích được nguyên lý của các loại cảm biến; các mạch điện cảm biến;
* Trình bày được nguyên lý của hệ thống cung cấp truyền tải điện;
* Nhận dạng được các thiết bị điện cơ trong hệ truyền động điện;
* Trình bày được nguyên tắc và phương pháp điều khiển tốc độ của hệ truyền động điện;
* Phân tích được cấu tạo, nguyên lý của một số thiết bị điển hình như soft stater, inverter, các bộ biến đổi;
* Trình bày được cấu tạo, ký hiệu, tính chất, ứng dụng các linh kiện thụ động;
* Trình bày được cấu tạo, ký hiệu, tính chất, ứng dụng các linh kiện bán dẫn, các cách mắc linh kiện trong mạch điện, cách xác định thông số kỹ thuật của linh kiện;
* Trình bày được cấu tạo một số mạch điện tử đơn giản ứng dụng linh kiện điện tử và nguyên lý hoạt động của chúng;
* Mô tả được cách sử dụng các thiết bị đo, các thiết bị hàn;
* Trình bày được cấu tạo, nguyên lý hoạt động của các linh kiện điện tử công suất;
* Trình bày được các qui trình trong bảo trì, thay thế các linh kiện điện tử công suất đạt tiêu chuẩn kỹ thuật;
* Trình bày được cấu trúc và nguyên lý hoạt động của hệ điều khiển lập trình PLC của các hãng khác nhau;
* Trình bày được cấu trúc và nguyên lý làm việc của các hệ thống điều khiển giám sát SCADA (Supervision Control And Data Acquisition) trong công nghiệp;
* So sánh được ưu nhược điểm của bộ điều khiển PLC với các hệ thống;
* Mô tả được cấu trúc các phần chính của hệ thống điều khiển: ngôn ngữ, liên kết, định thời của các loại PLC khác nhau;
* Phân tích được nguyên lý, cấu tạo của hệ thống điều khiển điện khí nén;
* Trình bày được khái niệm, vai trò và phân loại mạng truyền thông công nghiệp;
* Trình bày được nội dung cơ bản trong cơ sở kỹ thuật truyền thông: Chế độ truyền tải, cấu trúc mạng, kiến trúc giao thức, truy nhập bus, bảo toàn dữ liệu, mã hóa bit, kỹ thuật truyền dẫn;
* Trình bày được các thành phần cơ bản của hệ thống mạng;
* Trình bày được các đặc điểm cấu trúc cơ bản của một số hệ thống bus tiêu biểu: Profibus, CAN, Modbus, Interbus, AS-i, Ethernet;
* Phân tích được các loại bản vẽ thiết kế, lắp đặt của các hệ thống điện;
* Trình bày được những kiến thức cơ bản về chính trị, văn hóa, xã hội, pháp luật, quốc phòng an ninh, giáo dục thể chất theo quy định.
* ***Kỹ năng:***
* Đọc được các ký hiệu quy ước trên bản vẽ điện;
* Tính toán được thông số, quấn dây hoàn thành máy biến áp công suất nhỏ theo đúng yêu cầu;
* Lắp đặt thành thạo các hệ thống để bảo vệ an toàn trong công nghiệp và dân dụng;
* Nhận dạng, lựa chọn và sử dụng đúng tiêu chuẩn kỹ thuật các nhóm vật liệu điện thông dụng theo tiêu chuẩn Việt Nam và tiêu chuẩn IEC;
* Tổ chức thực hiện được công tác an toàn lao động, vệ sinh công nghiệp và sơ, cấp cứu được người bị điện giật đúng phương pháp;
* Xác định và phân loại được các loại vật liệu điện, khí cụ điện và thiết bị điện cơ bản;
* Tính chọn được các loại vật liệu điện, khí cụ điện và thiết bị điện cơ bản;
* Tháo lắp được các loại vật liệu điện, khí cụ điện;
* Đo được các thông số và các đại lượng cơ bản của mạch điện;
* Tính toán được các thông số kỹ thuật trong mạch điện một chiều, xoay chiều, xoay chiều ba pha ở trạng thái xác lập và quá độ;
* Vẽ và phân tích được sơ đồ dây quấn stato của động cơ không đồng bộ một pha, ba pha;
* Tính toán, quấn lại được động cơ một pha, ba pha bị hỏng theo số liệu có sẵn;
* Tính toán thông số, quấn được dây hoàn thành máy biến áp công suất nhỏ theo đúng yêu cầu;
* Lắp đặt, vận hành, bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa được máy điện theo yêu cầu;
* Tháo lắp và sửa chữa được các khí cụ điện đúng theo thông số của nhà sản xuất;
* Xác định và sửa chữa được các hư hỏng của thiết bị điện gia dụng theo tiêu chuẩn nhà sản xuất;
* Lắp đặt được hệ thống chiếu sáng cho hộ gia đình theo bản vẽ thiết kế;
* Xây dựng và kiểm soát được hệ thống quy trình ISO trong công xưởng hoặc nhà máy;
* Lắp đặt, sửa chữa được các mạch mở máy, dừng máy cho động cơ 3 pha, 1 pha, động cơ một chiều;
* Lắp ráp được các mạch bảo vệ và tín hiệu;
* Lắp ráp, sửa chữa được các mạch điện máy cắt gọt kim loại như: mạch điện máy khoan, máy tiện, phay, bào, mài...và các máy sản xuất như cầu trục, thang máy, lò điện...;
* Lắp ráp, cài đặt được các mạch điện cảm biến;
* Sửa chữa, thay thế được các mạch điện cảm biến;
* Tính, chọn được dây dẫn, bố trí hệ thống điện phù hợp với điều kiện làm việc, mục đích sử dụng trong một tòa nhà, phân xưởng hoặc nhà máy;
* Tính, chọn được nối đất và chống sét cho đường dây tải điện và các công trình phù hợp với điều kiện làm việc theo TCVN và Tiêu chuẩn IEC về điện;
* Lắp đặt được đường dây cung cấp điện cho một tòa nhà, phân xưởng phù hợp với yêu cầu và đạt tiêu chuẩn;
* Tính, chọn được động cơ điện phù hợp cho một hệ truyền động điện không điều chỉnh và có điều chỉnh;
* Xác định được các linh kiện trên sơ đồ mạch điện và thực tế. Vẽ, phân tích các sơ đồ mạch điện cơ bản ứng dụng linh kiện điện tử;
* Sử dụng thành thạo các thiết bị đo để đo, kiểm tra các linh kiện điện tử, các thành phần của mạch điện, các tham số của mạch điện;
* Hàn và tháo lắp thành thạo các mạch điện tử;
* Kiểm tra được chất lượng các linh kiện điện tử công suất trong bảo trì, thay thế các linh kiện điện tử công suất cơ bản;
* Kết nối thành thạo PLC với PC và với các thiết bị ngoại vi;
* Viết chương trình cho các loại PLC khác nhau đạt yêu cầu kỹ thuật;
* Lắp ráp, sửa chữa được các mạch điều khiển điện khí nén trong công nghiệp như dây truyền phân loại sản phẩm, hệ thống nâng hạ…;
* Vận hành được mạch theo nguyên tắc, theo qui trình đã định;
* Lập được kế hoạch bảo trì hợp lý, đảm bảo an toàn và vệ sinh công nghiệp;
* Thiết kế được các ứng dụng SCADA trong các hệ thống điều khiển công nghiệp;
* Lập trình điều khiển giám sát được các hệ thống điều khiển trong công nghiệp;
* Tháo, lắp được bộ cảm biến và bộ phận/phần tử trong hệ thống tự động hóa, thay thế và hiệu chỉnh các phần tử;
* Sử dụng được công nghệ thông tin cơ bản theo quy định; khai thác, xử lý, ứng dụng công nghệ thông tin trong công việc chuyên môn của ngành, nghề;
* Sử dụng được ngoại ngữ cơ bản, đạt bậc 2/6 trong Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam; ứng dụng được ngoại ngữ vào công việc chuyên môn của ngành, nghề.
* ***Mức độ tự chủ và trách nhiệm***
* Tuân thủ, nghiêm túc thực hiện học tập và nghiên cứu, tìm hiểu môi trường làm việc để nâng cao trình độ kiến thức chuyên môn nghề nghiệp, kỹ năng trong tổ chức các hoạt động nghề nghiệp, đáp ứng đòi hỏi trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước;
* Có đủ sức khỏe, tâm lý vững vàng, tác phong làm việc nhanh nhẹn, linh hoạt để làm việc trong cả điều kiện khắc nghiệt của thời tiết ngoài trời, trên cột điện cao đảm bảo an toàn lao động, cũng như có đủ tự tin, kỷ luật để làm việc trong các doanh nghiệp nước ngoài;
* Làm việc độc lập trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm;
* Chịu trách nhiệm đánh giá chất lượng công việc sau khi hoàn thành và kết quả thực hiện của bản thân và các thành viên trong nhóm trước lãnh đạo cơ quan, tổ chức, đơn vị;
* Có ý thức học tập, rèn luyện để nâng cao trình độ chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp.

### Phương thức đào tạo

Phương thức đào tạo Trường đang được áp dụng đối với nghề Điện công nghiệp là đào tạo tập trung, học theo niên chế.

Phương thức đào tạo nghề của trường hiện nay được tính theo đơn vị là năm học, chương trình đào tạo nghề Điện công nghiệp trong thời gian 03 năm (đối với khoá tuyển sinh năm 2016 trở về trước); 2,5 năm (đối với khoá tuyển sinh năm 2017 trở về sau), một năm học có 2 học kỳ và chương trình học được thiết kế theo năm học và ít biến động. Về mặt sinh viên, phải hoàn thành nội dung môn học đã được ấn định theo học kỳ, năm học; sinh viên chấp hành tốt các lịch học, lịch thi, các quy định, quy chế của nhà trường, tích cực học tập và rèn luyện thì sẽ đạt kết quả tốt. Tuy nhiên với phương thức này cũng có những hạn chế về tính chủ động của sinh viên, người học xoay quanh quỹ đạo của người dạy, khó học song song ngành học khác.

Để khắc phục những hạn chế trên, trường chủ động trong chương trình đào tạo nghề Điện công nghiệp gian học thực hành chiếm 70% tổng giờ học nhằm tạo điều kiện để sinh viên thực hành, chủ động tự rèn luyện kỹ năng nghề; đồng thời phương pháp giảng dạy của giảng viên thực hiện giảng dạy lấy người học làm trung tâm, tổ chức nghiên cứu cho Sinh viên theo nhóm, làm bài tập lớn, báo cáo đề án; chương trình đào tạo được xây dựng mang tính liên thông giữa các bậc trình độ với nghề tương ứng.

### Tóm tắt nội dung chương trình đào tạo nghề Điện công nghiệp trình độ Cao đẳng

Nội dung chi tiết của chương trình đào tạo nghề ĐCN, trình độ cao đẳng năm 2021 gồm các Mô đun/ Môn học sau:

| **Mã MH /MĐ** | **Tên môn học/ mô đun** |
| --- | --- |
| **I** | **Các môn học chung** |
| MH 01 | Giáo dục chính trị |
| MH 02 | Pháp luật |
| MH 03 | Giáo dục thể chất |
| MH 04 | Giáo dục quốc phòng và An ninh |
| MH 05 | Tin học |
| MH 06 | Tiếng Anh |
| **II** | **Các môn học, mô đun chuyên môn** |
| **II.1** | **Môn học, mô đun cơ sở** |
| MH 07 | Kỹ Năng thiết yếu |
| MH 08 | Mạch điện |
| MH 09 | Kỹ thuật an toàn và bảo hộ lao động |
| MH 10 | Vẽ kỹ thuật |
| MĐ 11 | Sử dụng công cụ dụng cụ |
| MĐ 12 | Điện tử cơ bản |
| MĐ 13 | Cung cấp điện |
| MĐ 14 | Kỹ thuật cảm biến |
| MĐ 15 | Đo lường điện |
| **II.2** | **Môn học, mô đun chuyên môn** |
| MĐ 16 | Kỹ thuật lắp đặt điện |
| MĐ 17 | Bảo vệ môi trường, sử dụng năng lượng và tài nguyên hiệu quả |
| MĐ 18 | Máy điện |
| MĐ 19 | Trang bị điện |
| MĐ 20 | Kỹ thuật số |
| MĐ 21 | Điện tử công suất |
| MĐ 22 | PLC cơ bản |
| MĐ 23 | Truyền động điện |
| MĐ 24 | Điều khiển điện khi nén |
| MĐ 25 | Sử dụng phần mềm chuyên ngành |
| MĐ 26 | Điều khiển quá trình |
| MĐ 27 | PLC nâng cao |
| MĐ 28 | Thực tập tốt nghiệp |
| MĐ 29 | Mạng điện dân dụng |
| **II.3** | **Môn học, mô đun tự chọn** |
| **CHỌN 1 TRONG 2 MÔN** | |
| MĐ 30 | Kỹ thuật lắp đặt cấp và thoát nước dân dụng |
| MĐ 31 | Kỹ thuật lắp đặt máy điều hòa dân dụng. |
| **CHỌN 1 TRONG 3 MÔN** | |
| MĐ 32 | Chuyên đề cung cấp điện |
| MĐ 33 | Chuyên đề điều khiển lập trình cỡ nhỏ |
| MĐ 34 | Chuyên đề năng lượng mới |
| **CHỌN 1 TRONG 2 MÔN** | |
| MĐ 35 | Đồ án trang bi điện |
| MĐ 36 | Đồ án truyền động điện |
| ***CHỌN MĐ 37 HOẶC CHỌN MĐ 38 VÀ MĐ39*** | |
| MĐ 37 | Đồ án tốt nghiệp |
| MĐ 38 | Vận hành hệ thống điện |
| MĐ 39 | Truyền thông công nghiệp |

### Địa điểm đào tạo, quy mô tuyển sinh theo giấy đăng ký hoạt động dạy nghề, kế hoạch, số lượng tuyển sinh, tỷ lệ tốt nghiệp

- Quy mô tuyển sinh theo giấy chứng nhận đăng ký hoạt động:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Khóa học** | **Số lượng tuyển sinh** | | **Tỷ lệ tuyển sinh so với kế hoạch** |
| **Theo kế hoạch** | **Thực tế** |
| 1 | Năm 2019 | 110 | 24 | 22% |
| 2 | Năm 2020 | 110 | 24 | 22% |
| 3 | Năm 2021 | 110 | 28 | 25% |

### Đội ngũ nhà giáo

Hiện nay, đội ngũ nhà giáo tham gia giảng dạy tất cả các môn học, mô đun nghề của chương trình đào tạo (theo thống kê vào thời điểm 31/7/2021), không tính giảng viên dạy các môn cơ sở bao gồm:

- Nam: 11 - Nữ: 0

| **Trình độ đào tạo** | **Nam** | **Tổng số GV** |
| --- | --- | --- |
| Thạc sĩ | 6 | 6 |
| Đại học | 5 | 5 |
| **Tổng số** | **11** | **11** |

### Cơ sở vật chất phục vụ chương trình đào tạo

Khoa Điện - Điện lạnh là một Khoa chuyên môn của trường Cao đẳng nghề TP.HCM, được đầu tư trang thiết bị giảng dạy, xưởng thực hành tương đối qui mô và hiện đại đáp ứng giảng dạy nghề Điện công nghiệp với 03 cấp trình độ: cao đẳng, trung cấp và sơ cấp. Hiện nay khoa có 11 phòng / xưởng thực hành với trang thiết bị hiện đại để phục vụ giảng dạy, các xưởng như Phòng lab view, Cơ điện từ, Cung cấp điện, PLC, Trang bị điện, Lắp đặt điện, Máy điện, Chuyên đề điện lạnh, Điện lạnh 1, Điện lạnh 2, Điện lạnh 3.

Hạng mục, công trình do Trường quản lý (sử dụng chung)

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Hạng mục, công trình** | **Đơn vị tính** | **Tổng số** | **Ghi chú** |
| 1 | Văn phòng Tuyển sinh ...(dùng chung) | 50 m2 | 02 |  |
| 2 | Phòng học lý thuyết ...(dùng chung) | > 48 m2 | 17 | Phân bổ các lớp học theo thời khóa biểu |
| 3 | Phòng máy tính 25 PC của Khoa | > 54m2 | 2 |  |
| 4 | Phòng máy tính 25 PC...(dùng chung) | > 54m2 | 2 |  |

Hạng mục, công trình do Khoa quản lý (sử dụng riêng)

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Hạng mục, công trình** | **Đơn vị tính** | **Tổng số** | **Ghi chú** |
| 1 | Văn phòng Khoa | 40 m2 | 1 | CS2 |
| 2 | Văn phòng Khoa | 16 m2 | 1 | CS1 |
| 3 | Kho | 40 m2 | 2 | CS2 |
| 4 | Kho | 10 m2 | 1 | CS1 |
| 5 | Phòng thực hành chuyên môn | 306 m2 | 4 | CS1 |
| 6 | Xưởng thực hành | 320 m2 | 3 | CS1 |
| 7 | Xưởng thực hành | 160 m2 | 3 | CS2 |

**Giáo trình, sách tham khảo (tại thư viện)**

| **Nội dung** | **Năm 2021** |
| --- | --- |
| Giáo trình nghề ĐCN tự biên soạn (mỗi loại 5 cuốn) | 32 bộ giáo trình |
| Tài liệu tham khảo liên quan nghề ĐCN | 255 |
| Giáo trình tham khảo (ebook) | 1479 |

# PHẦN B: KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

## TỔNG QUAN CHUNG

**Sự cần thiết của hoạt động tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo**

Trường CĐN TPHCM đã được công nhận đạt tiêu chuẩn kiểm định chất lượng Cơ sở giáo dục nghề nghiệp do Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành vào năm 2020 theo Quyết định số 109/QĐ-KĐGDVN ngày 25 tháng 12 năm 2020 của Giám đốc Công ty cổ phần Kiểm định và Tư vấn giáo dục Việt Nam.

Trường luôn thực hiện tốt công tác bảo đảm chất lượng và tự đánh giá chất lượng cơ sở cũng như tự đánh giá các chương trình đào tạo theo đúng yêu cầu của Thông tư 15/2017/TT-BLĐTBXH ngày 08/6/2017 của Bộ LĐTBXH và công văn hướng dẫn CV454 ngày 25 tháng 3 năm 2019 về 50 tiêu chuẩn trong 07 tiêu chí kiểm định chất lượng. Đánh giá đúng thực trạng toàn bộ các hoạt động chung của Trường và công tác hoạt động đào tạo nghề Điện công nghiệp của Khoa. Qua đó, Khoa có cơ sở để đề xuất với lãnh đạo Nhà trường tạo điều kiện đảm bảo chất lượng cho các hoạt động đào tạo của Khoa trong từng giai đoạn; Qua đó, Nhà trường từng bước phát triển, nâng cao chất lượng đào tạo tất cả các nghề đang đào tạo.

**Vai trò của hoạt động tự đánh giá chất lượng**

Thực hiện công tác tự kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp của Tổng Cục giáo dục nghề nghiệp từ năm 2018 đến nay theo quy trình tự đánh giá của thông tư 28/2017/TT-BLĐTBXH ngày 15/12/2017. Do vậy trong năm 2020, Khoa Điện - Điện lạnh tự đánh giá một cách toàn diện các hoạt động theo hệ thống tiêu chí, tiêu chuẩn thống nhất của TCGDNN. Từ kết quả tự đánh giá, Nhà trường sẽ mời Đoàn đánh giá ngoài để đánh giá khách quan hơn về mức độ chất lượng đào tạo của nghề Điện công nghiệp .

### 1.1. Căn cứ tự đánh giá

Để thực hiện công tác tự đánh giá, Trường căn cứ vào các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn như sau:

- Thông tư số 15/2017/TT-BLĐTBXH ngày 08/6/2017 của Bộ LĐTBXH quy định tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng GDNN;

- Thông tư số 28/2017/TT-BLĐTBXH ngày 15/12/2017 của Bộ LĐTBXH quy định hệ thống bảo đảm chất lượng của cơ sở GDNN;

- Thông tư số 103/2017/TT-BTC ngày 05/10/2017 của Bộ Tài chính quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu Giáo dục nghề nghiệp – Việc làm và an toàn lao động giai đoạn 2016 – 2020.

- Công văn số 454/TCGDNN-KĐCL ngày 25/03/2019 của Cục kiểm định chất lượng - Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp hướng dẫn đánh giá các tiêu chuẩn kiểm định chất lượng CTĐT trình độ trung cấp, cao đẳng;

- Kế hoạch tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo Điện công nghiệp số 84/KH-CĐN ngày 25 tháng 4 năm 2021 của Trường Cao đẳng nghề Thành phố Hồ Chí Minh.

### 1.2. Mục đích tự đánh giá

Tự đánh giá là một khâu quan trọng trong hoạt động kiểm định chất lượng GDNN, nhằm cải tiến, nâng cao chất lượng đào tạo nghề hiện tại và để đăng ký KĐCL CTĐT trình độ cao đẳng đối với cơ quan kiểm định chất lượng. Hoạt động tự đánh giá góp phần nâng cao nhận thức của CCVC, GV và HSSV trong Khoa Điện - Điện lạnh về ý nghĩa, tầm quan trọng của công tác tự đánh giá chất lượng CTĐT.

Tự đánh giá nhằm xác định mức độ thực hiện như: mục tiêu, chương trình, nội dung giáo trình dạy học, cơ sở vật chất, trang thiết bị thực hành, dịch vụ cho người học của nhà trường và các điều kiện học tập của học sinh sinh viên, công tác giảng dạy của giảng viên so với bộ tiêu chí, tiêu chuẩn đánh giá chất lượng.

Phát hiện các điểm không phù hợp cần cải thiện trong thời gian ngắn và dài hạn, qua đó giúp trường hoạch định chiến lược phát triển các nguồn lực trong từng giai đoạn, tiến tới xây dựng trường trở thành đơn vị dạy nghề chất lượng cao.

### 1.3. Yêu cầu tự đánh giá

Trên cơ sở:

- Mô tả, làm rõ thực trạng hoạt động của khoa nghề tại Trường CĐN TP.HCM với sự tham gia của các đơn vị, các nhân có liên quan;

- Đánh giá theo hệ thống tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng chương trình đào tạo hiện hành và các hướng dẫn có liên quan;

- Đảm bảo trung thực, khách quan, đầy đủ minh chứng hợp lệ để chứng minh cho nhận định trong tự đánh giá chất lượng;

- Phân tích, giải thích, so sánh và đưa ra những nhận định; chỉ ra những điểm mạnh, những tồn tại và những biện pháp khắc phục;

- Lập kế hoạch hành động để cải tiến, nâng cao chất lượng đào tạo;

- Kết quả tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo phải được công khai trong nội bộ trường, được cập nhật vào cơ sở dữ liệu của hệ thống thông tin quản lý của cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp và được lưu trữ cùng toàn bộ minh chứng, tài liệu liên quan.

### 1.4. Phương pháp tự đánh giá

Thực hiện tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo:

1. Căn cứ vào Bộ tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng chương trình đào tạo nghề Điện công nghiệp , Trường Cao đẳng Nghề TP.HCM thực hiện công tác tự đánh giá, thu thập thông tin, minh chứng về từng hoạt động và kết quả thực hiện chức năng, nhiệm vụ của trường.

2. Đánh giá, xác định mức độ đạt được theo từng chỉ số, tiêu chuẩn, tiêu chí kiểm định chương trình có liên quan, phân tích, chỉ rõ các điểm mạnh, tồn tại và nguyên nhân, đề xuất kế hoạch hành động nhằm nâng cao chất lượng hoạt động của Trường.

3. Viết báo cáo kết quả tự đánh giá chương trình của Trường và gửi hội đồng Đánh giá của Trường.

4. Công bố báo cáo tự đánh giá và tổ chức quản lý, duy trì cơ sở dữ liệu, thông tin, minh chứng về các hoạt động của Trường.

### 1.5. Các bước tiến hành tự đánh giá

Quy trình tự đánh giá thực hiện theo Mục 2, Điều 15 của Thông tư số 28/2017/TT-BLĐTBXH gồm các bước sau:

* Công tác chuẩn bị tự đánh giá chất lượng CTĐT: Thành lập Hội đồng tự đánh giá chất lượng CTĐT và thực hiện các nhiệm vụ theo quy định.
* Thực hiện tự kiểm định chất lượng CTĐT: Hội đồng phân công bộ phận/nhóm phụ trách; Xây dựng kế hoạch; Phối hợp thu thập và lưu giữ thông tin, minh chứng; Viết báo cáo tự đánh giá, xác định điểm mạnh, tồn tại; Hoàn chỉnh báo cáo để gửi Hội đồng.
* Thông qua và phê duyệt báo cáo tự đánh giá chất lượng CTĐT: Hội đồng tự đánh giá chất lượng CTĐT chỉ đạo điều chỉnh (nếu có), thông qua và phê duyệt báo cáo.
* Công bố báo cáo và gửi cơ quan quản lí: Hội đồng tổ chức họp công bố báo cáo tự đánh giá chất lượng GDNN; Gửi báo cáo kết quả tự đánh giá chất lượng GDNN theo quy định.

## TỰ ĐÁNH GIÁ

### Tổng hợp kết quả tự đánh giá:

| **STT** | **Tiêu chí, tiêu chuẩn** | **Điểm chuẩn** | **Trường tự đánh giá** |
| --- | --- | --- | --- |
|  | **ĐỀ XUẤT KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC** |  | **ĐẠT** |
|  | **Tổng điểm** | **100** | **96** |
| 1 | **Tiêu chí 1: Mục tiêu, quản lý và tài chính** | **6** | **6** |
|  | Tiêu chuẩn 1: Mục tiêu của chương trình đào tạo phù hợp mục tiêu của cơ sở đào tạo và nhu cầu thị trường lao động, được công bố công khai và được rà soát, điều chỉnh theo quy định. | 2 | 2 |
|  | Tiêu chuẩn 2: Cơ sở đào tạo có văn bản giao nhiệm vụ cụ thể cho khoa/đơn vị phụ trách chương trình đào tạo và các đơn vị có liên quan đến việc thực hiện chương trình đào tạo; khoa/đơn vị phụ trách chương trình đào tạo hoàn thành các nhiệm vụ được giao liên quan đến chương trình đào tạo. | 2 | 2 |
|  | Tiêu chuẩn 3: Hàng năm, cơ sở đào tạo nghiên cứu, xác định định mức chi tối thiểu cho một người học, đảm bảo chất lượng của chương trình đào tạo và có đủ nguồn thu hợp pháp để thực hiện chương trình đào tạo. | 2 | 2 |
| 2 | **Tiêu chí 2: Hoạt động đào tạo** | **14** | **12** |
|  | Tiêu chuẩn 1: Hàng năm, cơ sở đào tạo thực hiện công tác tuyển sinh theo quy định; kết quả tuyển sinh đạt tối thiểu 80% chỉ tiêu theo kế hoạch của cơ sở đào tạo. | 2 | 0 |
|  | Tiêu chuẩn 2: Cơ sở đào tạo có kế hoạch đào tạo và tổ chức đào tạo theo quy định. | 2 | 2 |
|  | Tiêu chuẩn 3: Thực hiện phương pháp đào tạo phù hợp với nội dung chương trình đào tạo, kết hợp rèn luyện năng lực thực hành với trang bị kiến thức chuyên môn; phát huy tính tích cực, tự giác, năng động, khả năng làm việc độc lập, tổ chức làm việc theo nhóm của người học; thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin, truyền thông trong hoạt động dạy và học. | 2 | 2 |
|  | Tiêu chuẩn 4: Cơ sở đào tạo phối hợp với đơn vị sử dụng lao động trong việc tổ chức, hướng dẫn cho người học thực hành, thực tập tại đơn vị sử dụng lao động; 100% người học trước khi tốt nghiệp đều được thực hành tại đơn vị sử dụng lao động phù hợp với ngành, nghề đào tạo. | 2 | 2 |
|  | Tiêu chuẩn 5: Tổ chức kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học lập, rèn luyện, cấp văn bằng theo quy định; có hồ sơ người học đủ và đúng theo quy định. | 2 | 2 |
|  | Tiêu chuẩn 6: Tổ chức kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học theo quy định; sử dụng kết quả kiểm tra để kịp thời điều chỉnh các hoạt động dạy và học cho phù hợp. | 2 | 2 |
|  | Tiêu chuẩn 7: Tổ chức đào tạo liên thông theo quy định. | 2 | 2 |
|  | **Tiêu chí 3 - Nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên** | **16** | **14** |
|  | Tiêu chuẩn 1: 100% nhà giáo tham gia giảng dạy đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ theo quy định. | 2 | 0 |
|  | Tiêu chuẩn 2: Hàng năm, 100% nhà giáo hoàn thành các nhiệm vụ do cơ sở đào tạo giao. | 2 | 2 |
|  | Tiêu chuẩn 3: Đảm bảo tất cả các mô-đun, môn học thuộc chương trình đào tạo có đủ nhà giáo đứng lớp; đảm bảo tỉ lệ số người học/lớp và tỷ lệ quy đổi người học/nhà giáo theo quy định. | 2 | 2 |
|  | Tiêu chuẩn 4: Hàng năm, tối thiểu 50% nhà giáo cơ hữu dạy các môn chuyên môn ngành, nghề tham gia nghiên cứu khoa học, các hội thi nhà giáo dạy giỏi, hội thi thiết bị tự làm các cấp. | 2 | 2 |
|  | Tiêu chuẩn 5: Hàng năm, cơ sở đào tạo tổ chức cho nhà giáo cơ hữu tham gia các khóa học tập, bồi dưỡng. | 2 | 2 |
|  | Tiêu chuẩn 6: 100% nhà giáo cơ hữu đi thực tập tại các đơn vị sử dụng lao động theo quy định. | 2 | 2 |
|  | Tiêu chuẩn 7: 100% cán bộ quản lý và nhân viên đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ theo quy định. | 2 | 2 |
|  | Tiêu chuẩn 8: Hàng năm, 100% cán bộ quản lý và nhân viên hoàn thành các nhiệm vụ do cơ sở đào tạo giao | 2 | 2 |
|  | **4. Tiêu chí 4 - Chương trình, giáo trình** | **24** | **24** |
|  | Tiêu chuẩn 1: Chương trình đào tạo được xây dựng hoặc lựa chọn, thẩm định, ban hành, đánh giá và cập nhật theo quy định. | 2 | 2 |
|  | Tiêu chuẩn 2: Có sự tham gia của ít nhất 02 đơn vị sử dụng lao động trong quá trình xây dựng và thẩm định chương trình đào tạo. | 2 | 2 |
|  | Tiêu chuẩn 3: Chương trình đào tạo thể hiện được khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp. | 2 | 2 |
|  | Tiêu chuẩn 4: Chương trình đào tạo thể hiện được sự phân bố thời gian, trình tự thực hiện các mô-đun, môn học để đảm bảo thực hiện được mục tiêu giáo dục nghề nghiệp. | 2 | 2 |
|  | Tiêu chuẩn 5: Chương trình đào tạo thể hiện được những yêu cầu tối thiểu về cơ sở vật chất, đội ngũ giảng viên để triển khai thực hiện chương trình đào tạo nhằm đảm bảo chất lượng đào tạo. | 2 | 2 |
|  | Tiêu chuẩn 6: Chương trình đào tạo thể hiện được phương pháp đánh giá kết quả học tập, xác định mức độ đạt yêu cầu về năng lực của người học sau khi học xong các mô-đun, môn học của chương trình đào tạo. | 2 | 2 |
|  | Tiêu chuẩn 7: Chương trình đào tạo đảm bảo phù hợp với yêu cầu phát triển của ngành, địa phương và đất nước, phù hợp với kỹ thuật công nghệ trong sản xuất, dịch vụ. | 2 | 2 |
|  | Tiêu chuẩn 8: Chương trình đào tạo đảm bảo việc liên thông giữa các trình độ đào tạo trong hệ thống giáo dục quốc dân. | 2 | 2 |
|  | Tiêu chuẩn 9: Có đủ giáo trình cho các mô-đun, môn học của chương trình đào tạo. | 2 | 2 |
|  | Tiêu chuẩn 10: 100% giáo trình được biên soạn hoặc lựa chọn, thẩm định, ban hành, đánh giá và cập nhật theo quy định. | 2 | 2 |
|  | Tiêu chuẩn 11: Giáo trình cụ thể hóa yêu cầu về nội dung kiến thức, kỹ năng của từng mô-đun, môn học trong chương trình đào tạo; nội dung giáo trình phù hợp để thực hiện phương pháp dạy học tích cực. | 2 | 2 |
|  | Tiêu chuẩn 12: Nội dung giáo trình đảm bảo phù hợp với công nghệ trong sản xuất, kinh doanh, dịch vụ. | 2 | 2 |
|  | **Tiêu chí 5 - Cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo và thư viện** | **16** | **16** |
|  | Tiêu chuẩn 1: Phòng học, phòng thí nghiệm, xưởng thực hành, hệ thống điện, nước đảm bảo quy chuẩn xây dựng và yêu cầu đào tạo. | 2 | 2 |
|  | Tiêu chuẩn 2: Đảm bảo đủ chủng loại thiết bị đào tạo đáp ứng yêu cầu của chương trình đào tạo. | 2 | 2 |
|  | Tiêu chuẩn 3: Đảm bảo đủ số lượng thiết bị đào tạo đáp ứng quy mô, yêu cầu đào tạo. | 2 | 2 |
|  | Tiêu chuẩn 4: Thiết bị, dụng cụ phục vụ đào tạo được bố trí hợp lý, thuận tiện cho việc thực hành, đảm bảo các yêu cầu sư phạm, an toàn lao động, vệ sinh công nghiệp, vệ sinh môi trường; thiết bị đào tạo có hồ sơ quản lý rõ ràng, được sử dụng đúng công năng, quản lý, bảo trì, bảo dưỡng theo quy định. | 2 | 2 |
|  | Tiêu chuẩn 5: Nguyên, nhiên, vật liệu được bố trí sắp xếp gọn gàng, ngăn nắp thuận tiện; được quản lý, cấp phát, sử dụng theo quy định; đáp ứng kế hoạch và tiến độ đào tạo. | 2 | 2 |
|  | Tiêu chuẩn 6: Thư viện có đủ chương trình, giáo trình đã được cơ sở đào tạo phê duyệt; mỗi loại giáo trình có tối thiểu 05 bản in và đáp ứng được nhu cầu nghiên cứu, học tập của nhà giáo và người học; có đủ sách, tạp chí, tài liệu tham khảo tối thiểu 05 đầu sách/người học; 100% chương trình, giáo trình được số hóa và tích hợp với thư viện điện tử phục vụ hiệu quả cho hoạt động đào tạo. | 2 | 2 |
|  | Tiêu chuẩn 7: Thư viện được trang bị máy tính và nối mạng internet đáp ứng nhu cầu dạy, học và tra cứu tài liệu. | 2 | 2 |
|  | Tiêu chuẩn 8: Có các phần mềm ảo mô phỏng thiết bị dạy học thực tế trong giảng dạy | 2 | 2 |
|  | **Tiêu chí 6 - Dịch vụ cho người học** | **8** | **8** |
|  | Tiêu chuẩn 1: Người học được cung cấp đầy đủ thông tin về chương trình đào tạo: quy chế đào tạo; quy chế công tác học sinh, sinh viên; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp; nội quy, quy chế của cơ sở đào tạo và các chế độ, chính sách đối với người học. | 2 | 2 |
|  | Tiêu chuẩn 2: Người học được hưởng các chế độ, chính sách theo quy định; cơ sở đào tạo có chính sách và thực hiện chính sách khen thưởng, động viên khuyến khích kịp thời đối với người học đạt kết quả cao trong học tập và tư vấn, hỗ trợ kịp thời cho người học trong quá trình học tập. | 2 | 2 |
|  | Tiêu chuẩn 3: Hàng năm, cơ sở đào tạo cung cấp cho người học các thông tin về nghề nghiệp, thị trường lao động và việc làm; thực hiện trợ giúp, giới thiệu việc làm cho người học sau khi tốt nghiệp. | 2 | 2 |
|  | Tiêu chuẩn 4: Cơ sở đào tạo thực hiện đa dạng hóa các hoạt động xã hội, văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao cho người học. | 2 | 2 |
|  | **Tiêu chí 7 - Giám sát, đánh giá chất lượng** | **16** | **16** |
|  | Tiêu chuẩn 1: Hàng năm, thu thập ý kiến tối thiểu 10 đơn vị sử dụng lao động về mức độ đáp ứng của người tốt nghiệp đang làm việc tại đơn vị sử dụng lao động và sự phù hợp của chương trình đào tạo với thực tiễn sản xuất, kinh doanh, dịch vụ. | 2 | 2 |
|  | Tiêu chuẩn 2: Thực hiện điều tra lần vết đối với người tốt nghiệp để thu thập thông tin về việc làm, đánh giá về chất lượng đào tạo của cơ sở đào tạo và sự phù hợp của chương trình đào tạo với vị trí việc làm của người tốt nghiệp. | 2 | 2 |
|  | Tiêu chuẩn 3: Hàng năm, thu thập ý kiến tối thiểu 50% nhà giáo, cán bộ quản lý về các nội dung liên quan đến công tác dạy và học, tuyển dụng, bổ nhiệm, bồi dưỡng, phân loại và đánh giá nhà giáo, cán bộ quản lý. | 2 | 2 |
|  | Tiêu chuẩn 4: Hàng năm, thu thập ý kiến tối thiểu 30% người học về chất lượng, hiệu quả của các hình thức, phương thức đào tạo, chất lượng giảng dạy, việc thực hiện chế độ, chính sách và các dịch vụ đối với người học. | 2 | 2 |
|  | Tiêu chuẩn 5: Cơ sở đào tạo thực hiện tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo theo quy định. | 2 | 2 |
|  | Tiêu chuẩn 6: Hàng năm, cơ sở đào tạo có kế hoạch cụ thể và thực hiện cải thiện, nâng cao chất lượng chương trình đào tạo trên cơ sở kết quả tự đánh giá của cơ sở đào tạo và kết quả đánh giá ngoài (nếu có). | 2 | 2 |
|  | Tiêu chuẩn 7: Trong vòng 06 tháng kể từ khi tốt nghiệp, tối thiểu 80% người học có việc làm phù hợp với ngành, nghề đào tạo. | 2 | 2 |
|  | Tiêu chuẩn 8: Tối thiểu 80% đơn vị sử dụng lao động được điều tra hài lòng với kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp của người tốt nghiệp làm việc tại đơn vị sử dụng lao động. | 2 | 2 |

### PHẦN C: TỔNG HỢP KẾ HOẠCH NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

- Tiếp tục đầu tư mua sắm trang thiết bị phù hợp với công nghệ từ các nguồn dự án, chương trình mục tiêu hàng năm. Tiếp tục nghiên cứu điều chỉnh và bổ sung các quy định về quản lý, sử dụng và bảo dưỡng, sửa chữa các phòng học, xưởng thực hành phù hợp hơn với thực tế, sát thực với các quy định mới do Nhà nước ban hành.

- Nhà trường tiếp tục xây dựng Kế hoạch tổ chức các hoạt động ngoại khóa cho sinh viên, hoạt động tư vấn việc làm, Kế hoạch tổ chức tư vấn và định hướng nghề nghiệp nhằm nâng cao chất lượng các dịch vụ hỗ trợ cho học sinh, sinh viên.

- Lập kế hoạch bồi dưỡng Cán bộ quản lý khoa, giảng viên về công tác đảm bảo chất lượng chương trình đào tạo tại khoa. Kế hoạch cử CBQL khoa tham gia lớp bồi dưỡng nghiệp vụ quản lý giáo dục nghề nghiệp. Tiếp tục đưa giảng viên tham gia bồi dưỡng, thực tập tại đơn vị sử dụng lao động để cập nhật kiến thức, công nghệ, phương pháp tổ chức quản lý sản xuất theo quy định.

- Xây dựng kế hoạch khảo sát đơn vị sử dụng lao động. Rà soát, hoàn thiện quy định về cơ chế quản lý, về nguồn lực, về việc đưa vào sử dụng các kết quả NCKH phục vụ công tác đào tạo để tạo điều kiện cho CB - GV tham gia có hiệu quả, đưa vào ứng dụng thực tiễn trong sản xuất.

- Đẩy mạnh công tác tuyên giáo, tuyển sinh rộng rãi và hiệu quả nhằm tăng chỉ tiêu trúng tuyển.

# PHẦN D: ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

## ĐỀ XUẤT

Trong quá trình tự đánh giá chất lượng dạy nghề năm 2020; Hội đồng ***Tự đánh giá chất lượng CTĐT nghề Điện công nghiệp năm 2021*** của Trường Cao đẳng nghề TP. Hồ Chí Minh đã tuân thủ theo các tiêu chí, tiêu chuẩn đánh khi triển khai tự đánh giá thực hiện theo thông tư 15/2017/TT-BLĐTBXH ngày 08/6/2017. Quy trình tự đánh giá chất lượng được quy định tại Thông tư số 28/2017/TT-BLĐTBXH của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và Công văn số 454/TCDN-KĐCL ngày 20 tháng 3 năm 2019 của Tổng cục GDNN - KĐCL về việc hướng dẫn thực hiện tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng kèm theo mẫu báo cáo tự đánh giá chất lượng.

Khoa Điện - Điện lạnh - Trường Cao Đẳng nghề TP.HCM luôn xác định công tác tự đánh giá là quá trình, là nhiệm vụ thường xuyên để nâng cao chất lượng dạy và học chứ không phải là đích đến. Mỗi học kỳ, mỗi năm học đều phải căn cứ vào các tiêu chí, tiêu chuẩn để tự đánh, rà soát các hoạt động dạy học ở Khoa. Từ đó, đánh giá những mặt mạnh và những tồn tại, qua đó từng bước khắc phục và phát huy những ưu thế của Khoa, phát huy hết khả năng tập hợp các nhà giáo ưu tú. Xem công tác tự đánh giá là một yếu tố không thể thiếu được trong sự phát triển của nhà trường nói chung và của Khoa Điện – Điện lạnh.

## KIẾN NGHỊ

1. Đề xuất, kiến nghị liên quan đến hoàn thiện bộ dự thảo tiêu chí:

Không có.

2. Đề xuất, kiến nghị khác:

Không có./.

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày ... tháng 11 năm 2021*

**HIỆU TRƯỞNG**

# 

# PHỤ LỤC

|  |  |
| --- | --- |
| SỞ LAO ĐỘNG – THƯƠNG BINH  VÀ XÃ HỘI TP. HCM  **TRƯỜNG CAO ĐẲNG NGHỀ**  **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |
| Số: 51/QĐ-CĐN | *Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 3 năm 2021* |

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc** **thành lập Hội đồng tự đánh giá chất lượng Chương trình đào tạo**

**Nghề Điện công nghiệp, trình độ cao đẳng năm 2021**

**HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG CAO ĐẲNG NGHỀ TP. HỒ CHÍ MINH**

*Căn cứ luật Giáo dục nghề nghiệp ngày 27 tháng 11 năm 2014;*

*Căn cứ Thông tư 15 ngày 08 tháng 6 năm 2017 của Bộ Lao động - Thương binh Xã hội;*

*Căn cứ Thông tư số 28/2017/TT-BLĐTBXH ngày 15 tháng 12 năm 2017 của Bộ Lao động – Thương binh Xã hội về việc quy định hệ thống Bảo đảm chất lượng cơ sở Giáo dục nghề nghiệp;*

*Căn cứ Công văn số 454/TCGDNN-KĐCL ngày 25 tháng 3 năm 2019 của Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp về hướng dẫn đánh giá tiêu chuẩn kiểm định chất lượng chương trình đào tạo trình độ Trung cấp, trình độ Cao đẳng;*

*Căn cứ Quyết định số 196/QĐ-BLĐTBXH ngày 31 tháng 01 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc thành lập trường Cao đẳng nghề thành phố Hồ Chí Minh;*

*Căn cứ vào Quyết định số 275/QĐ-UBND ngày 17 tháng 8 năm 2017 về việc ban hành Quy chế tổ chức hoạt động của Trường Cao đẳng nghề thành phố Hồ Chí Minh;*

*Xét đề nghị của Trưởng phòng Phòng Đảm bảo chất lượng và Khảo thí.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Thành lập Hội đồng tự đánh chất lượng Chương trình đào tạo nghề Điện công nghiệp, trình độ cao đẳng năm 2021 của Trường Cao đẳng nghề Thành phố Hồ Chí Minh gồm 09 thành viên. (Danh sách đính kèm).

**Điều 2.** Hội đồng có nhiệm vụ triển khai nội dung tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo theo quy định của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội.

**Điều 3.** Quyết định có hiệu lực từ ngày ký. Các Ông/Bà có tên tại Điều 1 căn cứ Quyết định thi hành./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***  **-** Phòng GDNN Sở LĐTB&XH;  - Như điều 1;  - Lưu VT, P.ĐBCL&KT. | **HIỆU TRƯỞNG**  ***(Đã ký)*** |

**DANH SÁCH HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

**NGHỀ ĐIỆN CÔNG NGHIỆP**

***(****Kèm theo Quyết định số: 51/QĐ-CĐN ban hành ngày 10 tháng 3 năm 2021*

*của Hiệu trưởng Trường cao đẳng nghề Thành phố Hồ Chí Minh)*

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **HỌ VÀ TÊN** | **CHỨC VỤ** | **CHỨC VỤ TRONG HĐ** |
| 1 | Trần Kim Tuyền | Hiệu trưởng | Chủ tịch |
| 2 | Nguyễn Anh Vũ | Tổ Trưởng tổ Điện lạnh | Thư ký |
| 3 | Hoàng Thị Thu Sương | Phó Hiệu trưởng | Ủy viên |
| 4 | Hồng Thị Thanh Thủy | Phó hiệu trưởng | Ủy viên |
| 5 | Nguyễn Thị Hồng | Phó TP.ĐBCL&KT | Ủy viên |
| 6 | Huỳnh Xuân Nghiệp | Phó trưởng P.Đào tạo | Ủy viên |
| 7 | Phạm Thị Châu Hương | Trưởng TTTS-HTVL | Ủy viên |
| 8 | Phạm Văn Trọng | Giảng viên khoa Điện – Điện lạnh | Ủy viên |
| 9 | Nguyễn Công Toàn | Nhân viên P.ĐBCL&KT | Ủy viên |
| 10 | Trần Duy Hậu | Công ty cổ phần cơ điện Quang Anh | Ủy viên |
| 11 | Đỗ Việt Hải | Công Ty TNHH Xây Dựng Cơ Điện Duy An | Ủy viên |

|  |  |
| --- | --- |
| SỞ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH  VÀ XÃ HỘI TP. HCM  **TRƯỜNG CAO ĐẲNG NGHỀ**  **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**  Số: 72 /KH-CĐN | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  **\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_**  *Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 4 năm 2021* |

**KẾ HOẠCH**

**Thực hiện tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo năm 2021**

*Căn cứ Thông tư số 15/2017/TT-BLĐTBXH ngày 08 tháng 6 năm 2017 về Quy định tiêu chí, tiêu chuẩn tự đánh giá chất lượng giáo dục nghề nghiệp;*

*Căn cứ thông tư 28/2017/TT-BLĐTBXH quy định hệ thống bảo đảm chất lượng của cơ sở giáo dục nghề nghiệp;*

*Căn cứ Công văn số 454/TCGDNN-KĐCL ngày 25 tháng 3 năm 2019 của Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp về việc hướng dẫn đánh giá tiêu chuẩn kiểm định chất lượng chương trình đào tạo trình độ sơ cấp, trung cấp và cao đẳng.*

Trường Cao đẳng nghề Thành phố Hồ Chí Minh xây dựng kế hoạch tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo nghề Điện công nghiệp, trình độ Cao đẳng năm 2021 như sau:

**I. MỤC TIÊU TỰ ĐÁNH GIÁ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

- Đánh giá những điểm mạnh và điểm hạn chế, từ đó đề xuất khắc phục những điểm chưa đạt của chương trình đào tạo nghề Điện công nghiệp nói riêng và hoạt động đào tạo của nhà trường nói chung.

- Nâng cao nhận thức của cán bộ, giảng viên, nhân viên và học sinh - sinh viên về tầm quan trọng của công tác tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo. Khẳng định uy tín và thương hiệu Nhà trường, tiến tới xây dựng trường chất lượng cao.

**II. THỰC HIỆN TỰ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

Công tác thực hiện tự đánh giá chất lượng Chương trình đào tạo (CTĐT) thực hiện như sau:

1. Quy trình tự đánh giá: các bước thực hiện theo trình tự của Quy trình QT/CĐNHCM/05 ban hành theo Quyết định 340/QĐ-CĐN ngày 09 tháng 11 năm 2018 của Hiệu trường trường Cao đẳng nghề Thành phố Hồ Chí Minh.
2. Thực hiện tự đánh giá kiểm định chất lượng chương trình đào tạo:

- Khoa Điện - Điện lạnh phụ trách CTĐT là đơn vị chủ trì thực hiện tự đánh giá chất lượng CTĐT nghề Điện công nghiệp, trình độ Cao đẳng;

- Nội dung tự đánh giá chất lượng CTĐT, bao gồm:

+ Lập kế hoạch chi tiết trên cơ sở kế hoạch tự đánh giá chất lượng CTĐT của trường;

+ Thu thập, phân tích và xử lý thông tin các minh chứng; đánh giá mức độ đạt được theo hướng dẫn đánh giá tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng CTĐT trong công văn 454/TCGDNN-KĐCL ngày 25 tháng 3 năm 2019 của Tổng cục GDNN về việc hướng dẫn đánh giá tiêu chuẩn kiểm định chất lượng chương trình đào tạo trình độ sơ cấp, trung cấp và cao đẳng;

+ Hoàn thiện báo cáo kết quả tự đánh giá chất lượng CTĐT trình độ Cao đẳng theo mẫu *Phụ lục 4 của Thông tư 28/2017/TT-BLĐTBXH quy định hệ thống bảo đảm chất lượng của cơ sở giáo dục nghề nghiệp*.

3. Thư ký Hội đồng tự đánh giá CTĐT trình Hội đồng báo cáo tự đánh giá kiểm định chất lượng CTĐT trình độ Cao đẳng và trình Hiệu trưởng phê duyệt báo cáo.

4. Phòng Đảm bảo chất lượng và Khảo thí có nhiệm vụ công bố báo cáo tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo đồng thời gửi báo cáo tự đánh giá đến Sở Lao động Thương binh và Xã hội TP.HCM và Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp.

**III. NHIỆM VỤ CHUNG**

1. Đối với các Phòng, Khoa, Trung tâm các đơn vị thuộc Trường:

Thực hiện cung cấp minh chứng liên quan đến việc thực hiện tự kiểm định chất lượng chương trình đào tạo cho đơn vị chủ trì theo chức năng, nhiệm vụ của đơn vị, cụ thể như sau:

+ Căn cứ kế hoạch triển khai tự kiểm định chất lượng chương trình đào tạo của trường, các đơn vị lên kế hoạch triển khai cho đơn vị, bao gồm:

+ Xây dựng kế hoạch cụ thể của đơn vị theo tiêu chí đã được phân công;

+ Phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên trong đơn vị;

+ Thu thập thông tin, minh chứng về từng hoạt động và kết quả thực hiện chức năng, nhiệm vụ có liên quan đến việc thực hiện tự đánh giá chương trình đào tạo;

+ Tổng hợp minh chứng gửi về đơn vị chủ trì;

+ Trình tự thực hiện; tiến độ thời gian thực hiện; các kết quả, sản phẩm phải hoàn thiện đúng thời gian quy định;

+ Tổ chức quản lý, duy trì cơ sở dữ liệu, thông tin, minh chứng về các hoạt động tự đánh giá của đơn vị. Lưu trữ hồ sơ minh chứng bằng văn bản tại đơn vị.

2. Đối với Khoa thực hiện tự đánh giá CTĐT:

+ Nghiên cứu hướng dẫn đánh giá tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng CTĐT trong công văn 454/TCGDNN-KĐCL, các Báo cáo tự đánh giá CTĐT các năm trước và quy trình thực hiện tự kiểm định chất lượng chương trình đào tạo của các đơn vị thuộc trường để tổng hợp, viết dự thảo Báo cáo đánh giá hệ thống tiêu chí, tiêu chuẩn theo quy trình thực hiện tự kiểm định chất lượng;

+ Kiểm tra, thu thập thêm thông tin, minh chứng theo từng tiêu chuẩn, tiêu chí kiểm định chất lượng chương trình đào tạo;

+ Viết dự thảo Báo cáo kết quả tự kiểm định chất lượng chương trình đào tạo dựa trên minh chứng được cung cấp và thu thập được của toàn trường;

+ Hoàn thiện dự thảo Báo cáo kết quả tự kiểm định chất lượng chương trình đào tạo gửi Hội đồng kiểm định;

+ Căn cứ các ý kiến của Hội đồng tự đánh giá chất lượng CTĐT, đơn vị chủ trì điều chỉnh nội dung và hoàn chỉnh báo cáo tự đánh giá.

3. Đối với Hội đồng tự đánh giá chất lượng CTĐT:

Thành viên Hội đồng tự đánh giá chất lượng CTĐT phải thực hiện các công việc cụ thể liên quan đến báo cáo kết quả tự kiểm định chất lượng chương trình đào tạo như sau:

+ Nghiên cứu dự thảo Báo cáo kết quả tự kiểm định chất lượng chương trình đào tạo của các đơn vị trong trường;

+ Thành viên Hội đồng kiểm tra thực tế, thu thập thêm thông tin, minh chứng của từng chỉ số, tiêu chí kiểm định chất lượng chương trình đào tạo theo tiêu chí được phân công, cung cấp bổ sung cho đơn vị chủ trì;

+ Đánh giá, góp ý giúp hoàn thiện dự thảo Báo cáo kết quả tự kiểm định chất lượng chương trình đào tạo của các đơn vị thuộc trường;

+ Thông qua dự thảo Báo cáo kết quả tự kiểm định chất lượng chương trình đào tạo;

+ Chủ tịch Hội đồng kiểm định thông qua Báo cáo tự đánh giá CTĐT, trình Hiệu trưởng phê duyệt.

4. Phân công thành viên phụ trách và các đơn vị thực hiện theo tiêu chuẩn có liên quan

| **Số**  **TT** | **Thành viên/ Đơn vị thực hiện** | **Đơn vị phối hợp, cung cấp minh chứng** | **Tiêu chí, tiêu chuẩn thực hiện** |
| --- | --- | --- | --- |
| 1 | Phòng Hành chính - Tổ chức | - Phòng Đào tạo  - Khoa Điện - Điện lạnh | 1.1; 3.2; 3.7; 3.8; 5.6; 5.7  (06 tiêu chuẩn) |
| 2 | Phòng Đào tạo | * Phòng Hành chính - Tổ chức * Phòng Hợp tác quốc tế và Quản lí khoa học * Phòng CTHSSV * Trung tâm tuyển sinh và Hỗ trợ việc làm   - Khoa Điện - Điện lạnh | 1.2; 2.2; 2.5; 2.6; 2.7; 3.1; 3.3; 3.5; 4.1; 4.2  (10 tiêu chuẩn) |
| 3 | Phòng  Đảm bảo chất lượng & Khảo thí | * Phòng Đào tạo   - Phòng CTHSSV  - Trung tâm Bồi dưỡng KNN  và Quan hệ doanh nghiệp | 7.1; 7.2; 7.3; 7.4; 7.7; 7.8  (06 tiêu chuẩn) |
| 4 | Trung tâm Bồi dưỡng Kỹ năng nghề và Quan hệ doanh nghiệp | * Phòng Đào tạo   - Khoa Điện - Điện lạnh | 6.3 (01 tiêu chuẩn) |
| 5 | Phòng Hợp tác quốc tế và  Quản lí khoa học | * Phòng Đào tạo   - Khoa Điện - Điện lạnh | 3.4; 4.9; 4.10; 4.11; 4.12  (05 tiêu chuẩn) |
| 6 | Phòng Tài chính - Kế toán | * Phòng Đào tạo   - Khoa Điện - Điện lạnh | 1.3 (01 tiêu chuẩn) |
| 7 | Phòng Quản trị thiết bị | * Phòng Đào tạo   - Khoa | 5.1; 5.5 (02 tiêu chuẩn) |
| 8 | Trung tâm Tuyển sinh và Hỗ trợ việc làm | * Phòng Đào tạo   - Khoa Điện - Điện lạnh | 2.1 (01 tiêu chuẩn) |
| 9 | Phòng Công tác HS-SV | * Phòng Đào tạo   - Khoa Điện - Điện lạnh | 6.1; 6.2 (02 tiêu chuẩn) |
| 10 | Khoa | * Phòng Hành chính - Tổ chức * Phòng Hợp tác quốc tế và Quản lí khoa học * Phòng CTHSSV * Trung tâm tuyển sinh và Hỗ trợ việc làm   - Phòng Đảm bảo chất lượng & Khảo thí | 2.3; 2.4; 3.6; 4.3; 4.4; 4.5; 4.6; 4.7; 4.8; 5.2; 5.3; 5.4; 5.8; 7.5; 7.6  (15 tiêu chuẩn) |
| 11 | Đoàn thanh niên | * Phòng Đào tạo   - Khoa Điện - Điện lạnh | 6.4 (01 tiêu chuẩn) |

**Ký hiệu:** 1. đọc là tiêu chí 1; 1.1 đọc là tiêu chuẩn 1.

2.1 đọc là tiêu chí 2 tiêu chuẩn 1.

5. Nội dung công việc - Thời gian thực hiện.

| **TT** | **Thời gian** | **Nội dung** | **Phụ trách** | **Ghi chú** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
|  | Từ ngày 10/4  đến ngày 25/4/2021 | **- Kế hoạch** Tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo nghề Điện công nghiệp, trình độ cao đẳng năm 2021  - Trình BGH ký duyệt. | Nguyễn Thị Hồng | Phó Trưởng phòng  **ĐBCL&KT** |
|  | Từ ngày 25/4  đến ngày 30/4/2021 | **- Triển khai** KH đánh giá chất lượng chương trình đào tạo nghề Điện công nghiệp năm 2021 đến HĐ tự đánh giá và đến các đơn vị trực thuộc trường | Nguyễn Anh Vũ | Thư kí  HĐ |
|  | Từ ngày 25/4  đến ngày 30/4/2021 | Triển khai kế hoạch, phân công đến các thành viên tự đánh giá của Khoa | Nguyễn Anh Vũ |  |
|  | Từ ngày 30/4  đến ngày  15/8/2021 | - Thu thập thông tin, minh chứng  - Cung cấp thông tin, minh chứng theo từng tiêu chí, tiêu chuẩn. | Thành viên/ Đơn vị được phân công |  |
|  | Từ ngày 30/4  đến ngày  01/9/2021 | Viết dự thảo báo cáo tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo. | Nguyễn Anh Vũ |  |
|  | Từ ngày 03/9  đến ngày  20/9/2021 | - Gởi dự thảo báo cáo đến các thành viên HĐ và các đơn vị liên quan trực thuộc trường để góp ý,  - Nhận ý kiến đóng góp.  - Chỉnh sửa, hoàn thiện tiêu chuẩn của báo cáo tự đánh giá. | Nguyễn Anh Vũ  Thành viên Hội đồng |  |
|  | Từ ngày 21/9  đến ngày  30/9/2021 | Hoàn thiện báo cáo tự đánh giá. | Nguyễn Anh Vũ |  |
|  | Từ ngày 30/9  đến ngày  02/10/2021 | Họp Hội đồng thông qua báo cáo lần 1 | Thành viên Hội đồng |  |
|  | Từ ngày 02/10  đến ngày  07/10/2021 | Chỉnh sửa theo góp ý của Hội đồng báo cáo lần 1 | Nguyễn Anh Vũ |  |
|  | Từ ngày 07/10  đến ngày  09/10/2021 | Họp Hội đồng thông qua báo cáo lần 2 | Thành viên Hội đồng |  |
|  | Từ ngày 09/10  đến ngày 14/10/2021 | Hoàn thiện báo cáo | Nguyễn Anh Vũ |  |
|  | Ngày 15/10/2021 | Họp Hội đồng thông qua báo cáo | Thành viên Hội đồng |  |
|  | Từ ngày 15/10  đến ngày 18/10/2021 | Trình Hiệu trưởng phê duyệt báo cáo | Nguyễn Anh Vũ |  |
|  | Dự kiến  Ngày 31/10/2021 | Gửi báo cáo:  - Tổng cục giáo dục Nghề nghiệp.  - Sở Lao động-Thương binh và Xã hội. | P.ĐBCL&KT |  |
|  | Dự kiến  Tháng 11/2021 | Mời Đoàn Kiểm định ngoài. | | |

**IV. TRIỂN KHAI THỰC HIỆN:**

- Căn cứ kế hoạch của trường các đơn vị phân công công việc cụ thể cho từng thành viên trong đơn vị mình phụ trách.

- Phòng Đảm bảo chất lượng và Khảo thí phối hợp Khoa Điện - Điện lạnh theo dõi, đôn đốc việc thực hiện kế hoạch.

- Trưởng Phòng Đảm bảo chất lượng và Khảo thí, chịu trách nhiệm theo dõi việc thực hiện tiến độ của các đơn vị và báo cáo kịp thời cho chủ tịch Hội đồng kết quả thực hiện kế hoạch tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo trình độ cao đẳng nghề Điện công nghiệp năm 2021.

- Yêu cầu các đơn vị phối hợp với phòng Đảm bảo chất lượng và Khảo thí, Khoa Điện - Điện lạnh thực hiện đúng tiến độ kế hoạch đề ra./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***  - Tổng cục GDNN;  - Phòng GDNN - Sở LĐTB&XH;  - Hội đồng TĐG CTĐT năm 2021;  - Các đơn vị thuộc Trường;  - Lưu: VT; P.ĐBCL&KT (Toàn). | **HIỆU TRƯỞNG**  ***(Đã ký)*** |

## Phụ lục Bảng mã minh chứng

| **Stt** |  | **Tiêu chí** | **Tiêu chuẩn** | **Mã MC** | ***MC dùng chung*** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 1 | 1 | 1.1 | 1.1.01 |  | *Quyết định về việc thành lập trường Cao đẳng nghề Thành phố Hồ Chí Minh số 196/QĐ-BLĐTBXH ngày 31 tháng 01 năm 2007* |
| 2 |  |  | 1.1.02 |  | *Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp số 155/2017-GCNĐKHĐ-TCDN ngày 20/6/2017, Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp số 155a/2017/ GCNĐKHĐBS-TCGDNN ngày 27/5/2019, Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp số 155b/2017 GCNĐKHĐBS -TCDN ngày 29/4/2020).* |
| 3 |  |  | 1.1.03 |  | *Quyết định Ban hành Quy chế tổ chức, hoạt động của Trường CĐN TP.HCM số 275/QĐ-CĐN, ngày 17/8/2017* |
| 4 |  |  | 1.1.04 |  | *Báo cáo phân tích thị trường lao động năm và dự báo nhu cầu nhân lực năm 2019, 2020, 2021 tại TPHCM* |
| 5 |  |  | 1.1.05 |  | *www.caodangnghehcm.edu.vn; Video giới thiệu về trường; Các bài báo* |
| 6 |  |  | 1.1.06 |  | *Nghị quyết Hội đồng Trường CĐN TP.HCM số: 01/NQ-CĐN ngày 11/01/2019; số 02/NQ-CĐN ngày 01/3/2021; số 03/NQ-CĐN ngày 01/7/2021; ; số 04/NQ-CĐN ngày 01/10/2021; số 05/NQ-CĐN ngày 01/12/2021* |
| 7 |  |  | 1.1.07 |  | *Kế hoạch thực hiện công tác biên soạn, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo và chuẩn đầu ra trình độ TC, CĐ năm 2020; Thông báo về việc xây dựng mới hoặc cập nhật, đánh giá nội dung của CTĐT trình độ TC, liên thông CĐ, CĐ năm 2021* |
| 8 |  |  | 1.1.08 |  | *Quyết định thành lập ban chủ nhiệm tổ chức biên soạn chương trình đào tạo và chuẩn đầu ra trình độ TC, CĐ năm 2019, 2020, 2021* |
| 9 |  |  | 1.1.09 |  | *Quyết định thành lập hội đồng thẩm định chương trình đào tạo và chuẩn đầu ra trình độ TC, CĐ năm 2019, 2020, 2021* |
| 10 |  |  | 1.1.10 |  | *Các Biên bản họp về hướng dẫn tổ chức biên soạn chương trình đào tạo và chuẩn đầu ra trình độ TC, CĐ năm 2019, 2020, 2021* |
| 11 |  |  | 1.1.11 |  | *Các biên bản họp xây dựng, rà soát, điều chỉnh, xây dựng chương trình khóa 2019, 2020, 2021* |
| 12 |  |  | 1.1.12 |  | *Biên bản họp hội đồng thẩm định chương trình đào tạo và chuẩn đầu ra trình độ TC, CĐ năm 2019, 2020, 2021* |
| 13 |  |  | 1.1.13 |  | *Quyết định ban hành Chương trình đào tạo trình độ TC, CĐ, CĐ liên thông số 221/QĐ-CĐN ngày 16/8/2019; Quyết định ban hành KHĐT trình độ TC,CĐ số 349/QĐ-CĐN ngày 25/10/số ;269/QĐ-CĐN ngày 12/09/2018; Quyết định ban hành KHĐT trình độ TC,CĐ và CĐ liên thông số 222/QĐ-CĐN 16/08/2019, số 271/QĐ-CĐN ngày 16/10/2020; số 254/QĐ-CĐN ngày 01/9/2021* |
| 14 |  |  | 1.1.14 |  | *Kế hoạch tự thanh tra, kiểm tra hoạt động đào tạo năm 2019, 2020, 2021,; Biên bản thanh tra, kiểm tra hoạt động đào tạo năm 2019, 2020, 2021* |
| 15 |  |  | 1.1.15 |  | *Báo cáo thanh tra, kiểm tra hoạt động đào tạo năm 2019, 2020, 2021* |
| 16 |  |  | 1.1.16 |  | *Kế hoạch thanh tra, kiểm tra hoạt động của ban thanh tra nhân dân năm 2019, 2020, 2021; Biên bản thanh tra, kiểm tra hoạt động của Ban thanh tra nhân dân năm 2019, 2020, 2021* |
| 17 |  |  | 1.1.17 |  | *Báo cáo công tác thanh tra, kiểm tra nhân dân năm 2019, 2020,2021* |
| 18 |  |  | 1.1.18 |  | *Quyết định ban hành Mục tiêu, Sứ mạng, Tầm nhìn của Trường CĐN TPHCM số: 279/QĐ-CĐN ngày 27/9/2018, Quyết định về việc ban hành quy trình của BGH và các đơn vi thuộc trường Cao đẳng nghề TP.HCM số: 340/QĐ-CĐN ngày 9/11/2018* |
| 19 |  |  | 1.1.19 |  | Kế hoạch triển khai khảo sát số 75/KH-CĐN ngày 25/6/2019; Kế hoạch triển khai khảo sát số số 75/KH-CĐN ngày 17/6/2020*;* Kế hoạch triển khai công tác khảo sát ý kiến đánh giá chất lượng các KH số 131/KH-CĐN ngày 07/7/2021) |
| 20 |  |  | 1.1.20 |  | Bộ phiếu thu thập ý kiến cán bộ quản lý, viên chức và người lao động; Khảo sát HSSV đang học về chất lượng, hiệu quả các hình thức đào tạo, phương thức đào tạo; Khảo sát HSSV sau khi tốt nghiệp về tình hình việc làm và đánh giá chất lượng, hiệu quả các hình thức đào tạo; Khảo sát Chương trình, giáo trình về chất lượng, hiệu quả các chương trình, giáo trình đào tạo; Khảo sát người học về chất lượng cá Mô đun/Môn học |
| 21 |  |  | 1.1.21 |  | Danh sách thu thập ý kiến cán bộ quản lý, viên chức và người lao động; Khảo sát HSSV đang học về chất lượng, hiệu quả các hình thức đào tạo, phương thức đào tạo; Khảo sát HSSV sau khi tốt nghiệp về tình hình việc làm và đánh giá chất lượng, hiệu quả các hình thức đào tạo; Khảo sát về Chương trình, giáo trình về chất lượng, hiệu quả các chương trình, giáo trình đào tạo; Khảo sát người học vế chất lượng cá Mô đun/Môn học Trường Cao đẳng nghề Thành phố Hồ Chí Minh |
| 22 |  |  | 1.1.22 |  | Bảng tổng hợp thu thập ý kiến cán bộ quản lý, viên chức và người lao động; Khảo sát HSSV đang học về chất lượng, hiệu quả các hình thức đào tạo, phương thức đào tạo; Khảo sát HSSV sau khi tốt nghiệp về tình hình việc làm và đánh giá chất lượng, hiệu quả các hình thức đào tạo; Khảo sát về Chương trình, giáo trình về chất lượng, hiệu quả các chương trình, giáo trình đào tạo; Khảo sát người học vế chất lượng cá Mô đun/Môn học Trường Cao đẳng nghề Thành phố Hồ Chí Minh |
| 23 |  |  | 1.1.23 |  | Báo cáo kết quả thu thập ý kiến cán bộ quản lý, viên chức và người lao động; Khảo sát HSSV đang học về chất lượng, hiệu quả các hình thức đào tạo, phương thức đào tạo; Khảo sát HSSV sau khi tốt nghiệp về tình hình việc làm và đánh giá chất lượng, hiệu quả các hình thức đào tạo; Khảo sát Chương trình, giáo trình về chất lượng, hiệu quả các chương trình, giáo trình đào tạo; Khảo sát người học về chất lượng cá Mô đun/Môn học năm 2020, 2021 (kèm bảng tổng hợp và danh sách khảo sát |
| 26 | 1 | 1.2 |  | 1.1.03 | *Quyết định Ban hành Quy chế tổ chức, hoạt động của Trường CĐN TP.HCM số 275/QĐ-CĐN, ngày 17/8/2017 kèm Các quyết định thành lập phòng, khoa, trung tâm đơn vị trực thuộc Trường CĐN TPHCM* |
| 27 |  |  | 1.2.01 |  | *Quyết định 430/QĐ-CĐN ngày 30/12/2017 Ban hành Quy định chức năng nhiệm vụ của các đơn vị trực thuộc trường CĐN TP.HCM* |
| 28 |  |  | 1.2.02 |  | *Quyết định về việc ban hành Quy chế thực hiện dân chủ trong hoạt động của Trường CĐN TPHCM số 31/QĐ-CĐN ngày 07/02/2017* |
| 29 |  |  | 1.2.03 |  | *Quyết định Ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ năm 2019 số 430/QĐ-CĐN ngày 28/12/2018, Quyết định Ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ năm 2020 số 430/QĐ-CĐN ngày 28/12/2019, năm 2021* |
| 30 |  |  | 1.2.04 |  | *Quyết định Ban hành Quy chế về hoạt động nghiên cứu khoa học* |
| 31 |  |  | 1.2.05 |  | *Quyết định 46/QĐ-CĐN ngày 02/3/2016 ban hành Quy định về lề lối làm việc của CB,GV,CNV trường CĐN TP.HCM* |
| 32 |  |  | 1.2.06 |  | *Báo cáo kết quả công tác của phòng, khoa, trung tâm đơn vị trực thuộc trường năm 2021* |
| 33 |  |  | 1.2.07 |  | *Quyết định tặng giấy khen cho các tập thể, cá nhân đã có thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua năm học 2018-2019 số 28802/QĐ-SLĐTBXH ngày 30/08/2019; QĐ v/v công nhận tập thể, cá nhân đạt doanh hiệu Lao động tiên tiến năm học 2018-2019 số 233/QĐ-CĐN ngày 23/08/2019 và các năm 2019, 2020, 2021* |
| 34 |  |  | 1.2.08 |  | *Báo cáo Hội nghị cán bộ CC, VC, NLĐ động năm 2019, 2020, 2021* |
| 35 | 1 | 1.3 | 1.3.01 |  | *Quyết định ban hành Quy chế quản lý tài chính của Trường CĐ Nghề Tp.HCM số 7a/QĐ - CĐN ngày 06/01/2010* |
| 36 |  |  | 1.3.02 |  | *Quy định về việc xây dựng kế hoạch tài chính và công khai tài chính số 01/ QyĐ - CDN ngày 04/01/2010; Báo cáo số liệu HSSV quý hàng năm;* ***1.3.03*** *- Dự toán thu chi ngân sách nhà nước năm 2019, 2020, 2021* |
| 38 |  |  | 1.3.04 |  | *Báo cáo tài chính năm 2018 , 2019, 2020* |
| 39 |  |  | 1.3.05 |  | *Các thông báo của Trường về mức thu học phí năm 2019, 2020, 2021* |
| 40 |  |  | 1.3.06 |  | *Báo cáo tổng hợp thu học phí, lệ phí năm 2018, 2019, 2020* |
| 41 |  |  | 1.3.07 |  | *Quyết định về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2018 số 34259/QĐ-SLĐTBXH ngày 29/12/2017, Quyết định giao dự toán NSNN năm 2019 số 35330/QĐ-SLĐTBXH ngày 28/12/2018, Quyết định giao dự toán NSNN năm 2020 số số 45654/QĐ-SLĐTBXH ngày 30/12/2019* |
| 42 |  |  | 1.3.08 |  | *Biên bản xét duyệt quyết toán ngân sách năm 2018 ngày 14/6/2019; Biên bản xét duyệt quyết toán ngân sách năm 2019 ngày 15/6/2020* |
| 43 |  |  | 1.3.09 |  | *Báo cáo kết quả thực hiện quyền tự chủ tự chịu trách nhiệm về tài chính theo Nghị định 43/2006NĐ-CP ngày 25/4/2006 của Chính phủ số 08/BC-CĐN ngày 19/1/2018, số 22/BC-CĐN ngày 25/2/2019, số 19/BC-CĐN ngày 17/02/2020* |
| 44 |  |  | 1.3.10 |  | *Thuyết minh dự toán chi phí đào tạo* |
| 45 |  |  | 1.3.11 |  | *Hợp đồng kinh tế: Dự án "Đổi mới và nâng cao chất lượng GDNN thuộc Chương trình mục tiêu “Giáo dục nghề nghiệp - việc làm và an toàn lao động” năm 2018 của trường Cao đẳng nghề TP.HCM số 112/HĐ/CĐN-TA. (Hồ sơ lưu trữ tại phòng TCKT* |
| 46 |  |  | 1.3.12 |  | *Các hợp đồng hợp tác, hợp đồng dịch vụ (hợp đồng hợp tác đào tạo; hợp đồng dịch vụ căn tin; hợp đồng dịch vụ giữ xe hai bánh...* |
| 47 |  |  | 1.3.13 |  | *Báo cáo doanh thu năm 2019, 2020, 2021* |
| 48 |  |  | 1.3.14 |  | *Báo cáo thực hiện nhiệm vụ năm 2018 số 01/BC-TCKT ngày 13/2/2019; Báo cáo thực hiện nhiệm vụ năm 2019 số 04/BC-TCKT ngày 26/6/2020 và năm 2021* |
| 49 |  |  | 1.3.15 |  | *Báo cáo kết quả thực hiện tự kiểm tra công tác tài chính năm 2019,2020, 2021* |
| 50 |  |  | 1.3.16 |  | *Kế hoạch tự kiểm tra tài chính số 19/KH-CĐN ngày 27/03/2018, 23/KH-CĐN ngày 27/02/2019, 26/KH-CĐN ngày 10/03/2020 và năm 2021* |
| 51 |  |  | 1.3.17 |  | *Niêm yết thông tin tại Phòng TC-KT* |
| 52 |  |  | 1.3.18 |  | *Ảnh chụp Phần mềm kế toán hành chính sự nghiệp IMAS)* |
| 54 |  |  |  | 1.1.16 | *Kế hoạch thanh tra, kiểm tra hoạt động của ban thanh tra nhân dân năm 2019, 2020, 2021* |
| 55 |  |  | 1.1.17 | *Báo cáo công tác thanh tra, kiểm tra nhân dân năm 2019, 2020, 2021* |
| 56 | 2 | 2.1 | 2.1.01 |  | *Quy chế tuyển sinh kèm quyết định ban hành năm 2019, 2020, 2021* |
| 57 |  |  | 2.1.02 |  | *Kế hoạch về việc triển khai hoạt động năm 2019, 2020, 2021* |
| 58 |  |  | 2.1.03 |  | *Các kế hoạch tuyển sinh năm 2019, 2020, 2021* |
| 59 |  |  | 2.1.04 |  | *Các Quyết định về việc thành lập Hội đồng tuyển sinh năm 2019, 2020, 2021* |
| 60 |  |  | 2.1.05 |  | *Các Quyết định thành lập Ban thư ký hội đồng tuyển sinh năm 2019, 2020, 2021* |
| 61 |  |  | 2.1.06 |  | *Thông báo về giao chỉ tiêu kế hoạch, nhiệm vụ năm 2019, 2020, 2021 đối với Phòng, Khoa, Trung tâm; Bảng đăng ký chỉ tiêu tuyển sinh năm 2019, 2020, 2021* |
| 62 |  |  | 2.1.07 |  | *Quyết định thành lập Ban phúc tra hội đồng tuyển sinh năm 2019, 2020, 2021* |
| 63 |  |  | 2.1.08 |  | *Thông báo tuyển sinh năm 2019, 2020, 2021* |
| 64 |  |  | 2.1.09 |  | *Các Biên bản họp ban thư ký Hội đồng tuyển sinh, Các biên bản họp Hội đồng tuyển sinh năm 2020, 2021* |
| 65 |  |  |  | 1.1.02 | *Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp số 155/2017-GCNĐKHĐ-TCDN ngày 20/6/2017, Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp số 155a/2017/ GCNĐKHĐBS-TCGDNN ngày 27/5/2019, Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp số 155b/2017 GCNĐKHĐBS -TCDN ngày 29/4/2020* |
| 66 |  |  | 2.1.10 |  | *Thông báo về việc giao chỉ tiêu, nhiệm vụ năm 2019, 2020, 2021 đối với Trường CĐN TP.HCM* |
| 67 |  |  |  | 1.1.05 | *www.caodangnghehcm.edu.vn; Video giới thiệu về trường; Các bài báo* |
| 68 |  |  | 2.1.11 |  | *Hồ sơ thí sinh đăng ký dự tuyển trình độ cao đẳng, trung cấp* |
| 69 |  |  | 2.1.12 |  | *Các Quyết định công nhận HSSV trúng tuyển năm 2019, 2020, 2021* |
| 70 |  |  | 2.1.13 |  | *Quyết định về việc thành lập các lớp TC, CĐ số 262/QĐ-CĐN ngày 7/9/2018, số 293/QĐ-CĐN ngày 22/10/2019 , số 270/QĐ-CĐN ngày 16/10/2020, , số 280/QĐ-CĐN ngày 01/10/2021* |
| 71 |  |  | 2.1.14 |  | *Các Báo cáo công tác tuyển sinh năm 2019, 2020, 2021* |
| 72 |  |  | 2.1.15 |  | *Các biên bản kiểm tra công tác tuyển sinh năm 2019, 2020, 2021* |
| 73 |  |  |  | 1.1.14 | *Kế hoạch tự thanh tra, kiểm tra hoạt động đào tạo năm 2019, 2020, 2021; Biên bản thanh tra, kiểm tra hoạt động đào tạo năm 2019, 2020, 2021* |
| 74 |  |  |  | 1.1.15 | *Báo cáo thanh tra, kiểm tra hoạt động đào tạo năm 2019, 2020, 2021* |
| 75 |  |  |  | 1.1.16 | *Kế hoạch thanh tra, kiểm tra hoạt động của ban thanh tra nhân dân năm 2019, 2020, 2021; Biên bản thanh tra, kiểm tra hoạt động của Ban thanh tra nhân dân năm 2019, 2020, 2021* |
| 76 |  |  |  | 1.1.17 | *Báo cáo công tác thanh tra, kiểm tra nhân dân năm 2019, 2020, 2021* |
| 77 | 2 | 2.2 | 2.2.01 |  | *Quyết định số 256/QĐ-CĐN ngày 1/9/2021 ban hành Quy chế tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ Trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế và theo phương thức tích lũy tín chỉ; kiểm tra, xét công nhận tốt nghiệp tại trường Cao đẳng nghề Thành phố Hồ Chí Minh* |
| 78 |  |  | 2.2.02 |  | *Quyết định ban hành Chương trình đào tạo trình độ TC, CĐ, CĐ liên thông số 221/QĐ-CĐN ngày 16/8/2019; Số 271/QĐ-CĐN ngày 16/10/2020; Số 254/QĐ-CĐN ngày 01/9/2021* |
| 79 |  |  | 2.2.03 |  | *Tiến độ đào tạo trình độ CĐ, CĐ liên thông và TC năm, 2019, 2020, 2021* |
| 80 |  |  | 2.2.04 |  | *Kế hoạch phân công giảng viên từng học kỳ và Bảng kế hoạch giảng viên điều chỉnh, bổ sung trong năm 2019, 2020, 2021* |
| 81 |  |  | 2.2.05 |  | *Thời khóa biểu* *theo từng học kỳ, năm 2019, 2020, 2021* |
| 82 |  |  | 2.2.06 |  | *Sổ lên lớp năm 2019, 2020, 2021* |
| 83 |  |  | 2.2.07 |  | *Giáo án giảng dạy của giảng viên năm 2019, 2020, 2021* |
| 84 |  |  | 2.2.08 |  | *Sổ tay giảng viên năm 2019, 2020, 2021 (lưu trữ tại khoa).* |
| 85 |  |  | 2.2.09 |  | *Quyết định việc Ban hành Quy chế hoạt động tự thanh tra, kiểm tra công tác đào tạo tại Trường Cao đẳng nghề TP. Hồ Chí Minh số 132/QĐ-CĐN ngày 07/5/2018* |
| 86 |  |  |  | 1.1.14 | *Kế hoạch tự thanh tra, kiểm tra hoạt động đào tạo năm 2019, 2020, 2021,; Biên bản thanh tra, kiểm tra hoạt động đào tạo năm 2019, 2020, 2021* |
| 87 |  |  |  | 1.1.15 | *Báo cáo thanh tra, kiểm tra hoạt động đào tạo năm 2019, 2020, 2021* |
| 88 |  |  |  | 1.1.16 | *Kế hoạch thanh tra, kiểm tra hoạt động của ban thanh tra nhân dân năm 2019, 2020, 2021; Biên bản thanh tra, kiểm tra hoạt động của Ban thanh tra nhân dân năm 2019, 2020, 2021* |
| 89 |  |  |  | 1.1.17 | *Báo cáo công tác thanh tra, kiểm tra nhân dân năm 2019, 2020, 2021* |
| 90 |  |  | 2.2.10 |  | *Phần mềm EMIS quản lý đào tạo* |
| 91 |  |  | 2.2.11 |  | *Phần mềm quản trị trường học* |
| 92 |  |  | 2.2.12 |  | *Quyết định thành lập Hội đồng thi tốt nghiệp và các Ban trực thuộc từ năm 2019, 2020, 2021* |
| 93 |  |  | 2.2.13 |  | *Các biên bản họp Hội đồng thi tốt nghiệp năm 2019, 2020, 2021* |
| 94 |  |  | 2.2.14 |  | *Các QĐ công nhận tốt nghiệp và DS đính kèm* |
| 95 | 2 | 2.3 | 2.3.01 |  | *Kế hoạch về việc triển khai hoạt động năm số 128/KH-CĐN ngày 28/12/2018, 185/KH-CĐN ngày 31/12/2019, năm 2020, 2021* |
| 96 |  |  |  | 2.2.02 | *Quyết định ban hành Chương trình đào tạo trình độ TC, CĐ, CĐ liên thông số 221/QĐ-CĐN ngày 16/8/2019; Số 271/QĐ-CĐN ngày 16/10/2020; Số 254/QĐ-CĐN ngày 01/9/2021* |
| 97 |  |  |  | 2.2.03 | *Tiến độ đào tạo trình độ CĐ, CĐ liên thông và TC của năm 2019, 2020, 2021* |
| 98 |  |  |  | 2.2.04 | *Kế hoạch phân công giảng viên từng học kỳ và Bảng kế hoạch giảng viên điều chỉnh, bổ sung trong năm 2019, 2020, 2021* |
| 99 |  |  |  | 2.2.05 | *Thời khóa biểu* *theo từng học kỳ năm 2019, 2020, 2021* |
| 100 |  |  |  | 2.2.06 | *Sổ lên lớp năm 2019, 2020, 2021* |
| 101 |  |  |  | 2.2.07 | *Giáo án giảng dạy của giảng viên năm 2019, 2020, 2021* |
| 102 |  |  |  | 2.2.08 | *Sổ tay giảng viên năm 2019, 2020, 2021 (lưu trữ tại khoa)* |
| 103 |  |  |  | 1.1.14 | *Kế hoạch tự thanh tra, kiểm tra hoạt động đào tạo năm 2019, 2020, 2021,; Biên bản thanh tra, kiểm tra hoạt động đào tạo năm 2019, 2020, 2021* |
| 104 |  |  |  | 1.1.15 | *Báo cáo thanh tra, kiểm tra hoạt động đào tạo năm 2019, 2020, 2021* |
| 105 |  |  |  | 2.2.10 | *Phần mềm EMIS quản lý đào tạo* |
| 106 |  |  |  | 2.2.11 | *Phần mềm quản trị trường học (công ty Tiến Bộ đang bàn giao)* |
| 107 |  |  | 2.3.02 |  | *Hình chụp Phần mềm mô phỏng SSCNC, phần mềm Autocad; phần mềm Master CAM, phần mềm Cimco edit 8* |
| 108 |  |  | 2.3.03 |  | *Danh sách các mô đun/ mô học có sử dụng phần mềm hổ trợ giảng dạy và mô phỏng* |
| 109 |  |  |  | 2.1.13 | *Quyết định về việc thành lập các lớp TC, CĐ số 262/QĐ-CĐN ngày 7/9/2018, số 293/QĐ-CĐN ngày 22/10/2019 , số 270/QĐ-CĐN ngày 16/10/2020, , số 280/QĐ-CĐN ngày 01/10/2021* |
| 110 | 2 | 2.4 | 2.4.01 |  | *Các hợp đồng liên kết đào tạo 2019, 2020, 2021* |
| 111 |  |  | 2.4.02 |  | *Hợp đồng ghi nhớ về việc hợp tác đào tạo và cung ứng lao động các năm 2019, 2020, 2021* |
| 112 |  |  | 2.4.03 |  | *Danh sách công ty nhận thực tập sản xuất năm 2019, 2020, 2021* |
| 113 |  |  | 2.4.04 |  | *Kế hoạch về việc thực tập sản xuất năm 2019, 2020, 2021* |
| 114 |  |  | 2.4.05 |  | *Công văn về việc thực tập sản xuất của HSSV năm 2019, 2020, 2021* |
| 115 |  |  | 2.4.06 |  | *Danh sách người học đi thực tập năm 2019, 2020, 2021* |
| 116 |  |  | 2.4.07 |  | *Báo cáo về việc thực tập tốt nghiệp của HSSV 2019, 2020, 2021* |
| 117 |  |  | 2.4.08 |  | *Phiếu nhận xét thực tập của HSSV 2019, 2020, 2021* |
| 118 | 2 | 2.5 |  | 2.2.01 | *Quyết định số 256/QĐ-CĐN ngày 1/9/2021 ban hành Quy chế tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ Trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế và theo phương thức tích lũy tín chỉ; kiểm tra, xét công nhận tốt nghiệp tại trường Cao đẳng nghề Thành phố Hồ Chí Minh* |
| 119 |  |  |  | 1.1.03 | *Quyết định Ban hành Quy chế tổ chức, hoạt động của Trường CĐN TP.HCM số 275/QĐ-CĐN, ngày 17/8/2017* |
| 120 |  |  |  | 1.1.18 | *Quyết định ban hành Mục tiêu, Sứ mạng, Tầm nhìn của Trường CĐN TPHCM số 279/QĐ-CĐN ngày 27/9/2018, Quyết định về việc ban hành quy trình của BGH và các đơn vi thuộc trường Cao đẳng nghề TP.HCM số: 340/QĐ-CĐN ngày 9/11/2018* |
| 121 |  |  | 2.5.01 |  | *Bộ hồ sơ Quy trình in sao đề thi năm 2019, 2020, 2021* |
| 122 |  |  |  | 2.2.03 | *Tiến độ đào tạo trình độ CĐ, CĐ liên thông và TC của năm 2019, 2020, 2021* |
| 123 |  |  | 2.5.02 |  | *Các thông báo thi tốt nghiệp năm 2019, 2020, 2021* |
| 124 |  |  | 2.5.03 |  | *Biên bản mở túi đề, biên bản coi thi năm 2021, 2020, 2021* |
| 125 |  |  |  | 2.2.12 | *Quyết định thành lập Hội đồng thi tốt nghiệp và các Ban trực thuộc từ năm 2019, 2020, 2021* |
| 126 |  |  |  | 2.2.13 | *Các biên bản họp Hội đồng thi tốt nghiệp năm 2019, 2020, 2021* |
| 127 |  |  |  | 2.2.14 | *Các QĐ công nhận tốt nghiệp và DS đính kèm các năm 2019, 2020, 2021* |
| 128 |  |  | 2.5.04 |  | *Biên bản họp rút kinh nghiệm công tác thi tốt nghiệp năm 2019, 2020, 2021* |
| 129 |  |  | 2.5.05 |  | *Báo cáo công tác tổ chức thi tốt nghiệp nghề các lớp trung cấp nghề, cao đẳng nghề, trung cấp và cao đẳng liên thông năm 2019, 2020, 2021* |
| 130 |  |  | 2.5.06 |  | *Quyết định về việc ban hành quy định cấp học bổng khuyến khích học nghề số 296/QĐ-CĐN ngày 11/10/2018* |
| 131 |  |  | 2.5.07 |  | *Quyết định v/v ban hành Quy định xét, miễn giảm học phí cho HSSV theo hình thức đào tào chính quy tại Trường Cao đẳng nghề TPHCM từ năm 2016-2017 đến năm 2020-2021 số 412/QĐ-CĐN ngày 21/12/2018* |
| 132 |  |  | 2.5.08 |  | *Bảng thống kê các chính sách, chế độ hỗ trợ đối với người học thuộc đối tượng ưu tiên và các chế độ chính sách xã hội đã chi trả cho năm 2019, 2020, 2021* |
| 133 |  |  | 2.5.09 |  | *Danh sách người học thuộc đối tượng ưu tiên và các chính sách xã hội khác mà nhà trường áp dụng năm 2019, 2020, 2021* |
| 134 |  |  | 2.5.10 |  | *Biên bản họp Hội đồng thi đua khen thưởng HSSV của trường về đánh giá rèn luyện năm 2019, 2020, 2021* |
| 135 |  |  | 2.5.11 |  | *Các Quyết định công nhận kết quả rèn luyện HSSV năm 2019, 2020, 2021* |
| 136 |  |  | 2.5.12 |  | *Báo cáo công tác học sinh sinh viên năm 2019, 2020, 2021* |
| 137 |  |  |  | 1.1.14 | *Kế hoạch tự thanh tra, kiểm tra hoạt động đào tạo năm 2019, 2020, 2021; Biên bản thanh tra, kiểm tra hoạt động đào tạo năm 2019, 2020, 2021* |
| 138 |  |  |  | 1.1.15 | *Báo cáo thanh tra, kiểm tra hoạt động đào tạo năm 2019, 2020, 2021* |
| 139 |  |  |  | 1.1.16 | *Kế hoạch thanh tra, kiểm tra hoạt động của ban thanh tra nhân dân năm 2019, 2020, 2021; Biên bản thanh tra, kiểm tra hoạt động của Ban thanh tra nhân dân năm 2019, 2020, 2021* |
| 140 |  |  |  | 1.1.17 | *Báo cáo công tác thanh tra, kiểm tra nhân dân năm 2019, 2020, 2021;* ***2.5.13*** *- Sổ cấp phát bằng tốt nghiệp* |
| 141 |  |  | 2.5.13 |  | Sổ cấp phát bằng tốt nghiệp |
| 142 |  |  | 2.5.14 |  | *Biên bản về việc kiểm tra văn bằng năm 2019, 2020, 2021* |
| 143 | 2 | 2.6 |  | 1.1.03 | *Quyết định Ban hành Quy chế tổ chức, hoạt động của Trường CĐN TP.HCM số 275/QĐ-CĐN, ngày 17/8/2017 kèm Các quyết định thành lập phòng, khoa, trung tâm đơn vị trực thuộc Trường CĐN TPHCM* |
| 144 |  |  |  | 2.2.09 | *Quyết định việc Ban hành Quy chế hoạt động tự thanh tra, kiểm tra công tác đào tạo tại Trường Cao đẳng nghề TP. Hồ Chí Minh số 132/QĐ-CĐN ngày 07/5/2018* |
| 145 |  |  |  | 1.1.14 | *Kế hoạch tự thanh tra, kiểm tra hoạt động đào tạo năm 2019, 2020, 2021,; Biên bản thanh tra, kiểm tra hoạt động đào tạo năm 2019, 2020, 2021* |
| 146 |  |  |  | 1.1.15 | *Báo cáo thanh tra, kiểm tra hoạt động đào tạo năm 2019, 2020, 2021* |
| 147 |  |  | 2.6.01 |  | *Các Thông báo kết luận của Hiệu trưởng tại họp giao ban hàng tháng* |
| 148 |  |  | 2.6.02 |  | *Biên bản bình họp bình xét thi đua tháng, năm của khoa Đ-ĐL* |
| 149 |  |  | 2.6.03 |  | *Quyết định về việc chuẩn y Ban thanh tra nhân dân* |
| 150 |  |  |  | 1.1.16 | *Kế hoạch thanh tra, kiểm tra hoạt động của ban thanh tra nhân dân năm 2019, 2020, 2021; Biên bản thanh tra, kiểm tra hoạt động của Ban thanh tra nhân dân năm 2019, 2020, 2021* |
| 151 |  |  |  | 1.1.17 | *Báo cáo công tác thanh tra, kiểm tra nhân dân 2019, 2020, 2021* |
| 152 | 2 | 2.7 |  | 2.1.01 | *Quy chế tuyển sinh kèm quyết định ban hành năm 2019, 2020, 2021* |
| 153 |  |  | 2.7.01 |  | *Hợp đồng số 01/2018/HĐ-ĐT ký ngày 12/10/2018, Hợp đồng số 17/2020/HĐ-ĐT ký ngày 26/06/2020* |
| 154 |  |  | 2.7.02 |  | *Chương trình đào tạo Công nghệ chế tạo máy của ĐH SPKT Vinh* |
| 155 |  |  | 2.7.03 |  | *Báo cáo năng lực liên kết đào tạo đại học hình thức vừa làm vừa học của trường CĐN TP.HCM ngày 10/6/2020* |
| 156 |  |  | 2.7.04 |  | Thông báo tuyển sinh đào tạo liên thông cao đẳng, cao đẳng nghề lên đại học năm 2018, 2019, 2020 |
| 157 |  |  | 2.7.05 |  | *Thông báo tuyển sinh đào tạo liên thông cao đẳng, cao đẳng nghề lên đại học năm 2019, 2020, 2021* |
| 158 |  |  |  | 2.2.01 | *Quyết định số 256/QĐ-CĐN ngày 1/9/2021 ban hành Quy chế tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ Trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế và theo phương thức tích lũy tín chỉ; kiểm tra, xét công nhận tốt nghiệp tại trường Cao đẳng nghề Thành phố Hồ Chí Minh* |
| 159 |  |  |  | 2.2.02 | *Quyết định ban hành Chương trình đào tạo trình độ TC, CĐ, CĐ liên thông số 221/QĐ-CĐN ngày 16/8/2019; Số 271/QĐ-CĐN ngày 16/10/2020; Số 254/QĐ-CĐN ngày 01/9/2021* |
| 160 |  |  |  | 2.2.03 | *Tiến độ đào tạo trình độ CĐ, CĐ liên thông và TC của năm 2019, 2020, 2021* |
| 161 | 3 | 3.1 | 3.1.01 |  | *Danh sách trích ngang đội ngũ nhà giáo giảng dạy nghề Điện công nghiệp năm 2019, 2020, 2021* |
| 162 |  |  | 3.1.02 |  | *Danh sách trích ngang GV mời thỉnh giảng của Trường CĐN TPHCM năm 2019, 2020, 2021* |
| 163 |  |  | 3.1.03 |  | *Danh sách trích ngang CBQL tham gia giảng dạy năm 2019, 2020, 2021* |
| 164 |  |  | 3.1.04 |  | *Danh sách giảng viên, giảng viên dạy mỗi mô đun/ môn học* |
| 165 |  |  |  | 1.2.03 | *Quyết định Ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ Quyết định về việc Ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ năm 2019 số 430/QĐ-CĐN ngày 28/12/2018, Quyết định Ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ năm 2020 số 430/QĐ-CĐN ngày 28/12/2019, năm 2021* |
| 166 |  |  | 3.1.05 |  | *Quyết định số 271/QĐ-CĐN, ngày 14/8/2017 của Trường Cao đẳng nghề TP. Hồ Chí Minh về việc Ban hành Quy định chế độ làm việc của nhà giáo giảng dạy tại Trường Cao đẳng nghề TP. Hồ Chí Minh* |
| 167 |  |  | 3.1.06 |  | *Quyết định ban hành về công tác thi đua, khen thưởng số 03/QĐ-CĐN ngày 3/1/2017, số 66/QĐ-CĐN ngày 12/3/2018, số 399/QĐ-CĐN ngày 31/12/2019* |
| 168 |  |  | 3.1.07 |  | *Bảng điểm xét thi đua hàng tháng của CB-CNV và của nhà giáo năm 2019, 2020, 2021* |
| 169 |  |  | 3.1.08 |  | *Bảng tổng hợp kết quả đánh giá, xếp loại nhà giáo năm 2019, 2020, 2021* |
| 170 |  |  | 3.1.09 |  | *Các Quyết định về việc cử cán bộ, giảng viên tham dự khóa bồi dưỡng* |
| 171 |  |  | 3.1.10 |  | *Báo cáo tổng kết, đánh giá hiệu quả công tác đào tạo, bồi dưỡng đối với đội ngũ nhà giáo số 36/BC-HCTC ngày 28/12/2018, số 89/BC-HCTC ngày 285/12/2019, số , số 238/BC-CĐN ngày 21/12/2020* |
| 172 |  |  | 3.1.11 |  | *Biên bản thanh tra, kiểm tra hoạt động đào tạo năm 2019, 2020, 2021; Biên bản thanh tra, kiểm tra hoạt động của Ban thanh tra nhân dân năm 2019, 2020, 2021* |
| 173 |  |  | 3.1.12 |  | *Báo cáo thanh tra, kiểm tra hoạt động đào tạo năm 2018, 2019, 2020; Báo cáo công tác thanh tra, kiểm tra nhân dân năm 2018, 2019, 2020* |
| 174 |  |  |  | 1.2.06 | *Báo cáo kết quả công tác của phòng, khoa, trung tâm đơn vị trực thuộc trường* |
| 175 |  |  | 3.1.13 | 1.1.19 | Kế hoạch triển khai khảo sát số 75/KH-CĐN ngày 25/6/2019; Kế hoạch triển khai khảo sát số số 75/KH-CĐN ngày 17/6/2020*;* Kế hoạch triển khai công tác khảo sát ý kiến đánh giá chất lượng các KH số 131/KH-CĐN ngày 07/7/2021 |
| 176 |  |  | 3.1.14 | 1.1.20 | Bộ phiếu thu thập ý kiến cán bộ quản lý, viên chức và người lao động; Khảo sát HSSV đang học về chất lượng, hiệu quả các hình thức đào tạo, phương thức đào tạo; Khảo sát HSSV sau khi tốt nghiệp về tình hình việc làm và đánh giá chất lượng, hiệu quả các hình thức đào tạo; Khảo sát Chương trình, giáo trình về chất lượng, hiệu quả các chương trình, giáo trình đào tạo; Khảo sát người học về chất lượng cá Mô đun/Môn học |
| 177 |  |  |  | 1.1.21 | Danh sách thu thập ý kiến cán bộ quản lý, viên chức và người lao động; Khảo sát HSSV đang học về chất lượng, hiệu quả các hình thức đào tạo, phương thức đào tạo; Khảo sát HSSV sau khi tốt nghiệp về tình hình việc làm và đánh giá chất lượng, hiệu quả các hình thức đào tạo; Khảo sát về Chương trình, giáo trình về chất lượng, hiệu quả các chương trình, giáo trình đào tạo; Khảo sát người học vế chất lượng cá Mô đun/Môn học Trường Cao đẳng nghề Thành phố Hồ Chí Minh |
| 178 |  |  |  | 1.1.22 | Bảng tổng hợp thu thập ý kiến cán bộ quản lý, viên chức và người lao động; Khảo sát HSSV đang học về chất lượng, hiệu quả các hình thức đào tạo, phương thức đào tạo; Khảo sát HSSV sau khi tốt nghiệp về tình hình việc làm và đánh giá chất lượng, hiệu quả các hình thức đào tạo; Khảo sát về Chương trình, giáo trình về chất lượng, hiệu quả các chương trình, giáo trình đào tạo; Khảo sát người học vế chất lượng cá Mô đun/Môn học Trường Cao đẳng nghề Thành phố Hồ Chí Minh |
| 179 |  |  |  | 1.1.23 | Báo cáo kết quả thu thập ý kiến cán bộ quản lý, viên chức và người lao động; Khảo sát HSSV đang học về chất lượng, hiệu quả các hình thức đào tạo, phương thức đào tạo; Khảo sát HSSV sau khi tốt nghiệp về tình hình việc làm và đánh giá chất lượng, hiệu quả các hình thức đào tạo; Khảo sát Chương trình, giáo trình về chất lượng, hiệu quả các chương trình, giáo trình đào tạo; Khảo sát người học về chất lượng cá Mô đun/Môn học năm 2020, 2021 (kèm bảng tổng hợp và danh sách khảo sát |
| 180 | 3.2 |  |  | 1.2.03 | *Quyết định Ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ Quyết định về việc Ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ năm 2019 số 430/QĐ-CĐN ngày 28/12/2018, Quyết định Ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ năm 2020 số 430/QĐ-CĐN ngày 28/12/2019, năm 2021* |
| 181 |  |  |  | 3.1.05 | *Quyết định số 271/QĐ-CĐN, ngày 14/8/2017 của Trường Cao đẳng nghề TP. Hồ Chí Minh về việc Ban hành Quy định chế độ làm việc của nhà giáo giảng dạy tại Trường Cao đẳng nghề TP. Hồ Chí Minh* |
| 182 |  |  |  | 3.1.06 | *Quyết định ban hành về công tác thi đua, khen thưởng số 66/QĐ-CĐN ngày 12/3/2018, số 399/QĐ-CĐN ngày 31/12/2019* |
| 183 |  |  |  | 3.1.07 | *Bảng điểm xét thi đua cá nhân hàng tháng ban hành kèm quyết định* |
| 184 |  |  |  | 2.2.04 | *Kế hoạch phân công giảng viên từng học kỳ và Bảng kế hoạch giảng viên điều chỉnh, bổ sung trong năm 2019, 2020, 2021* |
| 185 |  |  |  | 2.2.05 | *Thời khóa biểu theo từng học kỳ năm 2019, 2020, 2021* |
| 186 |  |  |  | 2.2.06 | *Sổ lên lớp năm 2019, 2020, 2021* |
| 187 |  |  |  | 2.2.07 | *Giáo án giảng dạy của giảng viên năm 2019, 2020, 2021* |
| 188 |  |  |  | 2.2.08 | *Sổ tay giảng viên năm 2019, 2020, 2021 (lưu trữ tại khoa)* |
| 189 |  |  | 3.2.01 |  | *Danh sách trích ngang nhà giáo tham gia giảng dạy Khoa Điện - Điện lạnh* |
| 190 |  |  | 3.2.02 |  | *Hồ sơ quản lý nhà giáo Khoa Điện - Điện lạnh* |
| 191 |  |  | 3.2.03 |  | *Bảng tổng hợp giờ thỉnh giảng Khoa Đ-ĐL* |
| 192 |  |  | 3.2.04 |  | *Bảng tổng hợp giờ phụ trội của giảng viên, Danh sách chi tiền phụ trội qua tài khoản cá nhân năm 2019, 2020, 2021* |
| 193 |  |  | 3.2.05 |  | *Hồ sơ công tác dự giờ, kiểm tra chuyên môn của Khoa 2019, 2020, 2021* |
| 194 |  |  | 3.2.06 |  | *Báo cáo hoạt động dự giờ của khoa SP GDNN năm 2019, 2020, 2021* |
| 195 |  |  | 3.2.07 |  | *Danh sách kết quả bình bầu thi đua tháng, quý* |
| 196 |  |  |  | 1.2.06 | Báo cáo kết quả công tác của phòng, khoa, trung tâm đơn vị trực thuộc trường |
| 197 |  |  |  | 1.2.07 | *Quyết định tặng giấy khen cho các tập thể, cá nhân đã có thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua năm học 2018-2019 số 28802/QĐ-SLĐTBXH ngày 30/08/2019; QĐ v/v công nhận tập thể, cá nhân đạt doanh hiệu Lao động tiên tiến năm học 2018-2019 số 233/QĐ-CĐN ngày 23/08/2019 và năm 2020, 2021* |
| 198 |  |  |  | 1.2.08 | *Báo cáo Hội nghị cán bộ CC, VC, NLĐ động năm 2019, 2020, 2021* |
| 199 | 3 | 3.3 |  | 3.1.07 | *Quyết định số 271/QĐ-CĐN, ngày 14/8/2017 của Trường Cao đẳng nghề TP. Hồ Chí Minh về việc Ban hành Quy định chế độ làm việc của nhà giáo giảng dạy tại Trường Cao đẳng nghề TP. Hồ Chí Minh* |
| 200 |  |  |  | 1.2.05 | Quyết định 46/QĐ-CĐN ngày 02/3/2016 ban hành Quy định về lề lối làm việc của CB,GV,CNV trường CĐN TP.HCM |
| 201 |  |  |  | 3.1.02 | *Danh sách trích ngang GV mời thỉnh giảng của Khoa Điện-Điện lạnh Trường CĐN TPHCM năm 2019, 2020, 2021* |
| 202 |  |  |  | 3.1.03 | *Danh sách trích ngang CBQL tham gia giảng dạy năm 2019, 2020, 2021* |
| 203 |  |  |  | 3.1.04 | Danh sách giảng viên, giảng viên dạy mỗi mô đun/ môn học |
| 204 |  |  |  | 3.2.01 | Danh sách trích ngang nhà giáo tham gia giảng dạy Khoa Điện - Điện lạnh |
| 205 |  |  |  | 3.2.02 | Hồ sơ quản lý nhà giáo Khoa Điện - Điện lạnh |
| 206 |  |  |  | 2.2.02 | *Quyết định ban hành Chương trình đào tạo trình độ TC, CĐ, CĐ liên thông số 221/QĐ-CĐN ngày 16/8/2019; Số 271/QĐ-CĐN ngày 16/10/2020; Số 254/QĐ-CĐN ngày 01/9/2021* |
| 207 |  |  |  | 2.2.04 | *Kế hoạch phân công giảng viên từng học kỳ và Bảng kế hoạch giảng viên điều chỉnh, bổ sung trong năm 2019, 2020, 2021* |
| 208 |  |  |  | 2.2.05 | *Thời khóa biểu theo từng học kỳ, năm 2019, 2020, 2021* |
| 209 |  |  |  | 2.1.13 | *Quyết định về việc thành lập các lớp TC, CĐ số 262/QĐ-CĐN ngày 7/9/2018, số 293/QĐ-CĐN ngày 22/10/2019, số 270/QĐ-CĐN ngày 16/10/2020, số 280/QĐ-CĐN ngày 01/10/2021* |
| 210 |  |  | 3.3.01 |  | *Báo cáo số liệu HSSV Quý 4 năm 2019, 2020, 2021* |
| 211 |  |  |  | 3.2.01 | *Bảng tổng hợp giờ thỉnh giảng năm 2019, 2020, 2021* |
| 212 |  |  |  | 3.2.02 | *Bảng tổng hợp giờ phụ trội của giảng viên năm 2019, 2020, 2021, Danh sách chi tiền phụ trội qua tài khoản cá nhân năm 2019, 2020, 2021* |
| 213 |  |  | 3.3.02 |  | *Thống kê số lượng GV quy đổi (Khoa Đ-ĐL)* |
| 214 |  |  | 3.3.03 |  | *Thống kê số lượng HSSV quy đổi (Khoa Đ-ĐL)* |
| 215 | 3 | 3.4 |  | 3.2.01 | *Danh sách trích ngang nhà giáo tham gia giảng dạy Khoa Điện - Điện lạnh* |
| 216 |  |  |  | 3.2.02 | *Hồ sơ quản lý nhà giáo Khoa Điện - Điện lạnh* |
| 217 |  |  | 3.4.01 |  | *Quyết định ban hành Quy định về chế độ, chính sách đối với cán bộ, giảng viên tham gia NCKH số 98A/QĐ-CĐN ngày 3/4/2017, Quyết định ban hành Quy chế về hoạt động NCKH số 08/QĐ-CĐN ngày 15/1/2019* |
| 218 |  |  |  | 1.2.03 | *Quyết định Ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ năm 2019 số 430/QĐ-CĐN ngày 28/12/2018, Quyết định Ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ năm 2020 số 430/QĐ-CĐN ngày 28/12/2019* |
| 219 |  |  |  | 3.1.05 | *Quyết định số 271/QĐ-CĐN, ngày 14/8/2017 của Trường Cao đẳng nghề TP. Hồ Chí Minh về việc Ban hành Quy định chế độ làm việc của nhà giáo giảng dạy tại Trường Cao đẳng nghề TP. Hồ Chí Minh* |
| 220 |  |  |  | 3.1.06 | *Quyết định ban hành về công tác thi đua, khen thưởng số 03/QĐ-CĐN ngày 3/1/2017, số 66/QĐ-CĐN ngày 12/3/2018, số 399/QĐ-CĐN ngày 31/12/2019* |
| 221 |  |  |  | 3.1.07 | *Bảng điểm xét thi đua cá nhân hàng tháng ban hành kèm quyết định* |
| 222 |  |  | 3.4.02 |  | *Thông báo đăng ký đề tài nghiên cứu khoa học năm học 2017-2018 số 01/TB-HTQT&QLKH ngày 5/3/2017, số 06//TB-CĐN ngày 29/1/2018, số 21/TB-CĐN ngày 1/3/2019* |
| 223 |  |  | 3.4.03 |  | *Danh sách đề tài NCKH năm 2018, 2019, 2020* |
| 224 |  |  | 3.4.04 |  | *Quyết định về việc công nhận kết quả đề tài nghiên cứu khoa học cấp trường năm học 2017-2018 số 15/QĐ-CĐN ngày 25/1/2018...Quyết định Công nhận sáng kiến có phạm vi ảnh hưởng cấp sở số 31737/QĐ-SLĐTBXH ngày 26/11/2018, Quyết định công nhận phạm vi ảnh hưởng cấp cơ sở đối với các sáng kiến đã được công nhận tại các đơn vị trực thuộc số 26938/QĐ-SLĐTBXH* |
| 225 |  |  | 3.4.05 |  | *Hồ sơ nghiên cứu khoa học của Khoa Điện – Điện Lạnh năm 2018, 2019, 2020* |
| 226 |  |  | 3.4.06 |  | *Báo cáo về ứng dụng đề tài nghiên cứu khoa học năm 2019, 2020, 2021* |
| 227 |  |  | 3.4.07 |  | *Quyết định v/v tặng giấy khen và khen thưởng các nhóm tác giả đạt thành tích xuất sắc tại Hội thi thiết bị đào tạo tự làm cấp thành phố và toàn quốc lần thứ VI năm 2019 số 279/QĐ-CĐN ngày 8/10/2019 - Danh sách nhóm tác giả đạt thành tích xuất sắc đính kèm; hình ảnh giấy khen đính kèm* |
| 228 | 3 | 3.5 | 3.5.01 |  | *Các Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ viên chức số 62/KH-CĐN ngày 7/5/2019, 2020, 2021* |
| 229 |  |  |  | 3.1.09 | *Các Quyết định về việc cử cán bộ, giảng viên tham dự khóa bồi dưỡng năm 2019, 2020, 2021* |
| 230 |  |  | 3.5.02 |  | *Các chứng chỉ hoàn thành khóa học của giảng viên trong năm 2019, 2020, 2021* |
| 231 |  |  |  | 3.1.10 | *Báo cáo tổng kết, đánh giá hiệu quả công tác đào tạo, bồi dưỡng đối với đội ngũ nhà giáo số 36/BC-HCTC ngày 28/12/2018, số 89/BC-HCTC ngày 285/12/2019, số , số 238/BC-CĐN ngày 21/12/2020, năm 2021* |
| 232 |  |  | 3.5.03 |  | *Danh sách cán bộ, nhà giáo được hỗ trợ kinh phí học tập năm 2019, 2020, 2021* |
| 233 |  |  | 3.5.04 |  | *Phiếu chi hỗ trợ kinh phí học tập* |
| 234 |  |  |  | 1.1.19 | Kế hoạch triển khai khảo sát số 75/KH-CĐN ngày 25/6/2019; Kế hoạch triển khai khảo sát số số 75/KH-CĐN ngày 17/6/2020*;* Kế hoạch triển khai công tác khảo sát ý kiến đánh giá chất lượng các KH số 131/KH-CĐN ngày 07/7/2021 |
| 235 |  |  |  | 1.1.20 | Bộ phiếu thu thập ý kiến cán bộ quản lý, viên chức và người lao động; Khảo sát HSSV đang học về chất lượng, hiệu quả các hình thức đào tạo, phương thức đào tạo; Khảo sát HSSV sau khi tốt nghiệp về tình hình việc làm và đánh giá chất lượng, hiệu quả các hình thức đào tạo; Khảo sát Chương trình, giáo trình về chất lượng, hiệu quả các chương trình, giáo trình đào tạo; Khảo sát người học về chất lượng cá Mô đun/Môn học |
| 236 |  |  |  | 1.1.21 | Danh sách thu thập ý kiến cán bộ quản lý, viên chức và người lao động; Khảo sát HSSV đang học về chất lượng, hiệu quả các hình thức đào tạo, phương thức đào tạo; Khảo sát HSSV sau khi tốt nghiệp về tình hình việc làm và đánh giá chất lượng, hiệu quả các hình thức đào tạo; Khảo sát về Chương trình, giáo trình về chất lượng, hiệu quả các chương trình, giáo trình đào tạo; Khảo sát người học vế chất lượng cá Mô đun/Môn học Trường Cao đẳng nghề Thành phố Hồ Chí Minh |
| 237 | 3 | 3.6 |  | 3.1.05 | *Quyết định số 271/QĐ-CĐN, ngày 14/8/2017 của Trường Cao đẳng nghề TP. Hồ Chí Minh về việc Ban hành Quy định chế độ làm việc của nhà giáo giảng dạy tại Trường Cao đẳng nghề TP. Hồ Chí Minh* |
| 238 |  |  |  | 3.2.01 | *Danh sách trích ngang nhà giáo tham gia giảng dạy Khoa Điện - Điện lạnh* |
| 239 |  |  | 3.6.01 |  | *Các Kế hoạch thực tập nghề nghiệp của nhà giáo tại doanh nghiệp/ cơ quan chuyên môn* |
| 240 |  |  | 3.6.02 |  | *Quyết định cử nhà giáo đi thực tập tại đơn vị sử dụng lao động năm 2018, 2019, 2020* |
| 241 |  |  | 3.6.03 |  | *Báo cáo kết quả thực tập nghề nghiệp tại doanh nghiệp của giảng viên* |
| 242 |  |  | 3.6.04 |  | *Hình ảnh GV đi học tập thực tế tại Doanh nghiệp* |
| 243 |  |  |  | 3.1.10 | *Báo cáo tổng kết, đánh giá hiệu quả công tác đào tạo, bồi dưỡng đối với đội ngũ nhà giáo số 36/BC-HCTC ngày 28/12/2018, số 89/BC-HCTC ngày 285/12/2019, số , số 238/BC-CĐN ngày 21/12/2020* |
| 244 | 3 | 3.7 | 3.7.01 |  | *Danh sách cán bộ, viên chức, người lao động năm 2020* |
| 245 |  |  |  | 3.2.02 | *Hồ sơ cán bộ của Trưởng khoa, nhân viên Khoa Điện - Điện lạnh* |
| 246 |  |  |  | 3.2.01 | *Danh sách trích ngang giáo viên cơ hữu tham gia giảng dạy Khoa Điện - Điện lạnh* |
| 247 | 3 | 3.8 |  | 1.2.06 | *Báo cáo kết quả công tác của phòng, khoa, trung tâm đơn vị trực thuộc trường năm 2019, 2020, 2021* |
| 248 |  |  |  | 1.2.07 | *Quyết định tặng giấy khen cho các tập thể, cá nhân đã có thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua năm học 2018-2019 số 28802/QĐ-SLĐTBXH ngày 30/08/2019; QĐ v/v công nhận tập thể, cá nhân đạt doanh hiệu Lao động tiên tiến năm học 2018-2019 số 233/QĐ-CĐN ngày 23/08/2019* |
| 249 |  |  |  | 1.2.08 | *Báo cáo Hội nghị cán bộ CC, VC, NLĐ động năm 2019; 2020; 2021* |
| 250 |  |  |  | 3.2.07 | *Danh sách kết quả bình bầu thi đua tháng, quý, năm (của K.Đ-ĐL* |
| 251 | 4 | 4.1 |  | 2.1.01 | *Quy chế tuyển sinh kèm quyết định ban hành năm 2019, 2020, 2021* |
| 252 |  |  |  | 2.2.01 | *Quyết định số 256/QĐ-CĐN ngày 1/9/2021 ban hành Quy chế tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ Trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế và theo phương thức tích lũy tín chỉ; kiểm tra, xét công nhận tốt nghiệp tại trường Cao đẳng nghề Thành phố Hồ Chí Minh* |
| 253 |  |  |  | 1.1.07 | *Kế hoạch thực hiện công tác biên soạn, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo và chuẩn đầu ra trình độ TC, CĐ năm 2020; Thông báo về việc xây dựng mới hoặc cập nhật, đánh giá nội dung của CTĐT trình độ TC, liên thông CĐ, CĐ năm 2021; Thông báo thực hiện công tác về CTĐT năm 2021 của trình độ CĐ, liên thông CĐ, TC; Thông báo thực hiện công tác về CTĐT năm 2019 của trình độ CĐ, liên thông CĐ, TC* |
| 254 |  |  |  | 1.1.08 | *Quyết định thành lập ban chủ nhiệm tổ chức biên soạn chương trình đào tạo và chuẩn đầu ra trình độ TC, CĐ năm 2019, 2020, 2021* |
| 255 |  |  |  | 1.1.09 | *Quyết định thành lập hội đồng thẩm định chương trình đào tạo và chuẩn đầu ra trình độ TC, CĐ năm 2019, 2020, 2021* |
| 256 |  |  |  | 1.1.10 | *Các Biên bản họp về hướng dẫn tổ chức biên soạn chương trình đào tạo và chuẩn đầu ra trình độ TC, CĐ năm 2019, 2020, 2021* |
| 257 |  |  |  | 1.1.11 | *Các biên bản họp xây dựng, rà soát, điều chỉnh, xây dựng chương trình khóa 2019, 2020, 2021* |
| 258 |  |  |  | 1.1.12 | *Biên bản họp hội đồng thẩm định chương trình đào tạo và chuẩn đầu ra trình độ TC, CĐ năm 2019, 2020, 2021* |
| 259 |  |  |  | 1.1.13 | *Quyết định ban hành Chương trình đào tạo trình độ TC, CĐ, CĐ liên thông số 221/QĐ-CĐN ngày 16/8/2019; Quyết định ban hành KHĐT trình độ TC,CĐ số 349/QĐ-CĐN ngày 25/10/số ;269/QĐ-CĐN ngày 12/09/2018; Quyết định ban hành KHĐT trình độ TC,CĐ và CĐ liên thông số 222/QĐ-CĐN 16/08/2019, số 271/QĐ-CĐN ngày 16/10/2020; số 254/QĐ-CĐN ngày 01/9/2021* |
| 260 |  |  | 4.1.01 |  | *Các biên bản họp về điều chỉnh CTĐT (tại khoa)* |
| 261 |  |  | 4.1.02 |  | *Biên bản họp về việc điều chỉnh chương trình khóa 19 năm 2019; Biên bản họp về rà soát điều chỉnh, xây dựng chương trình khóa 20 năm 2020, Biên bản họp về rà soát điều chỉnh, xây dựng chương trình khóa 21 năm 2021* |
| 262 |  |  | 4.1.03 |  | *Bộ chương trình đào tạo chi tiết năm 2019, 2020, 2021* |
| 263 | 4 | 4.2 |  | 2.2.01 | *Quyết định Ban hành Quy chế tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ Trung cấp, trình độ Cao đẳng theo niên chế; kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp tại Trường CĐN TP. Hồ Chí Minh số 09/QĐ-CĐN ngày 16/01/2018* |
| 264 |  |  |  | 1.1.07 | *Kế hoạch thực hiện công tác biên soạn, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo và chuẩn đầu ra trình độ TC, CĐ năm 2020; Thông báo về việc xây dựng mới hoặc cập nhật, đánh giá nội dung của CTĐT trình độ TC, liên thông CĐ, CĐ năm 2021; Thông báo thực hiện công tác về CTĐT năm 2021 của trình độ CĐ, liên thông CĐ, TC; Thông báo thực hiện công tác về CTĐT năm 2019 của trình độ CĐ, liên thông CĐ, TC* |
| 265 |  |  |  | 1.1.08 | *Quyết định thành lập ban chủ nhiệm tổ chức biên soạn chương trình đào tạo và chuẩn đầu ra trình độ TC, CĐ năm 2019, 2020, 2021* |
| 266 |  |  |  | 1.1.09 | *Quyết định thành lập hội đồng thẩm định chương trình đào tạo và chuẩn đầu ra trình độ TC, CĐ năm 2019, 2020, 2021* |
| 267 |  |  |  | 1.1.10 | *Các Biên bản họp về hướng dẫn tổ chức biên soạn chương trình đào tạo và chuẩn đầu ra trình độ TC, CĐ năm 2019, 2020, 2021* |
| 268 |  |  |  | 1.1.11 | *Các biên bản họp xây dựng, rà soát, điều chỉnh, xây dựng chương trình khóa 2019, 2020, 2021* |
| 269 |  |  |  | 1.1.12 | *Biên bản họp hội đồng thẩm định chương trình đào tạo và chuẩn đầu ra trình độ TC, CĐ năm 2019, 2020, 2021* |
| 270 |  |  |  | 4.1.01 | *Các biên bản họp về điều chỉnh CTĐT (tại khoa)* |
| 271 |  |  |  | 4.1.02 | *Biên bản họp về việc điều chỉnh chương trình khóa 19 năm 2019; Biên bản họp về rà soát điều chỉnh, xây dựng chương trình khóa 20 năm 2020, Biên bản họp về rà soát điều chỉnh, xây dựng chương trình khóa 21 năm 2021* |
| 272 |  |  |  | 4.1.03 | *Bộ chương trình đào tạo chi tiết năm 2019, 2020, 2021* |
| 273 |  |  |  | 1.1.19 | Kế hoạch triển khai khảo sát số 75/KH-CĐN ngày 25/6/2019; Kế hoạch triển khai khảo sát số số 75/KH-CĐN ngày 17/6/2020*;* Kế hoạch triển khai công tác khảo sát ý kiến đánh giá chất lượng các KH số 131/KH-CĐN ngày 07/7/2021 |
| 274 |  |  |  | 1.1.20 | Bộ phiếu thu thập ý kiến cán bộ quản lý, viên chức và người lao động; Khảo sát HSSV đang học về chất lượng, hiệu quả các hình thức đào tạo, phương thức đào tạo; Khảo sát HSSV sau khi tốt nghiệp về tình hình việc làm và đánh giá chất lượng, hiệu quả các hình thức đào tạo; Khảo sát Chương trình, giáo trình về chất lượng, hiệu quả các chương trình, giáo trình đào tạo; Khảo sát người học về chất lượng cá Mô đun/Môn học |
| 275 |  |  |  | 1.1.21 | Danh sách thu thập ý kiến cán bộ quản lý, viên chức và người lao động; Khảo sát HSSV đang học về chất lượng, hiệu quả các hình thức đào tạo, phương thức đào tạo; Khảo sát HSSV sau khi tốt nghiệp về tình hình việc làm và đánh giá chất lượng, hiệu quả các hình thức đào tạo; Khảo sát về Chương trình, giáo trình về chất lượng, hiệu quả các chương trình, giáo trình đào tạo; Khảo sát người học vế chất lượng cá Mô đun/Môn học Trường Cao đẳng nghề Thành phố Hồ Chí Minh |
| 278 |  |  |  | 1.1.22 | Bảng tổng hợp thu thập ý kiến cán bộ quản lý, viên chức và người lao động; Khảo sát HSSV đang học về chất lượng, hiệu quả các hình thức đào tạo, phương thức đào tạo; Khảo sát HSSV sau khi tốt nghiệp về tình hình việc làm và đánh giá chất lượng, hiệu quả các hình thức đào tạo; Khảo sát về Chương trình, giáo trình về chất lượng, hiệu quả các chương trình, giáo trình đào tạo; Khảo sát người học vế chất lượng cá Mô đun/Môn học Trường Cao đẳng nghề Thành phố Hồ Chí Minh |
| 279 |  |  |  | 1.1.23 | Báo cáo kết quả thu thập ý kiến cán bộ quản lý, viên chức và người lao động; Khảo sát HSSV đang học về chất lượng, hiệu quả các hình thức đào tạo, phương thức đào tạo; Khảo sát HSSV sau khi tốt nghiệp về tình hình việc làm và đánh giá chất lượng, hiệu quả các hình thức đào tạo; Khảo sát Chương trình, giáo trình về chất lượng, hiệu quả các chương trình, giáo trình đào tạo; Khảo sát người học về chất lượng cá Mô đun/Môn học năm 2020, 2021 (kèm bảng tổng hợp và danh sách khảo sát |
|  | 4 | 4.3 | 4.3.01 |  | *Quyết định ban hành chuẩn đầu ra các ngành nghề đào tạo trình độ Trung cấp, cao đẳng (phụ lục 01)* |
|  |  |  |  | 2.2.01 | *Quyết định Ban hành Quy chế tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ Trung cấp, trình độ Cao đẳng theo niên chế; kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp tại Trường CĐN TP. Hồ Chí Minh số 09/QĐ-CĐN ngày 16/01/2018* |
| 281 |  |  |  | 1.1.07 | *Kế hoạch thực hiện công tác biên soạn, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo và chuẩn đầu ra trình độ TC, CĐ năm 2020; Thông báo về việc xây dựng mới hoặc cập nhật, đánh giá nội dung của CTĐT trình độ TC, liên thông CĐ, CĐ năm 2021; Thông báo thực hiện công tác về CTĐT năm 2021 của trình độ CĐ, liên thông CĐ, TC; Thông báo thực hiện công tác về CTĐT năm 2019 của trình độ CĐ, liên thông CĐ, TC* |
| 282 |  |  |  | 1.1.08 | *Quyết định thành lập ban chủ nhiệm tổ chức biên soạn chương trình đào tạo và chuẩn đầu ra trình độ TC, CĐ năm 2019, 2020, 2021* |
| 283 |  |  |  | 1.1.09 | *Quyết định thành lập hội đồng thẩm định chương trình đào tạo và chuẩn đầu ra trình độ TC, CĐ năm 2019, 2020, 2021* |
| 284 |  |  |  | 1.1.10 | *Các Biên bản họp về hướng dẫn tổ chức biên soạn chương trình đào tạo và chuẩn đầu ra trình độ TC, CĐ năm 2019, 2020, 2021* |
| 285 |  |  |  | 1.1.11 | *Các biên bản họp xây dựng, rà soát, điều chỉnh, xây dựng chương trình khóa 2019, 2020, 2021* |
| 286 |  |  |  | 1.1.12 | *Biên bản họp hội đồng thẩm định chương trình đào tạo và chuẩn đầu ra trình độ TC, CĐ năm 2019, 2020, 2021* |
| 287 |  |  |  | 4.1.03 | *Bộ chương trình đào tạo chi tiết năm 2019, 2020, 2021* |
| 288 |  |  |  | 1.1.19 | Kế hoạch triển khai khảo sát số 75/KH-CĐN ngày 25/6/2019; Kế hoạch triển khai khảo sát số số 75/KH-CĐN ngày 17/6/2020*;* Kế hoạch triển khai công tác khảo sát ý kiến đánh giá chất lượng các KH số 131/KH-CĐN ngày 07/7/2021 |
| 289 |  |  |  | 1.1.20 | Bộ phiếu thu thập ý kiến cán bộ quản lý, viên chức và người lao động; Khảo sát HSSV đang học về chất lượng, hiệu quả các hình thức đào tạo, phương thức đào tạo; Khảo sát HSSV sau khi tốt nghiệp về tình hình việc làm và đánh giá chất lượng, hiệu quả các hình thức đào tạo; Khảo sát Chương trình, giáo trình về chất lượng, hiệu quả các chương trình, giáo trình đào tạo; Khảo sát người học về chất lượng cá Mô đun/Môn học |
| 290 |  |  |  | 1.1.21 | Danh sách thu thập ý kiến cán bộ quản lý, viên chức và người lao động; Khảo sát HSSV đang học về chất lượng, hiệu quả các hình thức đào tạo, phương thức đào tạo; Khảo sát HSSV sau khi tốt nghiệp về tình hình việc làm và đánh giá chất lượng, hiệu quả các hình thức đào tạo; Khảo sát về Chương trình, giáo trình về chất lượng, hiệu quả các chương trình, giáo trình đào tạo; Khảo sát người học vế chất lượng cá Mô đun/Môn học Trường Cao đẳng nghề Thành phố Hồ Chí Minh |
| 291 |  |  |  | 1.1.22 | Bảng tổng hợp thu thập ý kiến cán bộ quản lý, viên chức và người lao động; Khảo sát HSSV đang học về chất lượng, hiệu quả các hình thức đào tạo, phương thức đào tạo; Khảo sát HSSV sau khi tốt nghiệp về tình hình việc làm và đánh giá chất lượng, hiệu quả các hình thức đào tạo; Khảo sát về Chương trình, giáo trình về chất lượng, hiệu quả các chương trình, giáo trình đào tạo; Khảo sát người học vế chất lượng cá Mô đun/Môn học Trường Cao đẳng nghề Thành phố Hồ Chí Minh |
| 292 |  |  |  | 1.1.23 | Báo cáo kết quả thu thập ý kiến cán bộ quản lý, viên chức và người lao động; Khảo sát HSSV đang học về chất lượng, hiệu quả các hình thức đào tạo, phương thức đào tạo; Khảo sát HSSV sau khi tốt nghiệp về tình hình việc làm và đánh giá chất lượng, hiệu quả các hình thức đào tạo; Khảo sát Chương trình, giáo trình về chất lượng, hiệu quả các chương trình, giáo trình đào tạo; Khảo sát người học về chất lượng cá Mô đun/Môn học năm 2020, 2021 (kèm bảng tổng hợp và danh sách khảo sát |
| 295 |  | 4 | 4.4 | 2.2.01 | *Quyết định số 256/QĐ-CĐN ngày 1/9/2021 ban hành Quy chế tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ Trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế và theo phương thức tích lũy tín chỉ; kiểm tra, xét công nhận tốt nghiệp tại trường Cao đẳng nghề Thành phố Hồ Chí Minh* |
| 296 |  |  |  | 2.2.02 | *Quyết định ban hành Chương trình đào tạo trình độ TC, CĐ, CĐ liên thông số 221/QĐ-CĐN ngày 16/8/2019; Quyết định ban hành KHĐT trình độ TC,CĐ và CĐ liên thông số 222/QĐ-CĐN 16/08/2019, năm 2020, 2021* |
| 297 |  |  |  | 2.2.03 | *Tiến độ đào tạo trình độ CĐ, CĐ liên thông và TC năm, 2019, 2020, 2021* |
| 298 |  |  |  | 2.2.04 | *Kế hoạch phân công giảng viên từng học kỳ và Bảng kế hoạch giảng viên điều chỉnh, bổ sung trong năm 2019, 2020, 2021* |
| 299 |  |  |  | 2.2.05 | Thời khóa biểu *theo từng học kỳ, năm 2019, 2020, 2021* |
| 300 |  |  |  | 1.1.19 | Kế hoạch triển khai khảo sát số 75/KH-CĐN ngày 25/6/2019; Kế hoạch triển khai khảo sát số số 75/KH-CĐN ngày 17/6/2020*;* Kế hoạch triển khai công tác khảo sát ý kiến đánh giá chất lượng các KH số 131/KH-CĐN ngày 07/7/2021 |
| 301 |  |  |  | 1.1.20 | Bộ phiếu thu thập ý kiến cán bộ quản lý, viên chức và người lao động; Khảo sát HSSV đang học về chất lượng, hiệu quả các hình thức đào tạo, phương thức đào tạo; Khảo sát HSSV sau khi tốt nghiệp về tình hình việc làm và đánh giá chất lượng, hiệu quả các hình thức đào tạo; Khảo sát Chương trình, giáo trình về chất lượng, hiệu quả các chương trình, giáo trình đào tạo; Khảo sát người học về chất lượng cá Mô đun/Môn học |
| 302 |  |  |  | 1.1.21 | Danh sách thu thập ý kiến cán bộ quản lý, viên chức và người lao động; Khảo sát HSSV đang học về chất lượng, hiệu quả các hình thức đào tạo, phương thức đào tạo; Khảo sát HSSV sau khi tốt nghiệp về tình hình việc làm và đánh giá chất lượng, hiệu quả các hình thức đào tạo; Khảo sát về Chương trình, giáo trình về chất lượng, hiệu quả các chương trình, giáo trình đào tạo; Khảo sát người học vế chất lượng cá Mô đun/Môn học Trường Cao đẳng nghề Thành phố Hồ Chí Minh |
| 303 |  |  |  | 1.1.22 | Bảng tổng hợp thu thập ý kiến cán bộ quản lý, viên chức và người lao động; Khảo sát HSSV đang học về chất lượng, hiệu quả các hình thức đào tạo, phương thức đào tạo; Khảo sát HSSV sau khi tốt nghiệp về tình hình việc làm và đánh giá chất lượng, hiệu quả các hình thức đào tạo; Khảo sát về Chương trình, giáo trình về chất lượng, hiệu quả các chương trình, giáo trình đào tạo; Khảo sát người học vế chất lượng cá Mô đun/Môn học Trường Cao đẳng nghề Thành phố Hồ Chí Minh |
| 304 |  |  |  | 1.1.23 | Báo cáo kết quả thu thập ý kiến cán bộ quản lý, viên chức và người lao động; Khảo sát HSSV đang học về chất lượng, hiệu quả các hình thức đào tạo, phương thức đào tạo; Khảo sát HSSV sau khi tốt nghiệp về tình hình việc làm và đánh giá chất lượng, hiệu quả các hình thức đào tạo; Khảo sát Chương trình, giáo trình về chất lượng, hiệu quả các chương trình, giáo trình đào tạo; Khảo sát người học về chất lượng cá Mô đun/Môn học năm 2020, 2021 (kèm bảng tổng hợp và danh sách khảo sát |
| 307 | 4 | 4.5 | 4.5.01 |  | *Biên bản kiểm kê tài sản cố định (Khoa Đ-ĐL)* |
| 308 |  |  | 4.5.02 |  | *CO,CQ giấy chứng nhận xuất xứ và xuất xưởng của các thiết bị* |
| 309 |  |  | 4.5.03 |  | *Biên bản nghiệm thu – Bàn giao thiết bị* |
| 310 |  |  | 4.5.04 |  | *Bảng so sánh danh mục thiết bị đào tạo tối thiểu từ năm 2019, 2020, 2021* |
| 311 |  |  | 4.5.05 |  | *Sơ đồ các khu xưởng, phòng máy* |
| 312 |  |  | 4.5.06 |  | *Bảng vẽ bố trí vị trí đặt máy tại các phòng, xưởng* |
| 313 |  |  | 4.5.07 |  | *Các Biên bản họp về việc góp ý thiết bị đào tạo tại khoa* |
| 314 |  |  |  | 3.7.01 | *Danh sách cán bộ, viên chức, người lao động năm 2021* |
| 315 |  |  |  | 3.2.01 | *Danh sách trích ngang giáo viên cơ hữu tham gia giảng dạy Khoa Điện - Điện lạnh* |
| 316 |  |  |  | 1.1.19 | Kế hoạch triển khai khảo sát số 75/KH-CĐN ngày 25/6/2019; Kế hoạch triển khai khảo sát số số 75/KH-CĐN ngày 17/6/2020*;* Kế hoạch triển khai công tác khảo sát ý kiến đánh giá chất lượng các KH số 131/KH-CĐN ngày 07/7/2021 |
| 317 |  |  |  | 1.1.20 | Bộ phiếu thu thập ý kiến cán bộ quản lý, viên chức và người lao động; Khảo sát HSSV đang học về chất lượng, hiệu quả các hình thức đào tạo, phương thức đào tạo; Khảo sát HSSV sau khi tốt nghiệp về tình hình việc làm và đánh giá chất lượng, hiệu quả các hình thức đào tạo; Khảo sát Chương trình, giáo trình về chất lượng, hiệu quả các chương trình, giáo trình đào tạo; Khảo sát người học về chất lượng cá Mô đun/Môn học; |
| 318 |  |  |  | 1.1.21 | Danh sách thu thập ý kiến cán bộ quản lý, viên chức và người lao động; Khảo sát HSSV đang học về chất lượng, hiệu quả các hình thức đào tạo, phương thức đào tạo; Khảo sát HSSV sau khi tốt nghiệp về tình hình việc làm và đánh giá chất lượng, hiệu quả các hình thức đào tạo; Khảo sát về Chương trình, giáo trình về chất lượng, hiệu quả các chương trình, giáo trình đào tạo; Khảo sát người học vế chất lượng cá Mô đun/Môn học Trường Cao đẳng nghề Thành phố Hồ Chí Minh |
| 319 |  |  |  | 1.1.22 | Bảng tổng hợp thu thập ý kiến cán bộ quản lý, viên chức và người lao động; Khảo sát HSSV đang học về chất lượng, hiệu quả các hình thức đào tạo, phương thức đào tạo; Khảo sát HSSV sau khi tốt nghiệp về tình hình việc làm và đánh giá chất lượng, hiệu quả các hình thức đào tạo; Khảo sát về Chương trình, giáo trình về chất lượng, hiệu quả các chương trình, giáo trình đào tạo; Khảo sát người học vế chất lượng cá Mô đun/Môn học Trường Cao đẳng nghề Thành phố Hồ Chí Minh |
| 320 |  |  |  | 1.1.23 | Báo cáo kết quả thu thập ý kiến cán bộ quản lý, viên chức và người lao động; Khảo sát HSSV đang học về chất lượng, hiệu quả các hình thức đào tạo, phương thức đào tạo; Khảo sát HSSV sau khi tốt nghiệp về tình hình việc làm và đánh giá chất lượng, hiệu quả các hình thức đào tạo; Khảo sát Chương trình, giáo trình về chất lượng, hiệu quả các chương trình, giáo trình đào tạo; Khảo sát người học về chất lượng cá Mô đun/Môn học năm 2020, 2021 (kèm bảng tổng hợp và danh sách khảo sát)*;* |
| 323 | 4 | 4.6 |  | 2.2.01 | *Quyết định Ban hành Quy chế tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ Trung cấp, trình độ Cao đẳng theo niên chế; kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp tại Trường CĐN TP. Hồ Chí Minh số 09/QĐ-CĐN ngày 16/01/2018* |
| 324 |  |  |  | 1.1.07 | *Kế hoạch thực hiện công tác biên soạn, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo và chuẩn đầu ra trình độ TC, CĐ năm 2020; Thông báo về việc xây dựng mới hoặc cập nhật, đánh giá nội dung của CTĐT trình độ TC, liên thông CĐ, CĐ năm 2021; Thông báo thực hiện công tác về CTĐT năm 2021 của trình độ CĐ, liên thông CĐ, TC; Thông báo thực hiện công tác về CTĐT năm 2019 của trình độ CĐ, liên thông CĐ, TC* |
| 325 |  |  |  | 1.1.08 | *Quyết định thành lập ban chủ nhiệm tổ chức biên soạn chương trình đào tạo và chuẩn đầu ra trình độ TC, CĐ năm 2019, 2020, 2021* |
| 326 |  |  |  | 1.1.09 | *Quyết định thành lập hội đồng thẩm định chương trình đào tạo và chuẩn đầu ra trình độ TC, CĐ năm 2019, 2020, 2021* |
| 327 |  |  |  | 1.1.10 | *Các Biên bản họp về hướng dẫn tổ chức biên soạn chương trình đào tạo và chuẩn đầu ra trình độ TC, CĐ năm 2019, 2020, 2021* |
| 328 |  |  |  | 1.1.11 | *Các biên bản họp xây dựng, rà soát, điều chỉnh, xây dựng chương trình khóa 2019, 2020, 2021* |
| 329 |  |  |  | 1.1.12 | *Biên bản họp hội đồng thẩm định chương trình đào tạo và chuẩn đầu ra trình độ TC, CĐ năm 2019, 2020, 2021* |
| 330 |  |  |  | 1.1.13 | *Quyết định ban hành Chương trình đào tạo trình độ TC, CĐ, CĐ liên thông số 221/QĐ-CĐN ngày 16/8/2019; Quyết định ban hành KHĐT trình độ TC,CĐ số 349/QĐ-CĐN ngày 25/10/số ;269/QĐ-CĐN ngày 12/09/2018; Quyết định ban hành KHĐT trình độ TC,CĐ và CĐ liên thông số 222/QĐ-CĐN 16/08/2019, số 271/QĐ-CĐN ngày 16/10/2020; số 254/QĐ-CĐN ngày 01/9/2021* |
| 331 |  |  |  | 4.1.03 | *Bộ chương trình đào tạo chi tiết năm 2019, 2020, 2021* |
| 332 |  |  |  | 1.1.19 | Kế hoạch triển khai khảo sát số 75/KH-CĐN ngày 25/6/2019; Kế hoạch triển khai khảo sát số số 75/KH-CĐN ngày 17/6/2020*;* Kế hoạch triển khai công tác khảo sát ý kiến đánh giá chất lượng các KH số 131/KH-CĐN ngày 07/7/2021 |
| 333 |  |  |  | 1.1.20 | Bộ phiếu thu thập ý kiến cán bộ quản lý, viên chức và người lao động; Khảo sát HSSV đang học về chất lượng, hiệu quả các hình thức đào tạo, phương thức đào tạo; Khảo sát HSSV sau khi tốt nghiệp về tình hình việc làm và đánh giá chất lượng, hiệu quả các hình thức đào tạo; Khảo sát Chương trình, giáo trình về chất lượng, hiệu quả các chương trình, giáo trình đào tạo; Khảo sát người học về chất lượng cá Mô đun/Môn học |
| 334 |  |  |  | 1.1.21 | Danh sách thu thập ý kiến cán bộ quản lý, viên chức và người lao động; Khảo sát HSSV đang học về chất lượng, hiệu quả các hình thức đào tạo, phương thức đào tạo; Khảo sát HSSV sau khi tốt nghiệp về tình hình việc làm và đánh giá chất lượng, hiệu quả các hình thức đào tạo; Khảo sát về Chương trình, giáo trình về chất lượng, hiệu quả các chương trình, giáo trình đào tạo; Khảo sát người học vế chất lượng cá Mô đun/Môn học Trường Cao đẳng nghề Thành phố Hồ Chí Minh |
| 335 |  |  |  | 1.1.22 | Bảng tổng hợp thu thập ý kiến cán bộ quản lý, viên chức và người lao động; Khảo sát HSSV đang học về chất lượng, hiệu quả các hình thức đào tạo, phương thức đào tạo; Khảo sát HSSV sau khi tốt nghiệp về tình hình việc làm và đánh giá chất lượng, hiệu quả các hình thức đào tạo; Khảo sát về Chương trình, giáo trình về chất lượng, hiệu quả các chương trình, giáo trình đào tạo; Khảo sát người học vế chất lượng cá Mô đun/Môn học Trường Cao đẳng nghề Thành phố Hồ Chí Minh |
| 336 |  |  |  | 1.1.23 | Báo cáo kết quả thu thập ý kiến cán bộ quản lý, viên chức và người lao động; Khảo sát HSSV đang học về chất lượng, hiệu quả các hình thức đào tạo, phương thức đào tạo; Khảo sát HSSV sau khi tốt nghiệp về tình hình việc làm và đánh giá chất lượng, hiệu quả các hình thức đào tạo; Khảo sát Chương trình, giáo trình về chất lượng, hiệu quả các chương trình, giáo trình đào tạo; Khảo sát người học về chất lượng cá Mô đun/Môn học năm 2020, 2021 (kèm bảng tổng hợp và danh sách khảo sát) |
| 337 | 4 | 4.7 |  | 1.1.19 | Kế hoạch triển khai khảo sát số 75/KH-CĐN ngày 25/6/2019; Kế hoạch triển khai khảo sát số số 75/KH-CĐN ngày 17/6/2020*;* Kế hoạch triển khai công tác khảo sát ý kiến đánh giá chất lượng các KH số 131/KH-CĐN ngày 07/7/2021 |
| 338 |  |  |  | 1.1.20 | Bộ phiếu thu thập ý kiến cán bộ quản lý, viên chức và người lao động; Khảo sát HSSV đang học về chất lượng, hiệu quả các hình thức đào tạo, phương thức đào tạo; Khảo sát HSSV sau khi tốt nghiệp về tình hình việc làm và đánh giá chất lượng, hiệu quả các hình thức đào tạo; Khảo sát Chương trình, giáo trình về chất lượng, hiệu quả các chương trình, giáo trình đào tạo; Khảo sát người học về chất lượng cá Mô đun/Môn học |
| 339 |  |  |  | 1.1.21 | Danh sách thu thập ý kiến cán bộ quản lý, viên chức và người lao động; Khảo sát HSSV đang học về chất lượng, hiệu quả các hình thức đào tạo, phương thức đào tạo; Khảo sát HSSV sau khi tốt nghiệp về tình hình việc làm và đánh giá chất lượng, hiệu quả các hình thức đào tạo; Khảo sát về Chương trình, giáo trình về chất lượng, hiệu quả các chương trình, giáo trình đào tạo; Khảo sát người học vế chất lượng cá Mô đun/Môn học Trường Cao đẳng nghề Thành phố Hồ Chí Minh |
| 340 |  |  |  | 1.1.22 | Bảng tổng hợp thu thập ý kiến cán bộ quản lý, viên chức và người lao động; Khảo sát HSSV đang học về chất lượng, hiệu quả các hình thức đào tạo, phương thức đào tạo; Khảo sát HSSV sau khi tốt nghiệp về tình hình việc làm và đánh giá chất lượng, hiệu quả các hình thức đào tạo; Khảo sát về Chương trình, giáo trình về chất lượng, hiệu quả các chương trình, giáo trình đào tạo; Khảo sát người học vế chất lượng cá Mô đun/Môn học Trường Cao đẳng nghề Thành phố Hồ Chí Minh |
| 341 |  |  |  | 1.1.23 | Báo cáo kết quả thu thập ý kiến cán bộ quản lý, viên chức và người lao động; Khảo sát HSSV đang học về chất lượng, hiệu quả các hình thức đào tạo, phương thức đào tạo; Khảo sát HSSV sau khi tốt nghiệp về tình hình việc làm và đánh giá chất lượng, hiệu quả các hình thức đào tạo; Khảo sát Chương trình, giáo trình về chất lượng, hiệu quả các chương trình, giáo trình đào tạo; Khảo sát người học về chất lượng cá Mô đun/Môn học năm 2020, 2021 (kèm bảng tổng hợp và danh sách khảo sát |
| 342 |  |  |  | 1.1.07 | *Kế hoạch thực hiện công tác biên soạn, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo và chuẩn đầu ra trình độ TC, CĐ năm 2020; Thông báo về việc xây dựng mới hoặc cập nhật, đánh giá nội dung của CTĐT trình độ TC, liên thông CĐ, CĐ năm 2021; Thông báo thực hiện công tác về CTĐT năm 2021 của trình độ CĐ, liên thông CĐ, TC; Thông báo thực hiện công tác về CTĐT năm 2019 của trình độ CĐ, liên thông CĐ, TC* |
| 343 |  |  |  | 1.1.08 | *Quyết định thành lập ban chủ nhiệm tổ chức biên soạn chương trình đào tạo và chuẩn đầu ra trình độ TC, CĐ năm 2019, 2020, 2021* |
| 344 |  |  |  | 1.1.09 | *Quyết định thành lập hội đồng thẩm định chương trình đào tạo và chuẩn đầu ra trình độ TC, CĐ năm 2019, 2020, 2021* |
| 345 |  |  |  | 1.1.10 | *Các Biên bản họp về hướng dẫn tổ chức biên soạn chương trình đào tạo và chuẩn đầu ra trình độ TC, CĐ năm 2019, 2020, 2021* |
| 346 |  |  |  | 1.1.11 | *Các biên bản họp xây dựng, rà soát, điều chỉnh, xây dựng chương trình khóa 2019, 2020, 2021* |
| 347 |  |  |  | 1.1.12 | *Biên bản họp hội đồng thẩm định chương trình đào tạo và chuẩn đầu ra trình độ TC, CĐ năm 2019, 2020, 2021* |
| 348 |  |  |  | 4.1.03 | *Bộ chương trình đào tạo chi tiết năm 2019, 2020, 2021* |
| 349 | 4 | 4.8 |  | 2.1.01 | *Quy chế tuyển sinh kèm quyết định ban hành năm 2019, 2020, 2021* |
| 350 |  |  |  | 2.7.01 | *Hợp đồng số 01/2018/HĐ-ĐT ký ngày 12/10/2018, Hợp đồng số 17/2020/HĐ-ĐT ký ngày 26/06/2020* |
| 351 |  |  |  | 2.7.02 | *Chương trình đào tạo Điện kỹ thuật của ĐH SPKT Vinh* |
| 352 |  |  |  | 2.7.03 | *Báo cáo năng lực liên kết đào tạo đại học hình thức vừa làm vừa học của trường CĐN TP.HCM ngày 10/6/2020* |
| 353 |  |  |  | 2.7.04 | *Thông báo tuyển sinh đào tạo liên thông cao đẳng, cao đẳng nghề lên đại học năm 2019, 2020, 2021* |
| 354 |  |  |  | 2.7.05 | *Các Quyết định trúng tuyển năm 2019, 2020, 2021* |
| 355 |  |  |  | 2.2.01 | *Quyết định số 256/QĐ-CĐN ngày 1/9/2021 ban hành Quy chế tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ Trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế và theo phương thức tích lũy tín chỉ; kiểm tra, xét công nhận tốt nghiệp tại trường Cao đẳng nghề Thành phố Hồ Chí Minh* |
| 356 |  |  |  | 2.2.02 | *Quyết định ban hành Chương trình đào tạo trình độ TC, CĐ, CĐ liên thông số 221/QĐ-CĐN ngày 16/8/2019; Quyết định ban hành KHĐT trình độ TC,CĐ và CĐ liên thông số 222/QĐ-CĐN 16/08/2019, năm 2020, 2021* |
| 357 |  |  |  | 2.3.01 | *Kế hoạch về việc triển khai hoạt động năm số 128/KH-CĐN ngày 28/12/2018, 185/KH-CĐN ngày 31/12/2019, năm 2020, 2021* |
| 358 | 4 | 4.9 |  | 1.1.13 | *Quyết định ban hành Chương trình đào tạo trình độ TC, CĐ, CĐ liên thông số 221/QĐ-CĐN ngày 16/8/2019; Quyết định ban hành KHĐT trình độ TC,CĐ số 349/QĐ-CĐN ngày 25/10/số ;269/QĐ-CĐN ngày 12/09/2018; Quyết định ban hành KHĐT trình độ TC,CĐ và CĐ liên thông số 222/QĐ-CĐN 16/08/2019, số 271/QĐ-CĐN ngày 16/10/2020; số 254/QĐ-CĐN ngày 01/9/2021* |
| 359 |  |  |  | 4.1.03 | *Bộ chương trình đào tạo chi tiết năm 2019, 2020, 2021* |
| 360 |  |  | 4.9.01 |  | *Tổng hợp danh mục giáo trình* |
| 361 |  |  | 4.9.02 |  | *Các Quyết định Ban hành giáo trình* |
| 362 |  |  | 4.9.03 |  | *Bản in giáo trình đào tạo nghề ĐCN* |
| 363 |  |  | 4.9.04 |  | *Bảng thống kê Giáo trình đào tạo thay đổi hằng năm* |
| 364 | 4 | 4.10 |  | 1.1.13 | *Quyết định ban hành Chương trình đào tạo trình độ TC, CĐ, CĐ liên thông số 221/QĐ-CĐN ngày 16/8/2019; Quyết định ban hành KHĐT trình độ TC,CĐ số 349/QĐ-CĐN ngày 25/10/2019; số 269/QĐ-CĐN ngày 12/09/2018; Quyết định ban hành KHĐT trình độ TC,CĐ và CĐ liên thông số 222/QĐ-CĐN 16/08/2019, số 271/QĐ-CĐN ngày 16/10/2020; số 254/QĐ-CĐN ngày 01/9/2021* |
| 365 |  |  |  | 4.3.01 | *Quyết định ban hành chuẩn đầu ra các ngành nghề đào tạo trình độ Trung cấp, cao đẳng (phụ lục 01)* |
| 366 |  |  |  | 4.9.01 | *Tổng hợp danh mục giáo trình* |
| 367 |  |  |  | 4.9.02 | *Các Quyết định Ban hành giáo trình* |
| 367 |  |  |  | 4.9.03 | *Bản in giáo trình đào tạo nghề ĐCN)* |
| 369 |  |  | 4.10.01 |  | *Kế hoạch tổ chức rà soát biên soạn và bổ sung giáo trình năm 2019, 2020, 2021* |
| 370 |  |  | 4.10.02 |  | *Quyết định ban hành Qui định về tổ chức biên soạn, lựa chọn và thẩm định giáo trình đào tạo của Trường Cao đẳng nghề TP. HCM số 188/QĐ-CĐN ngày 16/7/2018* |
| 371 |  |  | 4.10.03 |  | *Kế hoạch rà soát và bổ sung giáo trình nghề ĐCN năm 2019, 2020, 2021* |
| 372 |  |  | 4.10.04 |  | *Quyết định số 148/QĐ-CĐN ngày 21/5/2018 về việc thành lập Tiểu ban biên soạn giáo trình đào tạo nghề trình độ cao đẳng, QĐ số 168/QĐ-CĐN ngày 28/6/2019 về việc thành lập Ban biên soạn giáo trình đào tạo nghề ĐCN trình độ cao đẳng* |
| 373 |  |  | 4.10.05 |  | *Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định giáo trình đào tạo nghề trình độ cao đẳng năm 2019, 2020, 2021 (KTML&ĐHKK)* |
| 374 |  |  | 4.10.06 |  | *Các biên bản họp Hội đồng thẩm định Giáo trình đào tạo các nghề trình độ cao đẳng năm 2019, 2020, 2021* |
| 375 |  |  |  | 4.9.04 | *Bảng thống kê Giáo trình đào tạo thay đổi hằng năm* |
| 376 | 4 | 4.11 |  | 4.9.01 | *Tổng hợp danh mục giáo trình* |
| 377 |  |  |  | 4.9.02 | *Các Quyết định Ban hành giáo trình* |
| 378 |  |  |  | 4.9.03 | *Bản in giáo trình đào tạo nghề ĐCN)* |
| 379 |  |  |  | 3.6.01 | *Các Kế hoạch thực tập nghề nghiệp của nhà giáo tại doanh nghiệp/ cơ quan chuyên môn* |
| 380 |  |  |  | 3.6.02 | *Báo cáo kết quả thực tập nghề nghiệp tại doanh nghiệp của giảng viên* |
| 381 | 4 | 4.12 |  | 4.9.02 | *Các Quyết định Ban hành giáo trình* |
| 382 |  |  |  | 4.9.03 | *Bản in giáo trình đào tạo nghề ĐCN* |
| 383 |  |  |  | 4.9.04 | *Bảng thống kê Giáo trình đào tạo thay đổi hằng năm* |
| 384 |  |  |  | 3.6.01 | *Các Kế hoạch thực tập nghề nghiệp của nhà giáo tại doanh nghiệp/ cơ quan chuyên môn* |
| 385 |  |  |  | 3.6.02 | *Báo cáo kết quả thực tập nghề nghiệp tại doanh nghiệp của giảng viên* |
| 386 |  |  |  | 1.1.19 | Kế hoạch triển khai khảo sát số 75/KH-CĐN ngày 25/6/2019; Kế hoạch triển khai khảo sát số số 75/KH-CĐN ngày 17/6/2020*;* Kế hoạch triển khai công tác khảo sát ý kiến đánh giá chất lượng các KH số 131/KH-CĐN ngày 07/7/2021 |
| 387 |  |  |  | 1.1.20 | Bộ phiếu thu thập ý kiến cán bộ quản lý, viên chức và người lao động; Khảo sát HSSV đang học về chất lượng, hiệu quả các hình thức đào tạo, phương thức đào tạo; Khảo sát HSSV sau khi tốt nghiệp về tình hình việc làm và đánh giá chất lượng, hiệu quả các hình thức đào tạo; Khảo sát Chương trình, giáo trình về chất lượng, hiệu quả các chương trình, giáo trình đào tạo; Khảo sát người học về chất lượng cá Mô đun/Môn học |
| 388 |  |  |  | 1.1.21 | Danh sách thu thập ý kiến cán bộ quản lý, viên chức và người lao động; Khảo sát HSSV đang học về chất lượng, hiệu quả các hình thức đào tạo, phương thức đào tạo; Khảo sát HSSV sau khi tốt nghiệp về tình hình việc làm và đánh giá chất lượng, hiệu quả các hình thức đào tạo; Khảo sát về Chương trình, giáo trình về chất lượng, hiệu quả các chương trình, giáo trình đào tạo; Khảo sát người học vế chất lượng cá Mô đun/Môn học Trường Cao đẳng nghề Thành phố Hồ Chí Minh |
| 389 |  |  |  | 1.1.22 | Bảng tổng hợp thu thập ý kiến cán bộ quản lý, viên chức và người lao động; Khảo sát HSSV đang học về chất lượng, hiệu quả các hình thức đào tạo, phương thức đào tạo; Khảo sát HSSV sau khi tốt nghiệp về tình hình việc làm và đánh giá chất lượng, hiệu quả các hình thức đào tạo; Khảo sát về Chương trình, giáo trình về chất lượng, hiệu quả các chương trình, giáo trình đào tạo; Khảo sát người học vế chất lượng cá Mô đun/Môn học Trường Cao đẳng nghề Thành phố Hồ Chí Minh |
| 390 |  |  |  | 1.1.23 | Báo cáo kết quả thu thập ý kiến cán bộ quản lý, viên chức và người lao động; Khảo sát HSSV đang học về chất lượng, hiệu quả các hình thức đào tạo, phương thức đào tạo; Khảo sát HSSV sau khi tốt nghiệp về tình hình việc làm và đánh giá chất lượng, hiệu quả các hình thức đào tạo; Khảo sát Chương trình, giáo trình về chất lượng, hiệu quả các chương trình, giáo trình đào tạo; Khảo sát người học về chất lượng cá Mô đun/Môn học năm 2020, 2021 (kèm bảng tổng hợp và danh sách khảo sát)*.* |
| 391 | 5 | 5.1 | 5.1.01 |  | *Quyết định phê duyệt thiết kế thi công và dự toán số 239/SXD-GD-QĐ ngày 24/7/2002; Quyết định phê duyệt dự án trường CĐN TPHCM cơ sở 2 số 15/QĐ-SXD-TĐDA ngày 2/2/2016; Quyết định về việc phê duyệt bản vẽ thi công và dự toán xây dựng công trình trường CĐN TPHCM cơ sở 2 số 1357/QĐ-SXD-GD-KTXD ngày 8/9/2017* |
| 392 |  |  | 5.1.02 |  | *Hồ sơ hoàn công* |
| 393 |  |  | 5.1.03 |  | *Báo cáo về tình hình quản lý và sử dụng đất năm 20219, 2020, 2021; Báo cáo hiện trạng sử dụng và quản lý đất năm 2019, 2020, 2021* |
| 394 |  |  | 5.1.04 |  | *Bảng thống kê số liệu về diện tích khu đất toàn trường, diện tích các công trình xây dựng của Trường* |
| 395 |  |  | 5.1.05 |  | *Bảng thống kê diện tích cây xanh)* |
| 396 |  |  |  | 3.3.02 | *Thống kê số lượng GV quy đổi (Khoa ĐĐL)* |
| 397 |  |  |  | 3.3.03 | *Thống kê số lượng HSSV quy đổi (Khoa ĐĐL)* |
| 398 |  |  | 5.1.06 |  | *Nội quy xưởng, Phòng máy; Sơ đồ bố trí thiết bị tại các xưởng thực hành, phòng học chuyên môn hóa* |
| 399 |  |  | 5.1.07 |  | *Quyết định ban hành Qui định về quản lý và bảo trì, bào dưỡng thiết bị, cơ sở vật chất và hạ tầng kỹ thuật, số 344/QĐ-CĐN ngày 30/12/2016* |
| 400 |  |  | 5.1.08 |  | *Kế hoạch sửa chữa, bảo dưỡng máy móc thiết bị của Khoa năm 2019,2020, 2021* |
| 401 |  |  | 5.1.09 |  | *Danh mục thiết bị đào tạo tại các phòng học, xưởng thực hành, phòng Vi tính học chuyên môn* |
| 402 |  |  | 5.1.10 |  | *Sổ lý lịch máy* |
| 403 |  |  | 5.1.11 |  | *Báo cáo tình hình bảo trì, bảo dưỡng máy móc thiết bị, cơ sở vật chất và cấp phát vật tư, thiết bị năm 2019, 2020, 2021* |
| 404 |  |  | 5.1.12 |  | *Hợp đồng kinh tế số: 240/HĐKT/LPT-CĐN (phòng cháy chữa cháy) và biên bản nghiệm thu 215/BBNT/LPT ngày 26/12/2018; Giấy chứng nhận bảo hiểm cháy nổ, rủi ro bắt buộc số 1559/18/HD-1063/12-KĐ ngày 18/09/2018, Biên bản nghiệm thu số 168/BBNT/CĐN; Hợp đồng giao khoáng số 137/HĐGK-CĐN; Biên bản kiểm tra công tác phòng cháy và chữa cháy).* |
| 405 |  |  | 5.1.13 |  | *Hình Máy cung cấp nước uống nóng - lạnh* |
| 406 |  |  | 5.1.14 |  | *Sơ đồ mặt bằng cấp điện, cấp thoát nước;* *Sơ đồ hệ thống cấp thoát nước cho các xưởng thực hành* |
| 407 |  |  | 5.1.15 |  | *Báo cáo tình hình quản lý hệ thống hạ tầng kỹ thuật măm 2019, 2020, 2021* |
| 408 |  |  | 5.1.16 |  | *Danh sách đội ngũ nhân viên vệ sinh; Biên bản phân công công việc; Kế hoạch thực hiện và kiểm tra* |
| 409 |  |  | 5.1.17 |  | *Hợp đồng cung cấp nước, bản vẽ hệ thống thoát nước và cấp nước toàn trường, hóa đơn tiền nước tháng* |
| 410 |  |  | 5.1.18 |  | *Sơ đồ hệ thống thu gom rác và phế liệu, chất thải của toàn trường* |
| 411 |  |  | 5.1.19 |  | *Hợp đồng thu gom rác sinh hoạt số: 109/TĐ-MT/HĐPVS/201* |
| 412 |  |  | 5.1.20 |  | *Hồ sơ lắp đặt trạm biến áp; Hồ sơ máy phát điện; hợp đồng mua bán điện, hóa đơn thanh toán tiền điện* |
| 413 |  |  | 5.1.21 |  | *Báo cáo tình hình cung cấp điện và nước sinh hoạt năm 2019; 2020, 2021* |
| 414 |  | 5.2 |  | 1.3.11 | *Hợp đồng kinh tế: số 112/HĐ/CĐN-TA. (Hồ sơ lưu trữ tại phòng TCKT* |
| 415 |  |  |  | 4.5.04 | *Bảng so sánh danh mục thiết bị đào tạo tối thiểu từ năm 2017 đến 2020 (riêng năm 2020, đối chiếu DM TBĐT tối thiểu theo TT27 năm 2019)* |
| 416 |  |  |  | 4.5.01 | *Biên bản kiểm kê tài sản cố định (Khoa ĐĐL)* |
| 417 |  |  | 5.2.01 |  | *Biên bản kiểm kê Công cụ dụng cụ năm 2019,2020, 2021 (K.ĐĐL)* |
| 418 |  |  |  | 4.5.02 | *CO,CQ giấy chứng nhận xuất xứ và xuất xưởng của các thiết bị* |
| 419 |  |  |  | 4.5.03 | *Biên bản nghiệm thu – Bàn giao thiết bị* |
| 420 |  |  |  | 5.1.07 | *Quyết định ban hành Qui định về quản lý và bảo trì, bào dưỡng thiết bị, cơ sở vật chất và hạ tầng kỹ thuật, số 344/QĐ-CĐN ngày 30/12/2016* |
| 421 |  |  |  | 5.1.08 | *Kế hoạch sửa chữa, bảo dưỡng máy móc thiết bị các Khoa năm 2019, 2020, 2021* |
| 422 |  |  |  | 5.1.09 | *Danh mục thiết bị đào tạo tại các phòng, xưởng thực hành, phòng Vi tính học chuyên môn* |
| 423 |  |  |  | 5.1.10 | *Sổ lý lịch máy* |
| 424 |  |  |  | 5.1.11 | *Báo cáo tình hình bảo trì, bảo dưỡng máy móc thiết bị, cơ sở vật chất và cấp phát vật tư, thiết bị năm 2019, 2020, 2021* |
| 425 |  |  | 5.2.02 |  | *Báo cáo tình hình bảo trì, bảo dưỡng máy móc thiết bị, cơ sở vật chất và cấp phát vật tư, thiết bị (tại K.ĐĐL)* |
| 426 |  |  | 5.2.03 |  | *Biên bản nghiệm thu - Bàn giao đưa công trình vào sử dụng số 03/BBNT/CĐN-PCE* |
| 427 |  |  |  | 4.5.07 | *Các Biên bản họp về việc góp ý thiết bị đào tạo tại khoa* |
| 428 |  | 5.3 |  | 4.5.01 | *Biên bản kiểm kê tài sản cố định (Khoa ĐĐL)* |
| 429 |  |  |  | 4.5.02 | *CO,CQ giấy chứng nhận xuất xứ và xuất xưởng của các thiết bị* |
| 430 |  |  |  | 4.5.04 | *Bảng so sánh danh mục thiết bị đào tạo tối thiểu từ năm 2017 đến 2020 (riêng năm 2020, đối chiếu DM TBĐT tối thiểu theo TT27 năm 2019)* |
| 431 |  |  |  | 5.1.06 | *Nội quy xưởng, Phòng máy; Sơ đồ bố trí thiết bị tại các xưởng thực hành, phòng học chuyên môn hóa* |
| 432 |  |  |  | 5.1.07 | *Quyết định ban hành Qui định về quản lý và bảo trì, bào dưỡng thiết bị, cơ sở vật chất và hạ tầng kỹ thuật, số 344/QĐ-CĐN ngày 30/12/2016* |
| 433 |  |  |  | 5.1.08 | *Kế hoạch sửa chữa, bảo dưỡng máy móc thiết bị của Khoa 2018,2019,2020* |
| 434 |  |  |  | 5.1.09 | *Danh mục thiết bị đào tạo tại các phòng, xưởng thực hành, phòng Vi tính học chuyên môn* |
| 435 |  |  |  | 5.1.10 | Sổ lý lịch máy |
| 436 |  |  | 5.3.01 |  | *Sổ quản lý TSCĐ của khoa* |
| 437 |  |  | 5.3.02 |  | *Sổ quản lý DCLB của khoa* |
| 438 |  |  |  | 5.1.11 | *Báo cáo tình hình bảo trì, bảo dưỡng máy móc thiết bị, cơ sở vật chất và cấp phát vật tư, thiết bị năm 2019, 2020, 2021* |
| 439 |  |  |  | 1.1.07 | *Quyết định ban hành Mục tiêu, Sứ mạng, Tầm nhìn của Trường CĐN TPHCM số: 279/QĐ-CĐN ngày 27/9/2018, Quyết định về việc ban hành quy trình của BGH và các đơn vi thuộc trường Cao đẳng nghề TP.HCM số: 340/QĐ-CĐN ngày 9/11/2018* |
| 440 |  |  | 5.3.03 |  | *Quyết định số 162A/QĐ-CĐN ngày 7/9/2018 ban hành Quy định quản lý, sử dụng tài sản công của Trường CĐN TP.HCM* |
| 441 |  |  | 5.3.04 |  | *Danh sách HSSV đang theo học Quý 2 năm 2019, 2020, 2021* |
| 442 |  |  |  | 2.2.05 | *Thời khóa biểu* *theo từng học kỳ, năm 2019, 2020, 2021* |
| 443 |  |  | 5.3.05 |  | *Kế hoạch đào tạo, tiến độ đào tạo theo từng học kỳ, năm 2019, 202, 2021* |
| 444 |  |  | 5.3.06 |  | *Kế hoạch giáo viên, lịch giảng dạy năm 2019, 2020, 2021* |
| 445 |  |  | 5.3.07 |  | *Thời khóa biểu theo từng học kỳ, năm 2019, 2020, 2021* |
| 446 |  |  |  | 1.1.19 | Kế hoạch triển khai khảo sát số 75/KH-CĐN ngày 25/6/2019; Kế hoạch triển khai khảo sát số 75/KH-CĐN ngày 17/6/2020*;* Kế hoạch triển khai công tác khảo sát ý kiến đánh giá chất lượng các KH số 131/KH-CĐN ngày 07/7/2021 |
| 447 |  |  |  | 1.1.20 | Bộ phiếu thu thập ý kiến cán bộ quản lý, viên chức và người lao động; Khảo sát HSSV đang học về chất lượng, hiệu quả các hình thức đào tạo, phương thức đào tạo; Khảo sát HSSV sau khi tốt nghiệp về tình hình việc làm và đánh giá chất lượng, hiệu quả các hình thức đào tạo; Khảo sát Chương trình, giáo trình về chất lượng, hiệu quả các chương trình, giáo trình đào tạo; Khảo sát người học về chất lượng cá Mô đun/Môn học |
| 448 |  |  |  | 1.1.21 | Danh sách thu thập ý kiến cán bộ quản lý, viên chức và người lao động; Khảo sát HSSV đang học về chất lượng, hiệu quả các hình thức đào tạo, phương thức đào tạo; Khảo sát HSSV sau khi tốt nghiệp về tình hình việc làm và đánh giá chất lượng, hiệu quả các hình thức đào tạo; Khảo sát về Chương trình, giáo trình về chất lượng, hiệu quả các chương trình, giáo trình đào tạo; Khảo sát người học vế chất lượng cá Mô đun/Môn học Trường Cao đẳng nghề Thành phố Hồ Chí Minh |
| 459 |  |  |  | 1.1.22 | Bảng tổng hợp thu thập ý kiến cán bộ quản lý, viên chức và người lao động; Khảo sát HSSV đang học về chất lượng, hiệu quả các hình thức đào tạo, phương thức đào tạo; Khảo sát HSSV sau khi tốt nghiệp về tình hình việc làm và đánh giá chất lượng, hiệu quả các hình thức đào tạo; Khảo sát về Chương trình, giáo trình về chất lượng, hiệu quả các chương trình, giáo trình đào tạo; Khảo sát người học vế chất lượng cá Mô đun/Môn học Trường Cao đẳng nghề Thành phố Hồ Chí Minh |
| 460 |  |  |  | 1.1.23 | Báo cáo kết quả thu thập ý kiến cán bộ quản lý, viên chức và người lao động; Khảo sát HSSV đang học về chất lượng, hiệu quả các hình thức đào tạo, phương thức đào tạo; Khảo sát HSSV sau khi tốt nghiệp về tình hình việc làm và đánh giá chất lượng, hiệu quả các hình thức đào tạo; Khảo sát Chương trình, giáo trình về chất lượng, hiệu quả các chương trình, giáo trình đào tạo; Khảo sát người học về chất lượng cá Mô đun/Môn học năm 2020, 2021 (kèm bảng tổng hợp và danh sách khảo sát |
| 461 |  | 5.4 |  | 5.1.01 | *Quyết định phê duyệt thiết kế thi công và dự toán số 239/SXD-GD-QĐ ngày 24/7/2002; Quyết định phê duyệt dự án trường CĐN TPHCM cơ sở 2 số 15/QĐ-SXD-TĐDA ngày 2/2/2016; Quyết định về việc phê duyệt bản vẽ thi công và dự toán xây dựng công trình trường CĐN TPHCM cơ sở 2 số 1357/QĐ-SXD-GD-KTXD ngày 8/9/2017;* |
| 462 |  |  |  | 5.1.02 | *Hồ sơ hoàn công* |
| 463 |  |  |  | 4.5.01 | Biên bản kiểm kê tài sản cố định (Khoa ĐĐL) |
| 464 |  |  |  | 4.5.02 | CO,CQ giấy chứng nhận xuất xứ và xuất xưởng của các thiết bị |
| 465 |  |  |  | 5.1.07 | Quyết định ban hành Qui định về quản lý và bảo trì, bào dưỡng thiết bị, cơ sở vật chất và hạ tầng kỹ thuật, số 344/QĐ-CĐN ngày 30/12/2016 |
| 466 |  |  |  | 5.1.08 | *Kế hoạch sửa chữa, bảo dưỡng máy móc thiết bị của Khoa năm 2019, 2020, 2021* |
| 467 |  |  |  | 5.1.09 | *Danh mục thiết bị đào tạo tại các phòng, xưởng thực hành, phòng Vi tính học chuyên môn* |
| 468 |  |  |  | 5.1.10 | Sổ lý lịch máy |
| 469 |  |  |  | 5.1.11 | *Báo cáo tình hình bảo trì, bảo dưỡng máy móc thiết bị, cơ sở vật chất và cấp phát vật tư, thiết năm 2019, 2020, 2021* |
| 470 |  |  | 5.4.01 |  | Sơ đồ bố trí xưởng |
| 471 |  |  | 5.4.02 |  | Hình ảnh các xưởng thực hành |
| 472 |  |  |  | 5.1.06 | Nội quy xưởng, Phòng máy; Sơ đồ bố trí thiết bị tại các xưởng thực hành, phòng học chuyên môn hóa |
| 473 |  |  | 5.4.03 |  | Bảng hướng dẫn vận hành máy |
| 474 |  |  |  | 5.1.09 | Danh mục thiết bị đào tạo tại các phòng học lý thuyết, xưởng thực hành, phòng Vi tính học chuyên môn |
| 475 |  | 5.5 | 5.5.01 |  | *Quyết định về việc ban hành quy trình mua sắm và thanh toán hoạt động chi thường xuyên của trường CĐN TPHCM ngày 370/QĐ-CĐN ngày 27/11/2018 (hồ sơ chứng từ kèm theo)* |
| 476 |  |  |  | 4.5.03 | Biên bản nghiệm thu – Bàn giao thiết bị |
| 477 |  |  | 5.5.02 |  | Biên bản giao nhận vật tư; văn phòng phẩm (QTTB) |
| 475 |  |  | 5.5.03 |  | *Giấy Đề xuất vật tư thực hành các lớp Điện công nghiệp năm 2019,2020, 2021* |
| 476 |  |  | 5.5.04 |  | Sổ giao nhận vật tư (của khoa) |
| 477 |  |  | 5.5.05 |  | *Quyết định thành lập Ban xây dựng định mức tiêu hao vật tư năm 2018, kèm các biên bản họp xây dựng định mức tiêu hao vật tư* |
| 478 |  |  | 5.5.06 |  | Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định định mức tiêu hao vật tư |
| 479 |  |  | 5.5.07 |  | Biên bản họp hội đồng thẩm định Định mức tiêu hao vật tư |
| 480 |  |  | 5.5.08 |  | Quyết định ban hành định mức tiêu hao vật tư kèm các phụ lục |
| 481 |  |  | 5.5.09 |  | Quyết định thành lập Ban rà soát, điều chỉnh định mức kinh tế kỹ thuật năm 2020 |
| 482 |  |  | 5.5.10 |  | Các Biên bản họp Ban rà soát điều chỉnh Định mức Kinh tế kỹ thuật |
| 483 |  |  | 5.5.11 |  | Quyết định ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật kèm các phụ lục |
| 484 |  |  |  | 1.1.07 | Quyết định ban hành Mục tiêu, Sứ mạng, Tầm nhìn của Trường CĐN TPHCM số: 279/QĐ-CĐN ngày 27/9/2018, Quyết định về việc ban hành quy trình của BGH và các đơn vi thuộc trường Cao đẳng nghề TP.HCM số: 340/QĐ-CĐN ngày 9/11/2018 |
| 485 |  | 5.6 |  | 5.1.01 | *Quyết định phê duyệt thiết kế thi công và dự toán số 239/SXD-GD-QĐ ngày 24/7/2002; Quyết định phê duyệt dự án trường CĐN TPHCM cơ sở 2 số 15/QĐ-SXD-TĐDA ngày 2/2/2016; Quyết định về việc phê duyệt bản vẽ thi công và dự toán xây dựng công trình trường CĐN TPHCM cơ sở 2 số 1357/QĐ-SXD-GD-KTXD ngày 8/9/2017* |
| 486 |  |  |  | 5.1.02 | Hồ sơ hoàn công |
| 487 |  |  |  | 5.1.03 | *Báo cáo về tình hình quản lý và sử dụng đất số 05/BC-QTTB ngày 10/10/2017; Báo cáo hiện trạng sử dụng và quản lý đất số 11/BC-QTTB ngày 05/11/2018, số 04/BC-QTTB ngày 03/11/2019* |
| 488 |  |  | 5.6.01 |  | Sơ đồ bố trí thư viện; Vị trí phòng thư viện |
| 489 |  |  |  | 4.9.01 | Tổng hợp danh mục giáo trình |
| 490 |  |  |  | 4.9.02 | Các Quyết định Ban hành giáo trình |
| 491 |  |  |  | 4.9.03 | *Bản in giáo trình đào tạo nghề ĐCN* |
| 492 |  |  |  | 4.9.04 | Bảng thống kê Giáo trình đào tạo thay đổi hằng năm |
| 494 |  |  | 5.6.02 |  | *Kế hoạch hoạt động thư viện năm 2019, 2020, 2021* |
| 495 |  |  | 5.6.03 |  | Danh mục giáo trình, tài liệu tham khảo được số hóa |
| 496 |  |  | 5.6.04 |  | *Kế hoạch mua bổ sung sách và giáo trình năm 2019, 2020, 2021* |
| 497 |  |  | 5.6.05 |  | *Thông báo về bổ sung sách, tài liệu tham khảo năm 2019, 2020, 2021* |
| 498 |  |  |  | 5.3.04 | *Danh sách HSSV đang theo học Quý 2 năm 2019, 2020, 2021* |
| 499 |  |  |  | 3.3.02 | Thống kê số lượng GV quy đổi (Khoa ĐĐL) |
| 500 |  |  |  | 3.3.03 | Thống kê số lượng HSSV quy đổi (Khoa ĐĐL) |
| 501 |  |  | 5.6.06 |  | *Quyết định ban hành Nội quy thư viện của Trường CĐN TPHCM sô 431/QĐ-CĐN ngày 30/12/2017; Quyết định ban hành Nội quy phòng máy của thư viện Trường CĐN TPHCM sô 432//QĐ-CĐN ngày 30/12/2017* |
| 502 |  |  | 5.6.07 |  | Sổ mượn sách, tài liệu, giáo trình của GV |
| 503 |  |  | 5.6.08 |  | *Báo cáo về hoạt động thư viện năm 2019, 2020, 2021* |
| 504 |  |  | 5.6.09 |  | *Báo cáo về cán bộ, giảng viên, công nhân viên và học sinh - sinh viên đến thư viện tra cứu tài liệu - truy cập dữ liệu năm 2019, 2020, 2021* |
| 505 |  |  | 5.6.10 |  | Hướng sử dụng Thư viện điện tử |
| 506 |  |  |  | 1.1.19 | Kế hoạch triển khai khảo sát số 75/KH-CĐN ngày 25/6/2019; Kế hoạch triển khai khảo sát số số 75/KH-CĐN ngày 17/6/2020*;* Kế hoạch triển khai công tác khảo sát ý kiến đánh giá chất lượng các KH số 131/KH-CĐN ngày 07/7/2021 |
| 507 |  |  |  | 1.1.20 | Bộ phiếu thu thập ý kiến cán bộ quản lý, viên chức và người lao động; Khảo sát HSSV đang học về chất lượng, hiệu quả các hình thức đào tạo, phương thức đào tạo; Khảo sát HSSV sau khi tốt nghiệp về tình hình việc làm và đánh giá chất lượng, hiệu quả các hình thức đào tạo; Khảo sát Chương trình, giáo trình về chất lượng, hiệu quả các chương trình, giáo trình đào tạo; Khảo sát người học về chất lượng cá Mô đun/Môn học |
| 508 |  |  |  | 1.1.21 | Danh sách thu thập ý kiến cán bộ quản lý, viên chức và người lao động; Khảo sát HSSV đang học về chất lượng, hiệu quả các hình thức đào tạo, phương thức đào tạo; Khảo sát HSSV sau khi tốt nghiệp về tình hình việc làm và đánh giá chất lượng, hiệu quả các hình thức đào tạo; Khảo sát về Chương trình, giáo trình về chất lượng, hiệu quả các chương trình, giáo trình đào tạo; Khảo sát người học vế chất lượng cá Mô đun/Môn học Trường Cao đẳng nghề Thành phố Hồ Chí Minh |
| 509 |  |  |  | 1.1.22 | Bảng tổng hợp thu thập ý kiến cán bộ quản lý, viên chức và người lao động; Khảo sát HSSV đang học về chất lượng, hiệu quả các hình thức đào tạo, phương thức đào tạo; Khảo sát HSSV sau khi tốt nghiệp về tình hình việc làm và đánh giá chất lượng, hiệu quả các hình thức đào tạo; Khảo sát về Chương trình, giáo trình về chất lượng, hiệu quả các chương trình, giáo trình đào tạo; Khảo sát người học vế chất lượng cá Mô đun/Môn học Trường Cao đẳng nghề Thành phố Hồ Chí Minh |
| 510 |  |  |  | 1.1.23 | Báo cáo kết quả thu thập ý kiến cán bộ quản lý, viên chức và người lao động; Khảo sát HSSV đang học về chất lượng, hiệu quả các hình thức đào tạo, phương thức đào tạo; Khảo sát HSSV sau khi tốt nghiệp về tình hình việc làm và đánh giá chất lượng, hiệu quả các hình thức đào tạo; Khảo sát Chương trình, giáo trình về chất lượng, hiệu quả các chương trình, giáo trình đào tạo; Khảo sát người học về chất lượng cá Mô đun/Môn học năm 2020, 2021 (kèm bảng tổng hợp và danh sách khảo sát |
| 511 |  | 5.7 |  | 5.6.06 | Quyết định ban hành Nội quy thư viện của Trường CĐN TPHCM sô 431/QĐ-CĐN ngày 30/12/2017; Quyết định ban hành Nội quy phòng máy của thư viện Trường CĐN TPHCM sô 432//QĐ-CĐN ngày 30/12/2017 |
| 512 |  |  |  | 5.6.07 | Sổ mượn sách, tài liệu, giáo trình của GV |
| 513 |  |  |  | 5.6.08 | *Báo cáo về hoạt động thư viện năm 2019, 2020, 2021* |
| 514 |  |  |  | 5.6.09 | *Báo cáo về cán bộ, giảng viên, công nhân viên và học sinh - sinh viên đến thư viện tra cứu tài liệu - truy cập dữ liệu năm 2019, 2020, 2021* |
| 515 |  |  | 5.7.01 |  | Hình chụp Phần mềm quản lý thư viện của Trường; Phần mềm EMIS quản lý đào tạo |
| 516 |  |  | 5.7.02 |  | Hợp đồng về bảo hành bảo trì phần mềm quản lý đào tạo giữa trường Cao đẳng nghề TP. Hồ Chí Minh và Công ty Cổ phần CNTT và Viễn thông SBC số 287/BSC-CĐN ngày 28/07/2016 |
| 517 |  |  | 5.7.03 |  | Danh mục thiết bị, máy tính hiện có tại thư viện |
| 518 |  |  | 5.7.04 |  | Hợp đồng sử dụng mạng Internet của nhà trường |
| 519 |  |  | 5.7.05 |  | *Biên bản kiểm kê tài sản cố định, CCDC năm 2019, 2020, 2021 (thư viện)* |
| 520 |  |  | 5.7.06 |  | Sơ đồ mạng LAN |
| 521 |  | 5.8 | 5.8.01 |  | Danh sách các mô đun/ môn học có sử dụng phần mềm trình chiếu và mô phỏng |
| 522 |  |  | 5.8.02 |  | Hình chụp phần mềm mô phỏng, clip mô phỏng… |
| 523 |  |  | 5.8.03 |  | Hình chụp Mô hình thiết bị dạy học tự làm |
| 524 |  |  |  | 5.1.09 | Danh mục thiết bị đào tạo tại các phòng học, xưởng thực hành, phòng Vi tính học chuyên môn |
| 525 |  |  |  | 5.1.10 | Sổ lý lịch máy |
| 526 | 6 | 6.1 |  | 1.1.03 | Quyết định Ban hành Quy chế tổ chức, hoạt động của Trường CĐN TP.HCM số 275/QĐ-CĐN, ngày 17/8/2017 |
| 527 |  |  |  | 1.2.01 | Quyết định 430/QĐ-CĐN ngày 30/12/2017 Ban hành Quy định chức năng nhiệm vụ của các đơn vị trực thuộc trường CĐN TP.HCM |
| 528 |  |  |  | 2.2.01 | Quyết định Ban hành Quy chế tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ Trung cấp, trình độ Cao đẳng theo niên chế; kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp tại Trường CĐN TP. Hồ Chí Minh số 09/QĐ-CĐN ngày 16/01/2018 |
| 529 |  |  | 6.1.01 |  | Quyết định về việc ban hành Nội quy học sinh sinh viên của trường Cao đẳng nghề Thành phố Hồ Chí Minh số 299/QĐ-CĐN ngày 11/09/2017 |
| 530 |  |  | 6.1.02 |  | Sổ tay HSSV (do Trường Cao đẳng nghề TP.HCM phát hành) |
| 531 |  |  | 6.1.03 |  | Kế hoạch đón tiếp HSSV năm học 2017-2018 số 50/KH-CĐN ngày 02/8/2017, số 62/KH-CĐN ngày 23/7/2018, số 93/KH-CĐN ngày 19/7/2019; Kế hoạch số 98/KH-CĐN ngày 14/8/2019 v/v tổ chức tuần lễ Giáo dục định hướng ngày 14/8/2019; Báo cáo về việc thực hiện tiếp tân sinh viên năm học 2017-2018 số 14/BC-CTHSSV ngày 25/10/2017; Báo cáo về việc thực hiện tiếp tân sinh viên năm học 2018-2019 số 14/BC-CTHSSV ngày 31/10/2018; Báo cáo số 11/BC-CTHSSV ngày 10/10/2019 v/v tổ chức tuần lễ sinh hoạt chính trị đầu khóa |
| 532 |  |  | 6.1.04 |  | Hình ảnh trong các buổi sinh hoạt đầu khóa |
| 533 |  |  | 6.1.05 |  | Quyết định về việc ban hành Quy định; nội quy ký túc xá số 240/QĐ-CĐN ngày 01/11/2011; QĐ 414/QĐ-CĐN Ban hành Quy chế công tác học sinh, sinh viên nội trú của Trường Cao đẳng nghề TP. Hồ Chí Minh số 414/QĐ-CĐN ngày 31/12/2019 (kèm Nội quy ký túc xá) |
| 534 |  |  | 6.1.06 |  | Hướng dẫn HSSV thủ tục đăng ký ở nội trú KTX số 189/HD-CĐN ngày 01/08/2017) |
| 535 |  |  | 6.1.07 |  | Quyết định về việc ban hành quy định cấp học bổng khuyến khích học nghề số 296/QĐ-CĐN ngày 11/10/2018 |
| 536 |  |  | 6.1.08 |  | *Quyết định v/v ban hành Quy định xét, miễn giảm học phí cho HSSV theo hình thức đào tào chính quy tại Trường Cao đẳng nghề TPHCM từ năm học 2017-2018 đến năm học 2020-2021 số 412/QĐ-CĐN ngày 21/12/2018* |
| 537 |  |  |  | 1.1.05 | www.caodangnghehcm.edu.vn; Video giới thiệu về trường; Các bài báo |
| 538 |  |  |  | 1.1.19 | Kế hoạch triển khai khảo sát số 75/KH-CĐN ngày 25/6/2019; Kế hoạch triển khai khảo sát số số 75/KH-CĐN ngày 17/6/2020*;* Kế hoạch triển khai công tác khảo sát ý kiến đánh giá chất lượng các KH số 131/KH-CĐN ngày 07/7/2021 |
| 539 |  |  |  | 1.1.20 | Bộ phiếu thu thập ý kiến cán bộ quản lý, viên chức và người lao động; Khảo sát HSSV đang học về chất lượng, hiệu quả các hình thức đào tạo, phương thức đào tạo; Khảo sát HSSV sau khi tốt nghiệp về tình hình việc làm và đánh giá chất lượng, hiệu quả các hình thức đào tạo; Khảo sát Chương trình, giáo trình về chất lượng, hiệu quả các chương trình, giáo trình đào tạo; Khảo sát người học về chất lượng cá Mô đun/Môn học |
| 540 |  |  |  | 1.1.21 | Danh sách thu thập ý kiến cán bộ quản lý, viên chức và người lao động; Khảo sát HSSV đang học về chất lượng, hiệu quả các hình thức đào tạo, phương thức đào tạo; Khảo sát HSSV sau khi tốt nghiệp về tình hình việc làm và đánh giá chất lượng, hiệu quả các hình thức đào tạo; Khảo sát về Chương trình, giáo trình về chất lượng, hiệu quả các chương trình, giáo trình đào tạo; Khảo sát người học vế chất lượng cá Mô đun/Môn học Trường Cao đẳng nghề Thành phố Hồ Chí Minh |
| 541 |  |  |  | 1.1.22 | Bảng tổng hợp thu thập ý kiến cán bộ quản lý, viên chức và người lao động; Khảo sát HSSV đang học về chất lượng, hiệu quả các hình thức đào tạo, phương thức đào tạo; Khảo sát HSSV sau khi tốt nghiệp về tình hình việc làm và đánh giá chất lượng, hiệu quả các hình thức đào tạo; Khảo sát về Chương trình, giáo trình về chất lượng, hiệu quả các chương trình, giáo trình đào tạo; Khảo sát người học vế chất lượng cá Mô đun/Môn học Trường Cao đẳng nghề Thành phố Hồ Chí Minh |
| 542 |  |  |  | 1.1.23 | Báo cáo kết quả thu thập ý kiến cán bộ quản lý, viên chức và người lao động; Khảo sát HSSV đang học về chất lượng, hiệu quả các hình thức đào tạo, phương thức đào tạo; Khảo sát HSSV sau khi tốt nghiệp về tình hình việc làm và đánh giá chất lượng, hiệu quả các hình thức đào tạo; Khảo sát Chương trình, giáo trình về chất lượng, hiệu quả các chương trình, giáo trình đào tạo; Khảo sát người học về chất lượng cá Mô đun/Môn học năm 2020, 2021 (kèm bảng tổng hợp và danh sách khảo sát |
| 543 |  | 6.2 |  | 1.1.03 | Quyết định Ban hành Quy chế tổ chức, hoạt động của Trường CĐN TP.HCM số 275/QĐ-CĐN, ngày 17/8/2017 |
| 544 |  |  |  | 2.2.01 | Quyết định Ban hành Quy chế tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ Trung cấp, trình độ Cao đẳng theo niên chế; kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp tại Trường CĐN TP. Hồ Chí Minh số 09/QĐ-CĐN ngày 16/01/2018 |
| 545 |  |  |  | 6.1.01 | Quyết định về việc ban hành Nội quy học sinh sinh viên của trường Cao đẳng nghề Thành phố Hồ Chí Minh số 299/QĐ-CĐN ngày 11/09/2017 |
| 546 |  |  |  | 6.1.05 | Quyết định về việc ban hành Quy định; nội quy ký túc xá số 240/QĐ-CĐN ngày 01/11/2011; QĐ 414/QĐ-CĐN Ban hành Quy chế công tác học sinh, sinh viên nội trú của Trường Cao đẳng nghề TP. Hồ Chí Minh số 414/QĐ-CĐN ngày 31/12/2019 (kèm Nội quy ký túc xá) |
| 547 |  |  |  | 6.1.06 | Hướng dẫn HSSV thủ tục đăng ký ở nội trú KTX số 189/HD-CĐN ngày 01/08/2017 |
| 548 |  |  |  | 6.1.07 | Quyết định về việc ban hành quy định cấp học bổng khuyến khích học nghề số 296/QĐ-CĐN ngày 11/10/2018 |
| 549 |  |  |  | 6.1.08 | Quyết định v/v ban hành Quy định xét, miễn giảm học phí cho HSSV theo hình thức đào tào chính quy tại Trường Cao đẳng nghề TPHCM từ năm 2016-2017 đến năm 2020-2021 số 412/QĐ-CĐN ngày 21/12/2018 |
| 550 |  |  | 6.2.02 |  | *Sổ cấp phát giấy tờ* |
| 551 |  |  | 6.2.03 |  | *Báo cáo công tác HSSV năm 2021* |
| 552 |  |  | 6.2.04 |  | *Báo cáo tổng kết công tác năm học 2020-2021 và phương hướng nhiệm vụ năm học 2021-2022* |
| 553 |  |  |  | 1.1.19 | Kế hoạch triển khai khảo sát số 75/KH-CĐN ngày 25/6/2019; Kế hoạch triển khai khảo sát số số 75/KH-CĐN ngày 17/6/2020*;* Kế hoạch triển khai công tác khảo sát ý kiến đánh giá chất lượng các KH số 131/KH-CĐN ngày 07/7/2021 |
| 554 |  |  |  | 1.1.20 | Bộ phiếu thu thập ý kiến cán bộ quản lý, viên chức và người lao động; Khảo sát HSSV đang học về chất lượng, hiệu quả các hình thức đào tạo, phương thức đào tạo; Khảo sát HSSV sau khi tốt nghiệp về tình hình việc làm và đánh giá chất lượng, hiệu quả các hình thức đào tạo; Khảo sát Chương trình, giáo trình về chất lượng, hiệu quả các chương trình, giáo trình đào tạo; Khảo sát người học về chất lượng cá Mô đun/Môn học |
| 555 |  |  |  | 1.1.21 | Danh sách thu thập ý kiến cán bộ quản lý, viên chức và người lao động; Khảo sát HSSV đang học về chất lượng, hiệu quả các hình thức đào tạo, phương thức đào tạo; Khảo sát HSSV sau khi tốt nghiệp về tình hình việc làm và đánh giá chất lượng, hiệu quả các hình thức đào tạo; Khảo sát về Chương trình, giáo trình về chất lượng, hiệu quả các chương trình, giáo trình đào tạo; Khảo sát người học vế chất lượng cá Mô đun/Môn học Trường Cao đẳng nghề Thành phố Hồ Chí Minh |
| 556 |  |  |  | 1.1.22 | Bảng tổng hợp thu thập ý kiến cán bộ quản lý, viên chức và người lao động; Khảo sát HSSV đang học về chất lượng, hiệu quả các hình thức đào tạo, phương thức đào tạo; Khảo sát HSSV sau khi tốt nghiệp về tình hình việc làm và đánh giá chất lượng, hiệu quả các hình thức đào tạo; Khảo sát về Chương trình, giáo trình về chất lượng, hiệu quả các chương trình, giáo trình đào tạo; Khảo sát người học vế chất lượng cá Mô đun/Môn học Trường Cao đẳng nghề Thành phố Hồ Chí Minh |
| 557 |  |  |  | 1.1.23 | Báo cáo kết quả thu thập ý kiến cán bộ quản lý, viên chức và người lao động; Khảo sát HSSV đang học về chất lượng, hiệu quả các hình thức đào tạo, phương thức đào tạo; Khảo sát HSSV sau khi tốt nghiệp về tình hình việc làm và đánh giá chất lượng, hiệu quả các hình thức đào tạo; Khảo sát Chương trình, giáo trình về chất lượng, hiệu quả các chương trình, giáo trình đào tạo; Khảo sát người học về chất lượng cá Mô đun/Môn học năm 2020, 2021 (kèm bảng tổng hợp và danh sách khảo sát) |
| 558 |  | 6.3 | 6.3.01 |  | Kế hoạch tổ chức ngày hội việc làm số 52/KH-CĐN ngày 7/6/2018, số 141/KH-CĐN ngày 30/10/2019 |
| 559 |  |  | 6.3.02 |  | *Tổng hợp công tác tuyển sinh năm 2019, 2020, 2021; Danh sách CB, GV thực hiện tư vấn việc làm cho người học năm 2019, 2020, 2021* |
| 560 |  |  | 6.3.03 |  | *Báo cáo tổng kết tổ chức ngày hội việc làm và kết nối doanh nghiệp năm 2019, 2020, 2021* |
| 561 |  |  | 6.3.04 |  | *Danh sách công ty đăng ký tham gia ngày hội tuyển dụng năm 2019, 2020, 2021).* |
| 562 |  |  | 6.3.05 |  | *Hợp đồng ghi nhớ v/v hợp tác liên kết đào tạo và cung ứng lao động số 51/HD-CĐN ngày 11/10/2016; Hợp đồng ghi nhớ v/v Hợp tác , liên kết đào tạo số 03/HD-CĐN; Hợp đồng số 10/HĐ-CĐN ngày 2/8/2018 v/v hợp tác, liên kết đào tạo và cung ứng lao động; Hợp đồng số 157/HD-CĐN ngày 15/11/2019 v/v hợp tác, liên kết đào tạo và cung ứng lao động* |
| 563 |  |  | 6.3.06 |  | *Báo cáo tổng kết tổ chức ngày hội việc làm và kết nối doanh nghiệp năm năm 2019, 2020, 2021* |
| 564 |  |  |  | 1.1.05 | www.caodangnghehcm.edu.vn; Video giới thiệu về trường; Các bài báo; Các thông báo tuyển dụng). |
| 565 |  |  | 6.3.07 |  | *Hợp đồng ghi nhớ v/v hợp tác liên kết đào tạo và cung ứng lao động năm 2019, 2020, 2021* |
| 566 |  |  | 6.3.08 |  | *Kế hoạch Tổ chức Ngày hội tuyển dụng năm 2019 (Kết hợp với Lễ trao bằng tốt nghiệp năm 2019 số 141/KH-CĐN ngày 30/10/2019, năm 2020, 2021)* |
| 567 |  |  |  | 1.1.19 | Kế hoạch triển khai khảo sát số 75/KH-CĐN ngày 25/6/2019; Kế hoạch triển khai khảo sát số số 75/KH-CĐN ngày 17/6/2020*;* Kế hoạch triển khai công tác khảo sát ý kiến đánh giá chất lượng các KH số 131/KH-CĐN ngày 07/7/2021 |
| 568 |  |  |  | 1.1.20 | Bộ phiếu thu thập ý kiến cán bộ quản lý, viên chức và người lao động; Khảo sát HSSV đang học về chất lượng, hiệu quả các hình thức đào tạo, phương thức đào tạo; Khảo sát HSSV sau khi tốt nghiệp về tình hình việc làm và đánh giá chất lượng, hiệu quả các hình thức đào tạo; Khảo sát Chương trình, giáo trình về chất lượng, hiệu quả các chương trình, giáo trình đào tạo; Khảo sát người học về chất lượng cá Mô đun/Môn học |
| 569 |  |  |  | 1.1.21 | Danh sách thu thập ý kiến cán bộ quản lý, viên chức và người lao động; Khảo sát HSSV đang học về chất lượng, hiệu quả các hình thức đào tạo, phương thức đào tạo; Khảo sát HSSV sau khi tốt nghiệp về tình hình việc làm và đánh giá chất lượng, hiệu quả các hình thức đào tạo; Khảo sát về Chương trình, giáo trình về chất lượng, hiệu quả các chương trình, giáo trình đào tạo; Khảo sát người học vế chất lượng cá Mô đun/Môn học Trường Cao đẳng nghề Thành phố Hồ Chí Minh |
| 570 |  |  |  | 1.1.22 | Bảng tổng hợp thu thập ý kiến cán bộ quản lý, viên chức và người lao động; Khảo sát HSSV đang học về chất lượng, hiệu quả các hình thức đào tạo, phương thức đào tạo; Khảo sát HSSV sau khi tốt nghiệp về tình hình việc làm và đánh giá chất lượng, hiệu quả các hình thức đào tạo; Khảo sát về Chương trình, giáo trình về chất lượng, hiệu quả các chương trình, giáo trình đào tạo; Khảo sát người học vế chất lượng cá Mô đun/Môn học Trường Cao đẳng nghề Thành phố Hồ Chí Minh |
| 571 |  |  |  | 1.1.23 | Báo cáo kết quả thu thập ý kiến cán bộ quản lý, viên chức và người lao động; Khảo sát HSSV đang học về chất lượng, hiệu quả các hình thức đào tạo, phương thức đào tạo; Khảo sát HSSV sau khi tốt nghiệp về tình hình việc làm và đánh giá chất lượng, hiệu quả các hình thức đào tạo; Khảo sát Chương trình, giáo trình về chất lượng, hiệu quả các chương trình, giáo trình đào tạo; Khảo sát người học về chất lượng cá Mô đun/Môn học năm 2020, 2021 (kèm bảng tổng hợp và danh sách khảo sát) |
| 572 |  |  |  | 6.1.13 | Báo cáo kết quả thu thập ý kiến dành cho cán bộ quản lý, nhà giáo, viên chức và người lao động về chính sách tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng, bổ nhiệm cán bộ quản lý, nhà giáo, viên chức và người lao động năm 2018, 2019,2020,2021; Báo cáo kết quả lần vết năm 2017, 2018, 2019, 2020 |
| 573 |  | 6.4 |  | 5.1.01 | Quyết định phê duyệt thiết kế thi công và dự toán số 239/SXD-GD-QĐ ngày 24/7/2002; Quyết định phê duyệt dự án trường CĐN TPHCM cơ sở 2 số 15/QĐ-SXD-TĐDA ngày 2/2/2016; Quyết định về việc phê duyệt bản vẽ thi công và dự toán xây dựng công trình trường CĐN TPHCM cơ sở 2 số 1357/QĐ-SXD-GD-KTXD ngày 8/9/2017 |
| 574 |  |  |  | 5.1.02 | *Hồ sơ hoàn công* |
| 575 |  |  |  | 5.1.03 | *Báo cáo về tình hình quản lý và sử dụng đất năm 2019, 2020, 2021* |
| 576 |  |  | 6.4.01 |  | Hồ sơ thiết kế khu thể thao đa năng (cơ sở 2) |
| 577 |  |  | 6.4.02 |  | *các kế hoạch tổ chức hoạt động của Công đoàn, Đoàn thanh niên năm 2021* |
| 578 |  |  | 6.4.03 |  | *Chương trình Công tác Đoàn và phong trào thanh thiếu nhi năm 2021* |
| 579 |  |  | 6.4.04 |  | *Báo cáo tổng kết công tác Đoàn và phong trào Thanh niên năm 2019, 2020, 2021* |
| 560 |  |  | 6.4.05 |  | Hình ảnh hoạt động văn nghệ, thể thao của HSSV khoa Đ-ĐL các năm |
| 561 |  |  |  | 1.1.19 | Kế hoạch triển khai khảo sát số 75/KH-CĐN ngày 25/6/2019; Kế hoạch triển khai khảo sát số số 75/KH-CĐN ngày 17/6/2020*;* Kế hoạch triển khai công tác khảo sát ý kiến đánh giá chất lượng các KH số 131/KH-CĐN ngày 07/7/2021 |
| 562 |  |  |  | 1.1.20 | Bộ phiếu thu thập ý kiến cán bộ quản lý, viên chức và người lao động; Khảo sát HSSV đang học về chất lượng, hiệu quả các hình thức đào tạo, phương thức đào tạo; Khảo sát HSSV sau khi tốt nghiệp về tình hình việc làm và đánh giá chất lượng, hiệu quả các hình thức đào tạo; Khảo sát Chương trình, giáo trình về chất lượng, hiệu quả các chương trình, giáo trình đào tạo; Khảo sát người học về chất lượng cá Mô đun/Môn học |
| 563 |  |  |  | 1.1.21 | Danh sách thu thập ý kiến cán bộ quản lý, viên chức và người lao động; Khảo sát HSSV đang học về chất lượng, hiệu quả các hình thức đào tạo, phương thức đào tạo; Khảo sát HSSV sau khi tốt nghiệp về tình hình việc làm và đánh giá chất lượng, hiệu quả các hình thức đào tạo; Khảo sát về Chương trình, giáo trình về chất lượng, hiệu quả các chương trình, giáo trình đào tạo; Khảo sát người học vế chất lượng cá Mô đun/Môn học Trường Cao đẳng nghề Thành phố Hồ Chí Minh |
| 564 |  |  |  | 1.1.22 | Bảng tổng hợp thu thập ý kiến cán bộ quản lý, viên chức và người lao động; Khảo sát HSSV đang học về chất lượng, hiệu quả các hình thức đào tạo, phương thức đào tạo; Khảo sát HSSV sau khi tốt nghiệp về tình hình việc làm và đánh giá chất lượng, hiệu quả các hình thức đào tạo; Khảo sát về Chương trình, giáo trình về chất lượng, hiệu quả các chương trình, giáo trình đào tạo; Khảo sát người học vế chất lượng cá Mô đun/Môn học Trường Cao đẳng nghề Thành phố Hồ Chí Minh |
| 565 |  |  |  | 1.1.23 | Báo cáo kết quả thu thập ý kiến cán bộ quản lý, viên chức và người lao động; Khảo sát HSSV đang học về chất lượng, hiệu quả các hình thức đào tạo, phương thức đào tạo; Khảo sát HSSV sau khi tốt nghiệp về tình hình việc làm và đánh giá chất lượng, hiệu quả các hình thức đào tạo; Khảo sát Chương trình, giáo trình về chất lượng, hiệu quả các chương trình, giáo trình đào tạo; Khảo sát người học về chất lượng cá Mô đun/Môn học năm 2020, 2021 (kèm bảng tổng hợp và danh sách khảo sát) |
| 566 |  |  |  | 1.1.19 | Kế hoạch triển khai khảo sát số 75/KH-CĐN ngày 25/6/2019; Kế hoạch triển khai khảo sát số số 75/KH-CĐN ngày 17/6/2020*;* Kế hoạch triển khai công tác khảo sát ý kiến đánh giá chất lượng các KH số 131/KH-CĐN ngày 07/7/2021) |
| 567 |  |  |  | 1.1.20 | Bộ phiếu thu thập ý kiến cán bộ quản lý, viên chức và người lao động; Khảo sát HSSV đang học về chất lượng, hiệu quả các hình thức đào tạo, phương thức đào tạo; Khảo sát HSSV sau khi tốt nghiệp về tình hình việc làm và đánh giá chất lượng, hiệu quả các hình thức đào tạo; Khảo sát Chương trình, giáo trình về chất lượng, hiệu quả các chương trình, giáo trình đào tạo; Khảo sát người học về chất lượng cá Mô đun/Môn học |
| 568 | 7 | 7.1 | 7.1.01 |  | Phiếu khảo sát Doanh nghiệp |
| 569 |  |  | 7.1.02 |  | Báo cáo kết quả khảo sát Doanh nghiệp (kèm danh sách DN khảo sát) |
| 570 |  | 7.2 |  | 1.1.19 | Kế hoạch triển khai khảo sát số 75/KH-CĐN ngày 25/6/2019; Kế hoạch triển khai khảo sát số số 75/KH-CĐN ngày 17/6/2020*;* Kế hoạch triển khai công tác khảo sát ý kiến đánh giá chất lượng các KH số 131/KH-CĐN ngày 07/7/2021viên năm 2019 số 117/KH-CĐN ngày 3/12/2018; số 73/KH-CĐN ngày 17/6/2020; số 131 ngày 07/7/2021 |
| 571 |  |  |  | 1.1.20 | Bộ phiếu thu thập ý kiến cán bộ quản lý, viên chức và người lao động; Khảo sát HSSV đang học về chất lượng, hiệu quả các hình thức đào tạo, phương thức đào tạo; Khảo sát HSSV sau khi tốt nghiệp về tình hình việc làm và đánh giá chất lượng, hiệu quả các hình thức đào tạo; Khảo sát Chương trình, giáo trình về chất lượng, hiệu quả các chương trình, giáo trình đào tạo; Khảo sát người học về chất lượng cá Mô đun/Môn học |
| 572 |  |  |  | 1.1.21 | Danh sách thu thập ý kiến cán bộ quản lý, viên chức và người lao động; Khảo sát HSSV đang học về chất lượng, hiệu quả các hình thức đào tạo, phương thức đào tạo; Khảo sát HSSV sau khi tốt nghiệp về tình hình việc làm và đánh giá chất lượng, hiệu quả các hình thức đào tạo; Khảo sát về Chương trình, giáo trình về chất lượng, hiệu quả các chương trình, giáo trình đào tạo; Khảo sát người học vế chất lượng cá Mô đun/Môn học Trường Cao đẳng nghề Thành phố Hồ Chí Minh |
| 573 |  |  |  | 1.1.22 | Bảng tổng hợp thu thập ý kiến cán bộ quản lý, viên chức và người lao động; Khảo sát HSSV đang học về chất lượng, hiệu quả các hình thức đào tạo, phương thức đào tạo; Khảo sát HSSV sau khi tốt nghiệp về tình hình việc làm và đánh giá chất lượng, hiệu quả các hình thức đào tạo; Khảo sát về Chương trình, giáo trình về chất lượng, hiệu quả các chương trình, giáo trình đào tạo; Khảo sát người học vế chất lượng cá Mô đun/Môn học Trường Cao đẳng nghề Thành phố Hồ Chí Minh |
| 574 |  |  |  | 1.1.23 | Báo cáo kết quả thu thập ý kiến cán bộ quản lý, viên chức và người lao động; Khảo sát HSSV đang học về chất lượng, hiệu quả các hình thức đào tạo, phương thức đào tạo; Khảo sát HSSV sau khi tốt nghiệp về tình hình việc làm và đánh giá chất lượng, hiệu quả các hình thức đào tạo; Khảo sát Chương trình, giáo trình về chất lượng, hiệu quả các chương trình, giáo trình đào tạo; Khảo sát người học về chất lượng cá Mô đun/Môn học năm 2020, 2021 (kèm bảng tổng hợp và danh sách khảo sát) |
| 575 |  | 7.3 |  | 1.1.19 | Kế hoạch triển khai khảo sát số 75/KH-CĐN ngày 25/6/2019; Kế hoạch triển khai khảo sát số số 75/KH-CĐN ngày 17/6/2020*;* Kế hoạch triển khai công tác khảo sát ý kiến đánh giá chất lượng các KH số 131/KH-CĐN ngày 07/7/2021 |
| 576 |  |  |  | 1.1.20 | Bộ phiếu thu thập ý kiến cán bộ quản lý, viên chức và người lao động; Khảo sát HSSV đang học về chất lượng, hiệu quả các hình thức đào tạo, phương thức đào tạo; Khảo sát HSSV sau khi tốt nghiệp về tình hình việc làm và đánh giá chất lượng, hiệu quả các hình thức đào tạo; Khảo sát Chương trình, giáo trình về chất lượng, hiệu quả các chương trình, giáo trình đào tạo; Khảo sát người học về chất lượng cá Mô đun/Môn học |
| 577 |  |  |  | 1.1.21 | Danh sách thu thập ý kiến cán bộ quản lý, viên chức và người lao động; Khảo sát HSSV đang học về chất lượng, hiệu quả các hình thức đào tạo, phương thức đào tạo; Khảo sát HSSV sau khi tốt nghiệp về tình hình việc làm và đánh giá chất lượng, hiệu quả các hình thức đào tạo; Khảo sát về Chương trình, giáo trình về chất lượng, hiệu quả các chương trình, giáo trình đào tạo; Khảo sát người học vế chất lượng cá Mô đun/Môn học Trường Cao đẳng nghề Thành phố Hồ Chí Minh |
| 578 |  |  |  | 1.1.22 | Bảng tổng hợp thu thập ý kiến cán bộ quản lý, viên chức và người lao động; Khảo sát HSSV đang học về chất lượng, hiệu quả các hình thức đào tạo, phương thức đào tạo; Khảo sát HSSV sau khi tốt nghiệp về tình hình việc làm và đánh giá chất lượng, hiệu quả các hình thức đào tạo; Khảo sát về Chương trình, giáo trình về chất lượng, hiệu quả các chương trình, giáo trình đào tạo; Khảo sát người học vế chất lượng cá Mô đun/Môn học Trường Cao đẳng nghề Thành phố Hồ Chí Minh |
| 579 |  |  |  | 1.1.23 | Báo cáo kết quả thu thập ý kiến cán bộ quản lý, viên chức và người lao động; Khảo sát HSSV đang học về chất lượng, hiệu quả các hình thức đào tạo, phương thức đào tạo; Khảo sát HSSV sau khi tốt nghiệp về tình hình việc làm và đánh giá chất lượng, hiệu quả các hình thức đào tạo; Khảo sát Chương trình, giáo trình về chất lượng, hiệu quả các chương trình, giáo trình đào tạo; Khảo sát người học về chất lượng cá Mô đun/Môn học năm 2020, 2021 (kèm bảng tổng hợp và danh sách khảo sát) |
| 580 |  | 7.4 |  | 1.1.19 | Kế hoạch triển khai khảo sát số 75/KH-CĐN ngày 25/6/2019; Kế hoạch triển khai khảo sát số số 75/KH-CĐN ngày 17/6/2020*;* Kế hoạch triển khai công tác khảo sát ý kiến đánh giá chất lượng các KH số 131/KH-CĐN ngày 07/7/2021 |
| 581 |  |  |  | 1.1.20 | Bộ phiếu thu thập ý kiến cán bộ quản lý, viên chức và người lao động; Khảo sát HSSV đang học về chất lượng, hiệu quả các hình thức đào tạo, phương thức đào tạo; Khảo sát HSSV sau khi tốt nghiệp về tình hình việc làm và đánh giá chất lượng, hiệu quả các hình thức đào tạo; Khảo sát Chương trình, giáo trình về chất lượng, hiệu quả các chương trình, giáo trình đào tạo; Khảo sát người học về chất lượng cá Mô đun/Môn học |
| 582 |  |  |  | 1.1.21 | Danh sách thu thập ý kiến cán bộ quản lý, viên chức và người lao động; Khảo sát HSSV đang học về chất lượng, hiệu quả các hình thức đào tạo, phương thức đào tạo; Khảo sát HSSV sau khi tốt nghiệp về tình hình việc làm và đánh giá chất lượng, hiệu quả các hình thức đào tạo; Khảo sát về Chương trình, giáo trình về chất lượng, hiệu quả các chương trình, giáo trình đào tạo; Khảo sát người học vế chất lượng cá Mô đun/Môn học Trường Cao đẳng nghề Thành phố Hồ Chí Minh |
| 583 |  |  |  | 1.1.22 | Bảng tổng hợp thu thập ý kiến cán bộ quản lý, viên chức và người lao động; Khảo sát HSSV đang học về chất lượng, hiệu quả các hình thức đào tạo, phương thức đào tạo; Khảo sát HSSV sau khi tốt nghiệp về tình hình việc làm và đánh giá chất lượng, hiệu quả các hình thức đào tạo; Khảo sát về Chương trình, giáo trình về chất lượng, hiệu quả các chương trình, giáo trình đào tạo; Khảo sát người học vế chất lượng cá Mô đun/Môn học Trường Cao đẳng nghề Thành phố Hồ Chí Minh |
| 584 |  |  |  | 1.1.23 | Báo cáo kết quả thu thập ý kiến cán bộ quản lý, viên chức và người lao động; Khảo sát HSSV đang học về chất lượng, hiệu quả các hình thức đào tạo, phương thức đào tạo; Khảo sát HSSV sau khi tốt nghiệp về tình hình việc làm và đánh giá chất lượng, hiệu quả các hình thức đào tạo; Khảo sát Chương trình, giáo trình về chất lượng, hiệu quả các chương trình, giáo trình đào tạo; Khảo sát người học về chất lượng cá Mô đun/Môn học năm 2020, 2021 (kèm bảng tổng hợp và danh sách khảo sát) |
| 585 |  |  |  | 1.1.24 | Kế hoạch về việc triển khai công tác khảo sát cơ bản, khảo sát lần vết, khảo sát doanh nghiệp và khảo sát ý kiến cán bộ, giảng viên, CNV năm 2017,2018,2019,2020 |
| 586 |  |  |  | 1.1.25 | *Báo cáo kết quả về việc thực hiện triển khai về công tác KSCB, KSLV, KSDN và khảo sát ý kiến CBQL, giảng viên, công nhân viên năm 2017,2018,2019,2020* |
| 587 |  |  | 7.4.01 |  | *Báo cáo số liệu HSSV quý 1/2019, quý 3/2019, quý 2/2020* |
| 588 |  | 7.5 | 7.5.01 |  | *Quyết định thành lập hội đồng tự đánh giá chất lượng giáo dục nghề nghiệp năm 2019, 2020, 2021* |
| 589 |  |  | 7.5.02 |  | *Kế hoạch thực hiện tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo nghề Điện công nghiệp trình độ cao đẳng* *năm 2019, 2020, 2021* |
| 590 |  |  | 7.5.03 |  | *Báo cáo tự đánh giá chương trình đào tạo nghề Điện công nghiệp trình độ cao đẳng năm 2019, 2020, 2021* |
| 591 |  | 7.6 | 7.6.01 |  | *Kế hoạch khắc phục những tồn tại sau tự đánh giá của năm 2019, 2020, 2021* |
| 592 |  |  | 7.6.02 |  | *Báo cáo khắc phục sau tự đánh giá năm 2019, 2020, 2021)* |
| 593 |  | 7.7 |  | 1.1.19 | Kế hoạch triển khai khảo sát số 75/KH-CĐN ngày 25/6/2019; Kế hoạch triển khai khảo sát số số 75/KH-CĐN ngày 17/6/2020*;* Kế hoạch triển khai công tác khảo sát ý kiến đánh giá chất lượng các KH số 131/KH-CĐN ngày 07/7/2021 |
| 594 |  |  |  | 1.1.20 | Bộ phiếu thu thập ý kiến cán bộ quản lý, viên chức và người lao động; Khảo sát HSSV đang học về chất lượng, hiệu quả các hình thức đào tạo, phương thức đào tạo; Khảo sát HSSV sau khi tốt nghiệp về tình hình việc làm và đánh giá chất lượng, hiệu quả các hình thức đào tạo; Khảo sát Chương trình, giáo trình về chất lượng, hiệu quả các chương trình, giáo trình đào tạo; Khảo sát người học về chất lượng cá Mô đun/Môn học |
| 595 |  |  |  | 1.1.21 | Danh sách thu thập ý kiến cán bộ quản lý, viên chức và người lao động; Khảo sát HSSV đang học về chất lượng, hiệu quả các hình thức đào tạo, phương thức đào tạo; Khảo sát HSSV sau khi tốt nghiệp về tình hình việc làm và đánh giá chất lượng, hiệu quả các hình thức đào tạo; Khảo sát về Chương trình, giáo trình về chất lượng, hiệu quả các chương trình, giáo trình đào tạo; Khảo sát người học vế chất lượng cá Mô đun/Môn học Trường Cao đẳng nghề Thành phố Hồ Chí Minh |
| 596 |  |  |  | 1.1.22 | Bảng tổng hợp thu thập ý kiến cán bộ quản lý, viên chức và người lao động; Khảo sát HSSV đang học về chất lượng, hiệu quả các hình thức đào tạo, phương thức đào tạo; Khảo sát HSSV sau khi tốt nghiệp về tình hình việc làm và đánh giá chất lượng, hiệu quả các hình thức đào tạo; Khảo sát về Chương trình, giáo trình về chất lượng, hiệu quả các chương trình, giáo trình đào tạo; Khảo sát người học vế chất lượng cá Mô đun/Môn học Trường Cao đẳng nghề Thành phố Hồ Chí Minh |
| 597 |  |  |  | 1.1.23 | Báo cáo kết quả thu thập ý kiến cán bộ quản lý, viên chức và người lao động; Khảo sát HSSV đang học về chất lượng, hiệu quả các hình thức đào tạo, phương thức đào tạo; Khảo sát HSSV sau khi tốt nghiệp về tình hình việc làm và đánh giá chất lượng, hiệu quả các hình thức đào tạo; Khảo sát Chương trình, giáo trình về chất lượng, hiệu quả các chương trình, giáo trình đào tạo; Khảo sát người học về chất lượng cá Mô đun/Môn học năm 2020, 2021 (kèm bảng tổng hợp và danh sách khảo sát) |
| 598 |  | 7.8 |  | 1.1.19 | Kế hoạch triển khai khảo sát số 75/KH-CĐN ngày 25/6/2019; Kế hoạch triển khai khảo sát số số 75/KH-CĐN ngày 17/6/2020*;* Kế hoạch triển khai công tác khảo sát ý kiến đánh giá chất lượng các KH số 131/KH-CĐN ngày 07/7/2021 |
| 599 |  |  |  | 1.1.20 | Bộ phiếu thu thập ý kiến cán bộ quản lý, viên chức và người lao động; Khảo sát HSSV đang học về chất lượng, hiệu quả các hình thức đào tạo, phương thức đào tạo; Khảo sát HSSV sau khi tốt nghiệp về tình hình việc làm và đánh giá chất lượng, hiệu quả các hình thức đào tạo; Khảo sát Chương trình, giáo trình về chất lượng, hiệu quả các chương trình, giáo trình đào tạo; Khảo sát người học về chất lượng cá Mô đun/Môn học |
| 600 |  |  |  | 7.1.01 | Phiếu khảo sát Doanh nghiệp |
| 601 |  |  |  | 7.1.02 | Báo cáo kết quả khảo sát Doanh nghiệp (kèm danh sách DN khảo sát |